

CÔNG TY TNHH NÔNG SỨC TRỰC ĐIỆN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ”**

Địa điểm: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

CÔNG TY TNHH NÔNG SỨC
TRỰC ĐIỆN



PHAN THỊ BẢY

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỐ XANH



NGUYỄN ANH DŨNG

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	4
1.1. Tên chủ Dự án đầu tư: Công ty TNHH Nông súc Trục Điền.....	4
1.2. Tên Dự án đầu tư: “Cụm nhà xưởng cho thuê”	4
1.5. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án đầu tư.....	16
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....	19
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	19
2.1. Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	19
2.2. Sự phù hợp của Dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	19
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	21
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	21
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	38
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	38
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	39
3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành ...	42
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	53
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải	53
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	57
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	57
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn	58
CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN..	61
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	61
5.1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	61
5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	61
5.2. Chương trình quan trắc môi trường của Dự án.....	63
5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	63
CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	64

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm giới hạn vị trí của Dự án đầu tư	5
Bảng 1.2. Các hình ảnh 1 lượng mục công trình của Dự án đầu tư	10
Bảng 1.3. Nhu cầu hóa chất phục vụ trạm XLNT.....	13
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng điện tại dự án	14
Bảng 1.5. Bảng tiến độ thực hiện dự án	16
Bảng 1.6. Vốn đầu tư các hạng mục dự án	16
Bảng 1.7. Tổ chức, quản lý trong giai đoạn vận hành	18
Bảng 3.1. Bảng thống kê mạng lưới thoát nước mưa	21
Bảng 3.2. Thông tin về hệ thống bể xử lý nước thải.....	31
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật máy móc thiết bị của hệ thống XLNT	31
Bảng 3.4. Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	41
Bảng 3.5. Các sự cố về máy móc, thiết bị thường gặp và biện pháp khắc phục.....	43
Bảng 3.6. Một số sự cố của các bể và biện pháp khắc phục	45
Bảng 3.7. Chu kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý	46
Bảng 5. 1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án.....	61
Bảng 5.2. Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải.....	61
Bảng 5. 3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải của hệ thống xử lý	62
Bảng 5.4. Chương trình giám sát môi trường trong thời gian thực hiện dự án.....	63

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí Dự án đầu tư trong mặt bằng tổng thể khu vực	5
Hình 1.2. Hiện trạng khu nhà xưởng cho thuê	6
Hình 1.3. Hình ảnh đường ĐH.610.....	6
Hình 1.4. Hình ảnh trục đường quốc lộ 13.....	7
Hình 1. 5 Mặt bằng bố trí các nhà kho, xưởng cho thuê tại dự án.....	11
Hình 1.6. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án.....	17
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa tại Dự án đầu tư	21
Hình 3.2. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước của nhà máy	22
Hình 3.3. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m ³ /ngày	24
Hình 3.4. Quy trình vận hành hồ sơ cố của Công ty.....	47

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ Dự án đầu tư: Công ty TNHH Nông súc Trục Điện

- Địa chỉ văn phòng: số 255, ấp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện: Bà Phan Thị Bảy – Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0274.3590368
- Công ty TNHH Nông súc Trục Điện được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3700363082 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/09/2023.
- Công ty TNHH Nông súc Trục Điện được UBND tỉnh Bình Dương cấp Quyết định chủ trương đầu tư ngày 24/08/2020.

1.2. Tên Dự án đầu tư: “Cụm nhà xưởng cho thuê”

- Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 268/QĐ-STNMT ngày 19/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m²” tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Nông súc Trục Điện.
- Quy mô của Dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): nhóm B.

1.2.1. Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư

Công ty TNHH Nông súc Trục Điện có địa chỉ tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 113.330,9 m². Tứ cận tiếp giáp của Dự án như sau:

- Phía Đông : Giáp Công ty Cổ phần Tiến Phát (ngành nghề sản xuất đồ gỗ);
- Phía Tây : Giáp đất trồng cây lâu năm của các hộ dân;
- Phía Nam : Giáp đường ĐH 610 và Công ty TNHH nông sản Đại Việt (ngành nghề chăn nuôi gia súc);
- Phía Bắc : Giáp suối Đồng Cò (nhánh suối Bến Ván), đất trồng cây lâu năm của các hộ dân và Công ty TNHH Hoàng Hùng (cụm nhà xưởng cho thuê)

Tọa độ vị trí các góc của khu đất (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiều 3⁰) như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm giới hạn vị trí của Dự án đầu tư

Kí hiệu	X (m)	Y (m)
1	1244142.89	674014.16
2	1244143.60	673954.45
3	1244099.66	673953.04
4	1244080.56	673855.20
5	1244011.85	673859.87
6	1243973.26	673758.19
7	1243637.94	673813.79
8	1243690.56	674097.81

(Nguồn: Công ty TNHH Nông súc Trực Điện, 2024)



Hình 1.1. Vị trí Dự án đầu tư trong mặt bằng tổng thể khu vực

1.2.2. Hiện trạng khu đất Dự án đầu tư

Dự án đầu tư được bắt đầu triển khai xây dựng vào năm 2021 theo Giấy phép xây dựng số 3980/GPXD do Sở Xây dựng cấp ngày 30/11/2021. Hiện tại các nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ đã được xây dựng hoàn thiện.

Hình ảnh các nhà xưởng đã được xây dựng như sau:



Hình 1.2. Hiện trạng khu nhà xưởng cho thuê

➤ **Mối tương quan của Dự án đầu tư với hạ tầng Dự án đầu tư trong khu vực**

❖ **Hệ thống giao thông**

- *Giao thông đường bộ*

Tiếp cận chính khu đất là tuyến đường trục chính ĐT610 có lộ giới hiện hữu 54 m nằm về phía Nam dự án. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc đấu nối hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu quy hoạch.



Hình 1.3. Hình ảnh đường ĐH.610

Khu vực Dự án cách trục đường Quốc lộ 13 khoảng 4,5km về phía Đông có bề rộng mặt đường là 16-24m, đường nhựa tương đối tốt. Đây là tuyến đường giao thông huyết mạch đi thành phố Thủ Dầu Một, thành phố mới Bình Dương và tỉnh Bình Phước.

Nhìn chung vị trí này rất thuận lợi cho việc chuyên chở nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất và phân phối sản phẩm của Dự án.



Hình 1.4. Hình ảnh trực tiếp đường quốc lộ 13

- Hiện trạng mạng lưới đường ống cấp nước

Khu vực quy hoạch hiện nay đã có hệ thống cấp nước đô thị đi qua bằng tuyến ống D500 hiện hữu nằm trên đường ĐH 610 của nhà máy nước Bàu Bàng. Mạng lưới cấp nước đảm bảo cung cấp nước đến khu đất qua 2 trạm bơm với tổng lưu lượng hơn 50.000m³/ngày cung cấp nước cho các khu dân cư sinh sống hai bên đường.

- Hiện trạng nguồn điện, thông tin liên lạc

Khu vực quy hoạch được cấp điện từ tuyến dây hiện hữu 22kv nằm trên đường ĐH 610. Hệ thống thông tin của các nhà mạng được bố trí treo trên trụ điện.

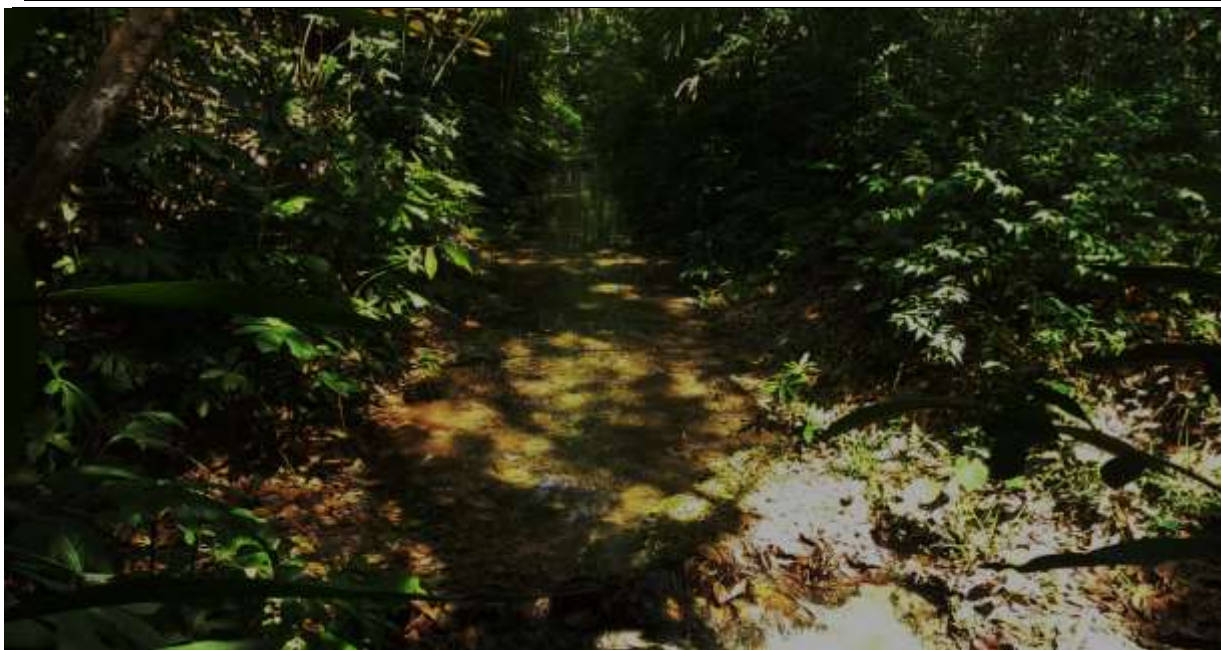
- Hiện trạng ngập lụt của khu vực dự án.

Hiện tại khu vực dự án chưa xảy ra hiện trạng ngập lụt.

- Hiện trạng thoát nước mưa, nước thải

Hiện trạng cao độ nền trong khu quy hoạch tương đối bằng phẳng, hướng dốc chính là hướng Nam xuống Bắc, cao độ tự nhiên thấp nhất 26,20 m ở khu vực giáp suối hiện hữu ở Phía Bắc, cao độ tự nhiên cao nhất 40,12 m ở khu vực giáp đường ĐT610.

Hiện tại liền kề khu đất dự án có suối Đồng Cò chảy qua. Đây cũng là nguồn tiếp nhận, thoát nước mưa, nước thải của khu vực. Suối Đồng Cò đang tiếp nhận nước thải từ Công ty TNHH Hoàng Hùng (cụm nhà xưởng cho thuê) với lưu lượng khoảng 1.600 m³/ngày ~ 0,0185 m³/s, Công ty Cổ phần Tiến Phát (sản xuất đồ gỗ) với lưu lượng khoảng 30 m³/ngày ~ 0,0004 m³/s; Nhà máy cao su Nhật Nam với lưu lượng nước thải phát sinh 300 m³/ngày ~ 0,00347 m³/s; nước mưa chảy tràn từ khu vực đất trồng cây quanh khu vực suối Đồng Cò và các hộ dân sinh sống xung quanh suối thuộc địa bàn thị trấn Lai Uyên.



Suối Đồng Cò



Suối Bến Ván

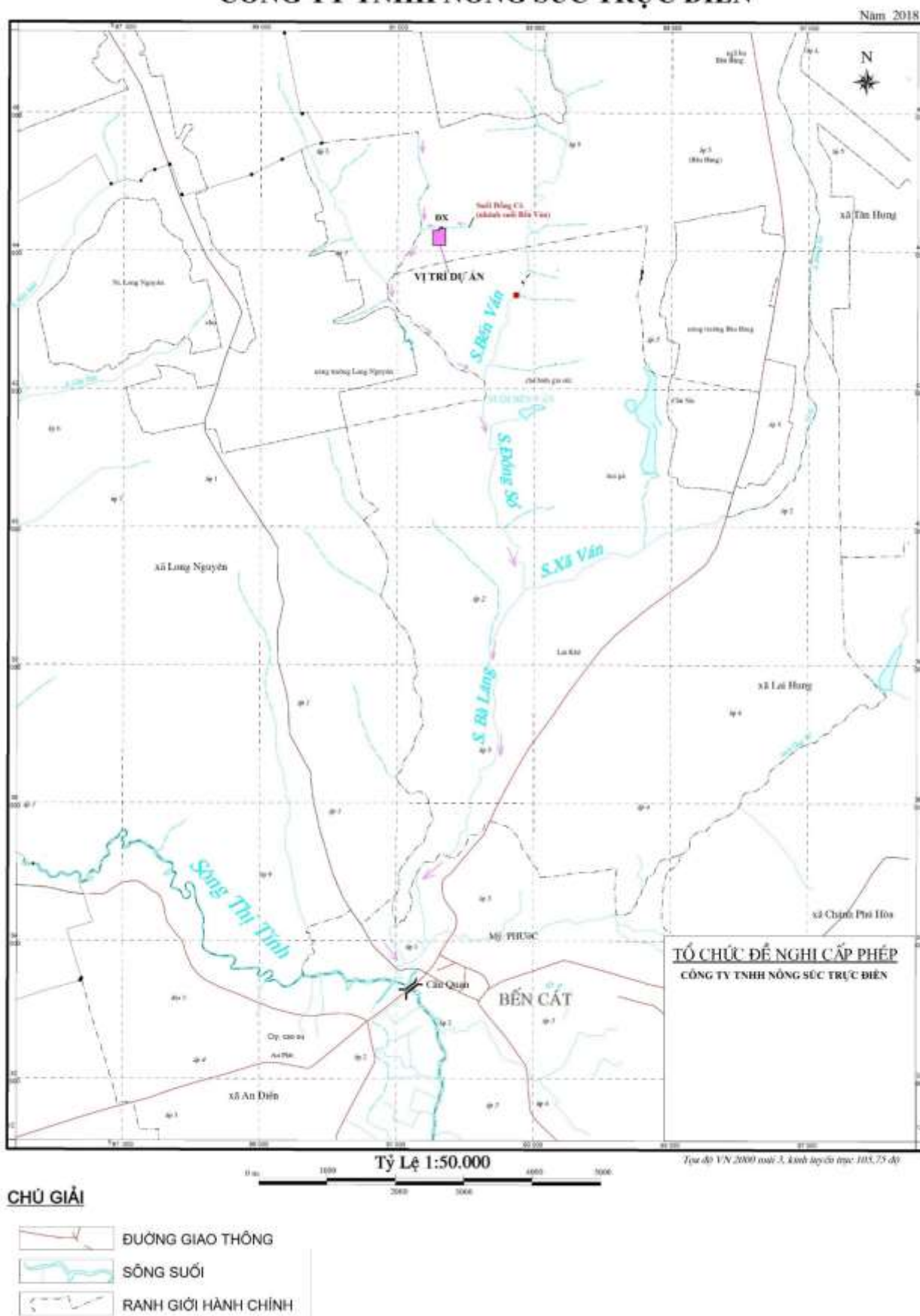


Suối Bà Lăng



Sông Thị Tính

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH NÔNG SỨC TRỰC DIỆN



➤ **Các hạng mục công trình của Dự án đầu tư**

Với diện tích đất của Dự án đầu tư là 115.374,8 m², Chủ Dự án đầu tư bố trí các hạng mục được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1.2. Các hình 1 hạng mục công trình của Dự án đầu tư

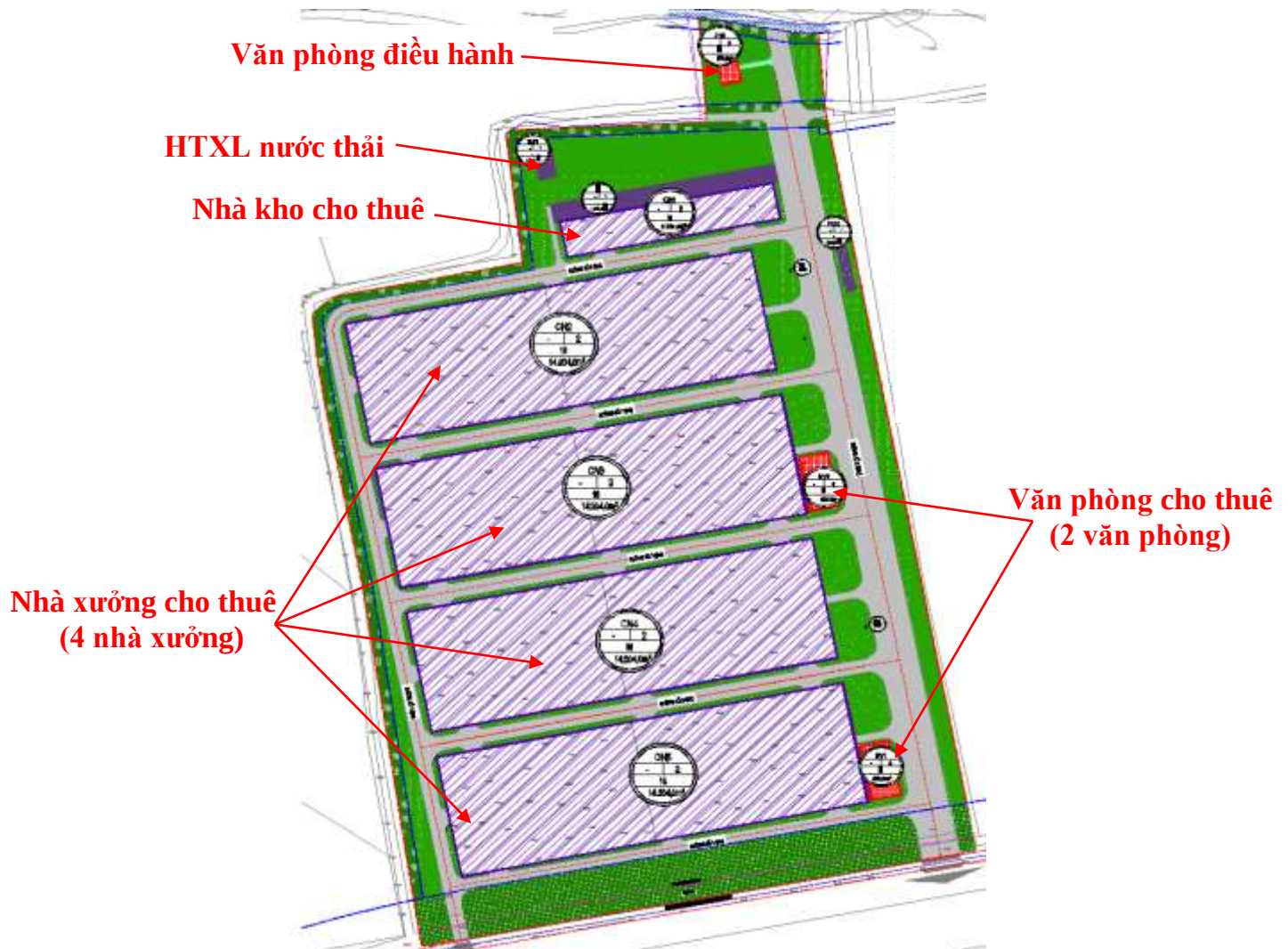
STT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỉ lệ (%)
A	Hạng mục công trình nhà xưởng cho thuê			
1	Xưởng 1 (2 tầng)	14.204,0	28.408,0	12,32
2	Xưởng 2 (2 tầng)	14.204,0	28.408,0	12,32
3	Xưởng 3 (2 tầng)	14.204,0	28.408,0	12,32
4	Xưởng 4 (2 tầng)	14.204,0	28.408,0	12,32
5	Nhà kho (1 tầng)	2.220	2.220	1,92
Tổng A		59.036	115.852	51,2
B	Hạng mục văn phòng			
1	Văn phòng 1 (3 tầng) – văn phòng đại diện của Công ty	150	489,4	0,13
2	Văn phòng 2 (3 tầng) – cho thuê	450	1.379,5	0,39
3	Văn phòng 3 (3 tầng) – cho thuê	450	1.379,5	0,39
Tổng B		1.050	3.248,4	0,91
C	Hạng mục công trình phụ trợ sử dụng chung			
1	Đường nội bộ, sân bãi	21.174	--	20,45
2	Cây xanh	20.984,8	--	20,26
3	Nhà bảo vệ	16	--	0,02
4	Trạm điện	2,2	--	0,00
5	Bể nước PCCC thể tích 700m ³	148,5	--	0,14
6	Nhà xe (02 tầng)	150	489,4	0,97
7	Trạm xử lý nước thải	148,5	--	0,14
8	Khu vực đặt hệ thống xử lý khí thải, kho chứa rác, lò hơi....của đơn vị thuê nhà xưởng	170	--	0,16
TỔNG C		55.288,8	--	47,89
D	Đất khác			
1	Đất hành lang bảo vệ suối	371,6	--	--
2	Đất hành lang an toàn đường bộ	11.437,7	--	--
TỔNG D		11.809,3	--	--
TỔNG A + B + C + D		115.374,8	--	--

(Nguồn: Công ty TNHH Nông súc Trục Điện, năm 2024)

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Dự án đầu tư:

1.3.1. Công suất của Dự án đầu tư

Đầu tư xây dựng nhà kho - xưởng cho thuê bao gồm 01 nhà kho và 04 nhà xưởng và 02 văn phòng với tổng diện tích sàn cho thuê 118.611 m² (diện tích xây dựng 59.936 m²).



Hình 1. 5 Mặt bằng bố trí các nhà kho, xưởng cho thuê tại dự án

1.3.2. Công nghệ, sản phẩm sản xuất của Dự án đầu tư

Chủ đầu tư là Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền sẽ đầu tư, xây dựng các nhà kho, xưởng cho thuê (bao gồm 4 nhà xưởng và 1 nhà kho) hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện, xử lý nước thải. Sau đó, mời gọi các Công ty trong và ngoài nước vào đầu tư với các chế độ ưu đãi hợp lý.

Các doanh nghiệp khi thuê nhà xưởng sẽ tiến hành thực hiện hồ sơ môi trường riêng cho từng doanh nghiệp. Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các doanh nghiệp thuê nhà xưởng chỉ được phép hoạt động khi lập các hồ sơ môi trường phù hợp với công nghệ sản xuất của dự án rồi nộp lên cơ quan có chức năng quản lý như Sở TNMT Bình Dương hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bàu Bàng để được xét duyệt, thẩm định hồ sơ trước khi đi vào đầu tư hoạt động sản xuất chính thức.

Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền có trách nhiệm xây dựng HTXL nước thải để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng sản xuất.

Ngành nghề cho thuê là các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không có công đoạn nhuộm, không thực hiện công đoạn xi mạ, không tái chế, sản xuất các sản phẩm nhựa từ phế liệu có công đoạn làm sạch phế liệu, không chế biến cao su từ mủ tươi, không tái chế cao su, không thuộc da và được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
1	Dệt	13
2	Sản xuất trang phục	14
3	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	15
4	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	32
5	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị)	25
6	Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	28
7	Sản xuất thiết bị điện	27
8	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	29
9	Sản xuất phương tiện vận tải khác	30
10	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	45
11	Sản xuất kim loại	24
12	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	23
13	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	22
14	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	20
15	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	21
16	Sản xuất chế biến thực phẩm	10
17	Sản xuất đồ uống	11
18	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	46
19	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	70
20	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	72
21	In, sao chép bản ghi các loại	18
22	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	35
23	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	52

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
24	Sản xuất giường tủ bàn ghế	31
25	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	16
26	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	17
27	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	26
28	Các ngành nghề khác có tính chất tương tự và ít ô nhiễm hơn các ngành nghề kể trên	-

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

Do Công ty hoạt động với hình thức cho thuê nhà kho, xưởng, không hoạt động sản xuất nên trong giai đoạn hoạt động của Dự án thì nguyên liệu sử dụng chủ yếu là hoá chất phục vụ cho trạm XLNT tập trung (xử lý nước thải phát sinh từ các đơn vị thứ cấp). Nhu cầu hóa chất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu hóa chất phục vụ trạm XLNT

Stt	Nhu cầu hóa chất	Định mức sử dụng	Khối lượng (Kg/ngày)	Quy cách
1	NaOH	50g/m ³ nước thải	9,5	Thùng PVC
2	H ₂ SO ₄	30g/m ³ nước thải	5,7	Thùng PVC
3	PAC	100g/m ³ nước thải	19	Thùng PVC
4	Polymer	4g/m ³ nước thải	0,76	Thùng PVC
5	Clorine	-	3	Thùng PVC
Tổng cộng		-	37,95	-

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền, năm 2024)

Ghi chú: Đây là định mức sử dụng hóa chất tối đa, khi đi vào hoạt động, tùy thuộc vào nồng độ pH trong nước thải (Công ty trang bị thiết bị đo pH) mà sẽ điều chỉnh lại lượng hóa chất trung hòa cho phù hợp.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cấp điện: Khu vực quy hoạch được cấp điện từ tuyến dây trung thế 22kV nằm trên đường Số 8 hiện hữu phía Bắc của Dự án.

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng điện tại dự án

T T	Chức năng	Diện tích (m ²)	Suất phụ tải po		Hệ số đồng thời ks	cos ø	Công suất tác dụng (kw)	Công suất biểu kiến (kva)
			Giá trị	Đơn vị				
1	Đất nhà máy, kho tàng	59.036,00	250	kW/ha	0,9	0,9	1195,5	1315
2	Đất các khu kỹ thuật	1.320,70	150	kW/ha	0,8	0,9	14,3	15,7
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	1.050,00	100	kW/ha	0,8	0,9	7,6	8,3
4	Đất cây xanh	20.984,80	10	kW/ha	0,5	0,9	9,4	10,4
5	Đèn chiếu sáng đường	132	100	W	1	0,9	14,67	16,30
Tổng cộng công suất							1.241,4	1.365,7

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án, năm 2020)

1.4.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

Nguồn cấp nước:

Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước hiện hữu ở D200 trên đường Lai Uyên 84 cách khu quy hoạch khoảng 263m đi theo đường số 5 thuộc Dự án về phía Bắc.

Nhu cầu sử dụng nước:

(1). Nước cấp cho hoạt động của văn phòng điều hành của Công ty

Khi đi vào hoạt động, tại văn phòng điều hành dự kiến có khoảng 20 người làm việc (bao gồm nhân viên văn phòng, kỹ thuật, bảo vệ...).

Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tính cho 1 người là 45 (l/người/ca).

$$Q_{sh} = 20 \text{ người/1ca} \times 45 \text{ lít/người/1ca} \times 1 \text{ ca} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

(2). Nước cấp cho khu hành chính cho thuê

Dự án có 02 khu hành chính sẽ cho các đơn vị thuê nhà xưởng thuê để phục vụ làm văn phòng.

Lưu lượng nước cấp cho khu hành chính trong ngày được tính toán theo TCXD 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế:

Tiêu chuẩn dùng nước cho khu hành chính là 2 l/m².

$$Q_{hc} = 2.759 \text{ m}^2 \times 2 \text{ l/m}^2 = 5,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

(Các khu hành chính sẽ xây dựng 3 tầng với tổng diện tích 2.759 m²)

(3). Nước cấp cho đơn vị thứ cấp thuê nhà xưởng

❖ **Nhu cầu nước sinh hoạt**

Lưu lượng nước cấp cho Dự án trong ngày được tính toán theo TCXD 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế:

Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt tính cho 1 người là 45 (l/người/ca).

+ *Nước cấp cho sinh hoạt công nhân:*

$$Q_{sh} = 453 \text{ người/1ca} \times 45 \text{ lít/người/1ca} \times 1 \text{ ca} = 20,4 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Trong đó: Số lao động làm việc dự kiến: 453 người, làm việc 1 ca.

+ *Nước cấp cho hoạt động nấu ăn:*

Đơn vị thứ cấp sẽ mua suất ăn công nghiệp cho công nhân, không tổ chức nấu ăn.

❖ **Nước cấp cho sản xuất**

Lưu lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất của các đơn vị thứ cấp thuê nhà xưởng được tính toán theo QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng về nhu cầu sử dụng nước thì định mức nước sử dụng tối thiểu là 20m³/ha/ngày đêm. Lượng nước sinh hoạt cần cung cấp:

$$Q_{sh} = 59.036 \text{ m}^2 \times 20 \text{ m}^3/\text{ha} = 118 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

(Dự án cho thuê 04 nhà xưởng và 01 nhà kho tổng diện tích 59.036 m² – chi tiết được thể hiện tại bảng 1.2)

(4). Nhu cầu sử dụng nước tưới cây, rửa sân đường:

Nhu cầu sử dụng nước tưới cây cho diện tích 20.984,8 m² đất cây xanh với định mức 3 l/m² ước tính khoảng $Q_{tc} = 20.984,8 \text{ m}^2 \times 3 \text{ l/m}^2 = 62 \text{ m}^3/\text{ngày}.$

Nhu cầu sử dụng nước rửa sân đường diện tích 21.174,0 m² sân đường với định mức 0,5l/m² ước tính khoảng 10,6 m³/ngày.

(5). Nhu cầu dùng nước cho chữa cháy:

Lưu lượng nước cấp cho một đám cháy phải đảm bảo $\geq 15 \text{ l/s}$; số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥ 2 (theo QCVN 01:2019/BXD).

Tính lượng nước cấp chữa cháy cho 3 đám cháy đồng thời xảy ra trong thời gian 40 phút là: $Q_{cc} = 10 \text{ lít/giây} \cdot \text{đám cháy} \times 3 \text{ đám cháy} \times 40 \text{ phút} \times 60 \text{ giây}/1.000 = 72 \text{ m}^3.$

Lượng nước chữa cháy của nhà máy được dự trữ tại bể chứa nước với dung tích 500 m³ được xây dựng bằng bê tông, cốt thép, xây chìm nửa nổi, đặt tại hàng rào cổng chính vào nhà máy, thuận lợi cho quá trình chữa cháy khi có đám cháy xảy ra, đảm bảo lượng nước chữa cháy đủ cung cấp trong 10 phút đầu khi có đám cháy xảy ra.

Ngoài ra theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy (TCVN 2622:1995), cần phải đảm bảo một lượng nước chữa cháy cho khu vực ($Q_{cc} = 20 \text{ l/s}$) liên tục trong 01 giờ ($Q_{ccmax} = (20 \times 3.600)/1.000 = 72 \text{ m}^3$), dự án có bố trí bể chứa nước PCCC 108m³/ngày.đêm để dự phòng cho việc phòng cháy chữa cháy. Trong khu dự án, dựa trên các tuyến ống cấp nước chính xây dựng và bố trí trụ cứu hỏa lấy nước chữa cháy với khoảng cách từ 100m đến 150m.

1.5. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án đầu tư

1.5.1. Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư

Tiến độ thực hiện dự án được thực hiện như sau:

Bảng 1.5. Bảng tiến độ thực hiện dự án

TT	Hạng mục công trình	Tháng 02/2024-04/2024	Tháng 05/2024	Từ tháng 06/2024
01	Xây dựng nhà kho, xưởng và các hạng mục công trình phụ trợ	Đã hoàn thiện		
02	Lắp đặt máy móc thiết bị, công trình xử lý chất thải	Đã hoàn thiện		
03	Lập thủ tục xin cấp giấy phép môi trường			
04	Vận hành thử nghiệm			
05	Hoạt động chính thức			

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện, năm 2024)

1.5.2. Vốn đầu tư

Dựa trên cơ sở tính toán chi tiết chi phí đầu tư của dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 110.000.000.000 VNĐ (một trăm mười một tỷ).

Bảng 1.6. Vốn đầu tư các hạng mục dự án

STT	Hạng mục	Kinh phí xây dựng		Tổng
		Khái toán	Đơn vị	
I	Thuê đất	-	--	
1	Vốn thuê đất	30.000.000.000	VNĐ	30.000.000.000
II	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật	-	-	-
1	Hệ thống giao thông	2.000.000.000	VNĐ	2.000.000.000
2	San nền (chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng)	50.000.000	VNĐ	50.000.000
3	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải	1.000.000.000	VNĐ	1.000.000.000
4	Hệ thống cấp nước	1.000.000.000	VNĐ	1.000.000.000
5	Hệ thống cấp điện- chiếu sáng	1.441.500.000	VNĐ	1.400.000.000
6	Hệ thống thông tin- liên lạc	500.000.000	VNĐ	500.000.000
7	Hệ thống xử lý nước thải	8.000.000.000	VNĐ	8.000.000.000
8	Hệ thống cây xanh	200.000.000	VNĐ	200.000.000

STT	Hạng mục	Kinh phí xây dựng		Tổng
		Khái toán	Đơn vị	
9	Thùng chứa rác công cộng, dịch vụ	50.000.000	VNĐ	50.000.000
10	Hệ thống PCCC	5.000.000.000	VNĐ	5.000.000.000
11	Xây dựng nhà xưởng	51.058.500.000	VNĐ	54.800.000.000
III	Chi phí khác	10% x (I)	VNĐ	3.000.000.000
IV	Chi phí dự phòng, phát sinh	10% x (I)	VNĐ	3.000.000.000
	Tổng (I + II + III + IV)		VNĐ	110.000.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH Nông Súc Trực Điện, năm 2024)

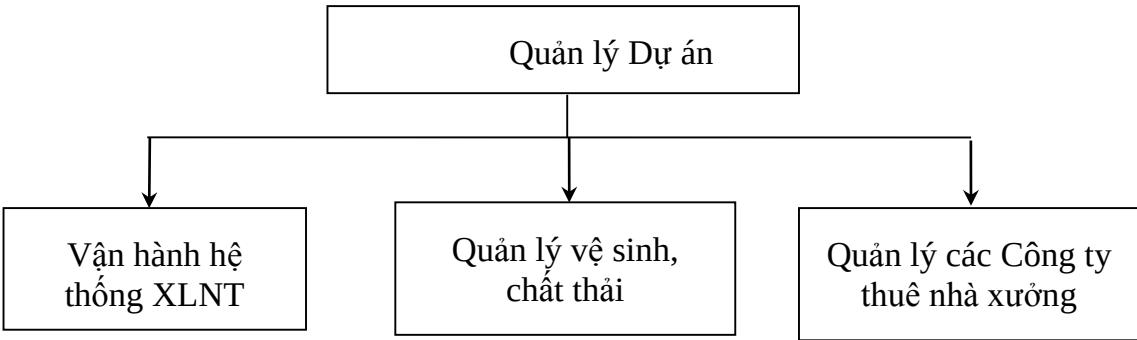
1.5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án đầu tư

Chủ đầu tư sẽ thành lập một ban quản lý chung cho toàn bộ dự án. Ban quản lý có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương quản lý an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong khu vực dự án, cũng như các vấn đề phát sinh giữa dân cư sống trong khu vực dự án và dân cư xung quanh dự án.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và công bố đưa vào sử dụng các công trình, các hạng mục công trình khi đủ điều kiện.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện tổ chức thành lập bộ phận quản lý về môi trường, hạ tầng kỹ thuật, bảo an phục vụ công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải, theo dõi chất lượng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn, an ninh khu vực.

Toàn bộ quá trình thực hiện, tổ chức, quản lý dự án, điều hành sau khi đưa dự án đi vào hoạt động được chủ đầu tư là Công ty TNHH Nông Súc Trực Điện trực tiếp thực hiện.



Hình 1.6. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án

 Tổ chức quản lý trong giai đoạn vận hành

Bảng 1.7. Tổ chức, quản lý trong giai đoạn vận hành

Stt	Chức vụ	Số lượng (người)	Chuyên môn
1	Trưởng Ban quản lý	1	Chủ đầu tư
2	Quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải	2	Công nhân lành nghề
3	Quản lý vệ sinh, CTR khu vực dự án	2	Công nhân vệ sinh
4	Nhân viên kỹ thuật, bảo vệ	5	-
5	Nhân viên văn phòng	10	Trình độ đại học

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Nhà máy đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2426/QĐ-UBND ngày 24/08/2020, trong đó mục tiêu dự án như sau:

- Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp.
- Cho thuê nhà xưởng để hoạt động các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không thu hút các ngành nghề phát sinh nhiều nước thải và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như nhuộm, tẩy, xi mạ, sản xuất giấy từ nguyên liệu thô hoặc từ giấy phế liệu, chế biến thủy hải sản, chế biến thực phẩm tươi sống, chế biến mủ cao su,...

Hiện tại Công ty đã xây dựng nhà kho, xưởng và các công trình phụ trợ hoàn thiện nhằm thu hút các doanh nghiệp thứ cấp thuê lại nhà xưởng. Đối với hoạt động sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp không đầu tư sản xuất. Như vậy, hoạt động của nhà máy thực hiện theo đúng mục tiêu đầu tư, hoàn toàn phù hợp với chủ trương của tỉnh.

2.2. Sự phù hợp của Dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Hoạt động của Dự án đầu tư chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và sản xuất từ các đơn vị thứ cấp thuê lại nhà xưởng với lưu lượng tối đa 190 m³/ngày (tính theo công suất thiết kế của HTXL nước thải tập trung của nhà máy). Toàn bộ nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1) được thoát vào suối Đồng Cò giáp ranh Nhà máy về hướng Bắc sau đó dẫn về suối Bến Ván và thoát vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Tính (xung quanh khu vực Dự án đầu tư chưa có hạ tầng thoát nước mưa, nước thải).

(1). Hiện trạng thoát nước suối Đồng Cò

Suối Đồng Cò dài khoảng 1,2 km, đoạn đi qua khu vực Dự án có kích thước rộng 2-3m, sâu 1,5m, có nước vào mùa mưa và cạn nước vào mùa khô. Từ trước tới nay chưa xảy ra tình trạng quá tải và ngập lụt. Nước mưa khu vực một phần thấm tự nhiên vào đất, một phần theo độ dốc đổ về suối Đồng Cò và dẫn thoát về suối Bến Ván.

Để tránh sạt lở bờ suối, ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước cũng như diện tích cây trồng của khu vực. Công ty đã gia cố đoạn suối qua dự án có tổng chiều dài là 165,18 m bằng bê tông cốt thép.

Việc đánh giá tác động đến dòng chảy thủy văn được thực hiện theo của tài liệu: “Các bảng tính toán thủy lực cống và mương thoát nước, Trần Hữu Uyển, 2003”.

Khả năng thoát nước của suối Đồng Cò: Theo khảo sát thực tế mương đất thoát nước vào những thời điểm triều kiệt xuất hiện dòng chảy có đặc điểm hình thái như sau:

- Chiều rộng b dao động từ 2 - 3 m;
- Cao độ dao động từ 1 - 2 m;
- Độ dốc $i = 0,177 \%$;
- Độ sâu dòng chảy $h = 1$ mét.
- Độ sâu của mương đất khoảng 1,5 mét.

a. Thủy lực dòng chảy khi chưa tiếp nhận nguồn nước từ Dự án

Các số liệu dùng để tính toán được sử dụng với $b = 3$ mét, $h = 1$ mét, $H = 1,5$ mét.

Dựa vào chiều rộng và độ sâu, ta tính được:

Độ đầy mực nước của mương: $a = h/b = 1/3 = 0,33$;

Diện tích mặt cắt ướt: $A = b \times h = 3 \times 1 = 3$;

Chu vi ướt: $x = b + 2 \times h = 3 + 2 \times 1 = 5$;

Bán kính thủy lực: $R = A/x = 3/5 = 0,6$;

Hệ số Sezi giữa độ nhám của mương và bán kính thủy lực: $c = \frac{1}{n} R^y$

Trong đó:

- $n = 0,0250$ tương ứng với kết đất;
- $y = 2,5\sqrt{n} - 0,13 - 0,75\sqrt{R}(\sqrt{n} - 0,1)$

Từ đó ta tính được $c = 15,68$

- Vận tốc dòng chảy: $v = c\sqrt{Ri} = 5,1$ (m/giây);
- Lưu lượng $Q = v \times A = 15,32$ m³/giây;

b. Khả năng tiếp nhận tối đa của suối Đồng Cò

Tiết diện mặt cắt ướt của nhánh suối: $A = b \times H = 3 \times 1,5 = 4,5$ (m²)

Dựa vào diện tích mặt cắt ướt và vận tốc dòng chảy, có thể tính được khả năng tiếp nhận tối đa của suối Đồng Cò như sau: $Q_{\max} = A \times v = 4,5 \times 5,1 = Q_{\max} = 22,95$ m³/giây

c. Lưu lượng thải tối đa của Dự án

Lưu lượng thải tối đa của dự án: $Q_{\text{thải}}$ tại thời điểm tối đa = 190 m³/ngày ~ 0,0022m³/s).

Lưu lượng nước mưa tối đa của dự án: $Q_{\text{nước mưa}}$ tại thời điểm tối đa = 988,6 l/s (đã tính toán trên diện tích 11,54ha) = 0,9886m³/s

d. Đánh giá khả năng tiếp nhận của suối Đồng Cò (nhánh suối Bến Ván)

Suối Đồng Cò ngoài tiếp nhận nước thải, nước mưa từ dự án còn tiếp nhận nước thải từ các nguồn khác: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân xung quanh khu vực suối (dân cư tập trung xung quanh khu vực suối khá thưa thớt, khoảng 12 hộ) với lưu lượng nước thải phát sinh không nhiều. Ngoài ra suối còn tiếp nhận nước thải từ công ty TNHH Hoàng Hùng (cụm nhà xưởng cho thuê) với lưu lượng khoảng 1.600 m³/ngày ~ 0,0185 m³/s, Công ty cổ phần Tiến Phát (sản xuất đồ gỗ) với lưu lượng khoảng 30 m³/ngày ~ 0,0004 m³/s; Nhà máy cao su Nhật Nam với lưu lượng nước thải phát sinh 300 m³/ngày ~ 0,00347 m³/s và nước mưa chảy tràn từ khu vực đất trồng cây quanh khu vực suối Đồng Cò (28 ha) là 2,4 m³/s.

Như vậy khi tiếp nhận nước thải từ dự án thì khả năng tiếp nhận của dòng chảy Suối được xác định như sau:

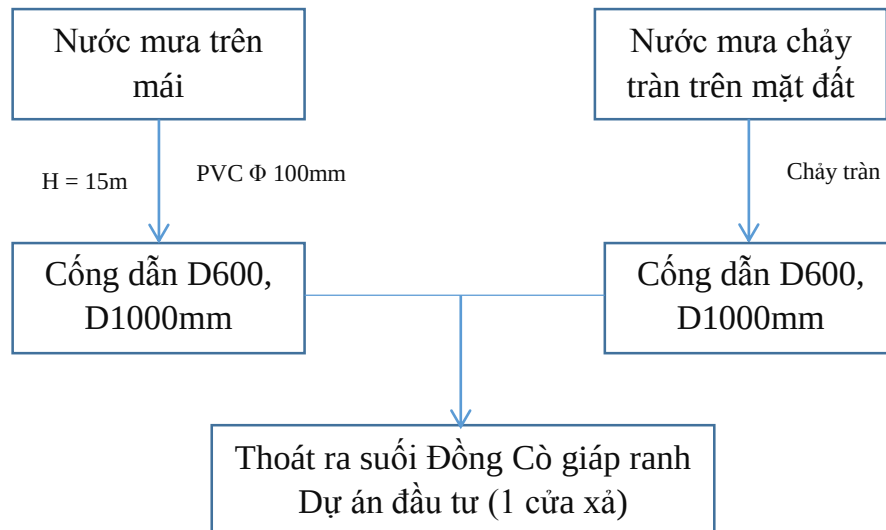
$$Q_{\text{tn}} = Q_{\max} - Q_{\text{nước thải dự án}} - Q_{\text{nước mưa dự án}} - Q_{\text{thải khu vực}} - Q_{\text{mưa khu vực}} = 22,95 - 0,0022 - 0,9886 - 0,0185 - 0,0004 - 0,00347 - 2,4 = 19,53 \text{ m}^3/\text{giây}$$

→ Do đó suối Đồng Cò hoàn toàn có khả năng tiếp nhận lưu lượng nước thải và nước mưa từ Dự án.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa tại Dự án đầu tư

Toàn bộ nước mưa của khu vực quy hoạch sẽ được thu gom theo các tuyến cống nước mưa BTCT D600 trên các trục đường, sau đó theo tuyến cống chính BTCT D1000 trên đường số 2, thoát về suối Đồng Cò giáp ranh phía Bắc Dự án thông qua 2 cửa xả.

Các tuyến cống được đặt trên vỉa hè thu nước mặt từ vỉa hè và lòng đường. Cống thoát nước sử dụng kết cấu bê tông cốt thép đặt dưới vỉa hè.

Bảng 3.1. Bảng thống kê mạng lưới thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT Ø600	m	2.828,3
2	Cống BTCT Ø1000	m	453,7
3	Hố ga	Cái	126
4	Cửa xả	Cái	2

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500, năm 2020)

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

➤ Công trình thu gom nước thải

Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ hoạt động nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiểu) với lưu lượng lớn nhất khoảng 13,4 m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC D200 dẫn về bể tự hoại 3 ngăn và theo đường ống ngầm uPVC D200, D300 dọc đường nội bộ dẫn về HTXL nước thải công suất 190 m³/ngày của Dự án đầu tư.

- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ lavabo, vòi rửa tay chân.... với lưu lượng lớn nhất khoảng 13,4 m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống ngầm uPVC D200, D300 dọc đường nội bộ dẫn về HTXL nước thải công suất 190 m³/ngày của Dự

án đầu tư.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ các doanh nghiệp thuê xưởng với lưu lượng lớn nhất khoảng 118 m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống ngầm uPVC D200, D300 dọc đường nội bộ dẫn về HTXL nước thải công suất 190 m³/ngày của Dự án đầu tư.

➤ **Công trình thoát nước thải**

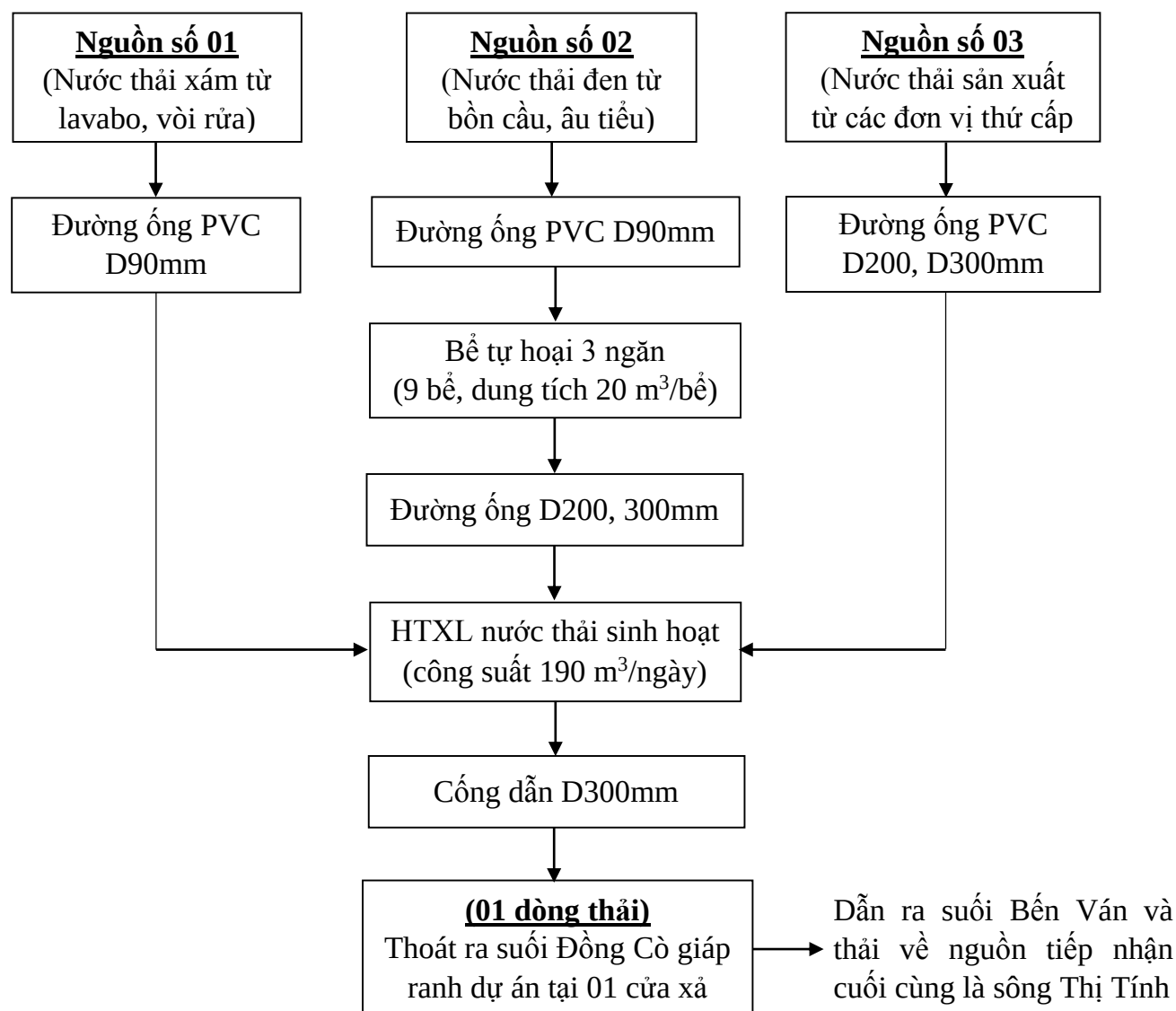
Nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày sẽ theo đường ống ngầm HDPE D300 xả ra suối Đồng Cò giáp ranh Dự án đầu tư tại 01 cửa xả.

➤ **Điểm xả nước thải sau xử lý**

Công ty đã xây dựng điểm xả thải ở phía trong và ngoài hàng rào khu đất Dự án đầu tư theo đúng quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án đầu tư được xả ra suối Đồng Cò giáp ranh Dự án đầu tư tại 01 cửa xả (tương ứng 01 dòng thải).

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước của Dự án đầu tư:



Hình 3.2. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước của nhà máy

3.1.3. Xử lý nước thải

Dự án chỉ cho những doanh nghiệp thuê nhà xưởng đầu tư với những ngành nghề ít ô nhiễm, ít phát sinh nước thải sản xuất, đồng thời nồng độ ô nhiễm trong nước thải sản xuất ở mức thấp. Do nồng độ ô nhiễm trong nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng ở mức thấp nên Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền không đưa ra quy định về quy chuẩn tiếp nhận về đầu nối nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thuê xưởng.

Vì vậy, toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại) phát sinh từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng sẽ theo đường ống HDPE D=200mm, D=300mm rồi đầu nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 190 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ các Nhà máy đã tính toán tối đa khoảng 144,8 m³/ngày. Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền sẽ đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung có công suất là 190 m³/ngày.đêm (đã tính hệ số an toàn k=1,2) để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh.

Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được xây dựng ngầm trên diện tích đất 148,5 m² nằm về phía Bắc của dự án. Đầu ra hệ thống XLNT cách nguồn tiếp nhận nước thải là suối Đồng Cò khoảng 30m.

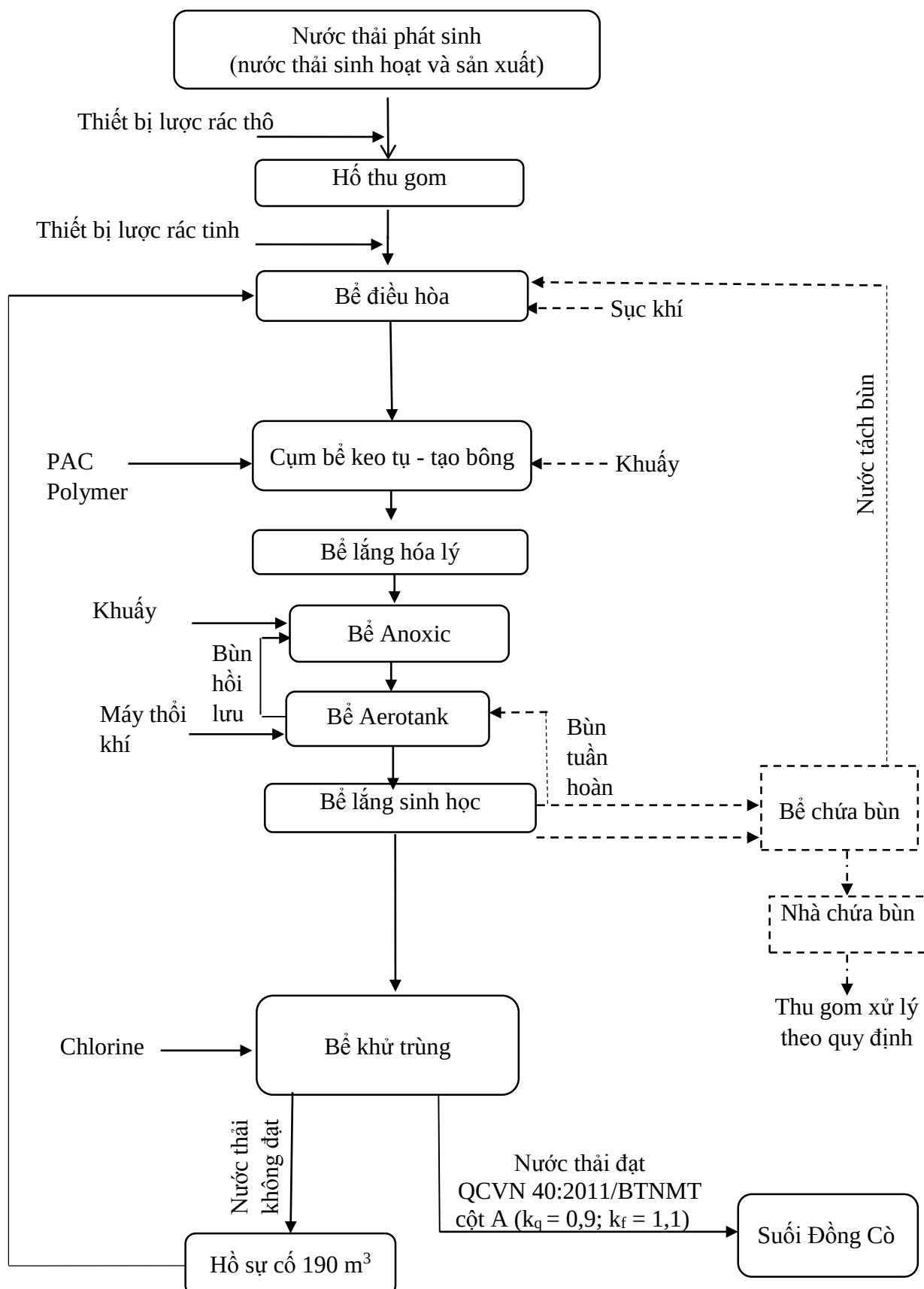
Hệ thống xử lý nước thải sẽ được xây dựng và bố trí các bể phù hợp đảm bảo các bể phát sinh mùi sẽ nằm giữa khu đất, các bể ít phát sinh mùi nằm ngoài, xung quanh hệ thống trồng hành lang cây xanh cách ly giảm thiểu khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và tạo mỹ quan cho các khu vực xung quanh (Theo QCXDVN 01:2019/BXD). Hệ thống xử lý nước thải của Công ty đảm bảo khoảng cách ly ≥ 15 m trong đó khoảng 10m cây xanh. Trong vòng bán kính 1,2 km tính từ hệ thống XLNT chỉ là đất trồng cây của người dân không có người dân sinh sống nên không ảnh hưởng đến người dân.

Để quản lý chất lượng nước thải của các nhà máy thành viên đầu nối vào hệ thống thu gom của Dự án, Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền sẽ bố trí tại mỗi lô đất 03 hố ga (01 hố ga đầu nối nước thải đầu nối nước thải sinh hoạt, 01 hố ga đầu nối nước thải sản xuất và 01 hố ga thoát nước mưa từ nhà máy thành viên). Các hố ga được bố trí ngoài hàng rào của các nhà máy và được thiết kế dạng có nắp đậy có thể mở lên dễ dàng cho công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và có thể lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước khi cần.

Đối với vấn đề kiểm soát lưu lượng nước thải tại các nhà máy: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền sẽ lắp đặt đồng hồ theo dõi nước cấp để giám sát nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp từ đó có thêm cơ sở đánh giá lưu lượng nước thải phát sinh.

Tất cả các nhà máy thành viên trong Dự án đều sử dụng dịch vụ XLNT của Dự án. Nghiêm cấm xả nước thải sau xử lý của các nhà máy thành viên vào hệ thống thoát nước mưa của Dự án.

Quy trình công nghệ tại trạm XLNT tập trung được thể hiện sau đây:



Hình 3.3. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày

❖ **Thuyết minh quy trình xử lý:**

Nước thải sản xuất từ các nhà máy thành viên trong Dự án, nước thải vệ sinh (sau bể tự hoại) và nước thải từ văn phòng cho thuê được thu gom chung và đầu nổi trực tiếp dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

Trước khi vào hồ thu gom, nước thải sẽ qua song chắn rác thô để tách bỏ rác với kích thước lớn hơn 10 mm để tách các chất rắn có kích thước lớn hơn 10 mm trước khi vào hồ thu giúp tránh được tình trạng tắc bơm, đường ống.

Nước thải sau đó sẽ được tập trung vào hồ thu trước khi bơm qua thiết bị lọc rác tinh.

Thiết bị tách rác tinh được lắp đặt nhằm loại bỏ các loại rác thô có kích thước nhỏ, thiết bị có thể tách 70-95% lượng rác có kích thước $\geq 2\text{mm}$.

Bể điều hòa

Bể điều hoà có chức năng điều hoà lưu lượng và nồng độ, là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng và nồng độ, cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo, giảm kích thước và vốn đầu tư xây dựng.

Nước thải từ bể điều hoà được bơm lên bể keo tụ vào tạo bông.

Cụm bể keo tụ - tạo bông

+ *Quá trình điều chỉnh pH*

Tại bể trung hòa, độ pH của nước thải được hiệu chỉnh phù hợp cho công trình xử lý tiếp theo bằng cách châm vào nước thải các hoá chất hiệu chỉnh pH như acid hoặc xút. Để quá trình phản ứng diễn ra hoàn toàn, bể trung hòa được lắp đặt bộ cánh khuấy để khuấy trộn hoàn toàn nước thải với hóa chất hiệu chỉnh pH.

+ *Quá trình keo tụ*

Nước thải sau khi hiệu chỉnh pH chảy tràn qua bể keo tụ. Bể keo tụ là nơi diễn ra quá trình tiếp xúc, phản ứng giữa hóa chất keo tụ với nước thải. Tương tự như bể hiệu chỉnh pH, bể keo tụ cũng được lắp đặt thiết bị khuấy trộn nhằm tăng hiệu quả cho phản ứng keo tụ.

Tại công đoạn này nước thải được hòa trộn với hóa chất keo tụ được châm từ bồn chứa hóa chất thông qua bơm định lượng. Chất keo tụ (PAC) giúp làm mất ổn định các hạt cặn có tính “keo” và kích thích chúng kết lại với các cặn lơ lửng khác để tạo thành các hạt có kích thước lớn hơn. Các hạt keo sau khi đã được nén điện tích sẽ có xu hướng liên kết với nhau tạo nên khối lượng lớn hơn và lắng xuống. Đó là mục tiêu cần hướng đến của quá trình xử lý hóa lý. Khi có các tác nhân xúc tác là hóa chất keo tụ và phản ứng trong môi trường pH tối ưu, các phản ứng dễ dàng được diễn ra trong thời gian rất nhanh. Motor khuấy với tốc độ phù hợp cũng là một yếu tố quyết định đến hiệu quả của quá trình.

+ *Quá trình tạo bông*

Nước thải từ bể keo tụ được tiếp tục dẫn qua bể tạo bông. Tương tự như bể keo tụ, tại bể tạo bông, polymer anion (-) sẽ được châm vào để kích thích quá trình tạo thành các bông cặn lớn hơn. Polymer này có tác dụng hình thành các “cầu nối” liên kết các bông cặn lại với nhau tạo thành các bông cặn có kích thước lớn hơn nhằm nâng cao

hiệu quả của bể lắng phía sau. Nước thải từ bể tạo bông sẽ được dẫn qua bể lắng hóa lý nhằm tách các bông cặn ra khỏi nước thải.

Cơ chế tạo bông: Cơ chế tạo cầu nổi như sau.

Phản ứng 1: Hấp phụ ban đầu ở liều lượng polyme tối ưu. Phân tử polyme dính vào hạt keo.

Phản ứng 2: Hình thành bông cặn. Đuôi polymer đã hấp phụ có thể duỗi ra và gắn kết với vị trí trống trên bề mặt hạt keo khác → hình thành bông cặn.

Phản ứng 3: Hấp phụ lần hai của polyme. Nếu đoạn cuối duỗi ra và không tiếp xúc với vị trí trống trên hạt khác → gấp lại và tiếp xúc với mặt khác của chính hạt đó → ổn định lại.

Phản ứng 4: Khi liều lượng polyme dư. Nếu polyme thêm vào dư nhiều, bề mặt hạt bão hòa các đoạn polyme → không có vị trí trống để hình thành cầu nối → hạt keo ổn định trở lại.

Phản ứng 5: Vỡ bông cặn, vỡ vụn bông cặn khi xáo trộn nhiều.

Trong toàn bộ quá trình (5 phản ứng trên). Cơ chế chính là: Hấp phụ và tạo cầu nối. Cơ chế phụ: Trung hòa điện tích.

+ Bể lắng hóa lý 1: Bể được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Bùn sau khi lắng được đưa về bể chứa bùn hoá lý. Phần nước trong sau lắng được thu lại bằng hệ máng thu nước răng cưa được bố trí trên bề mặt bể và tiếp tục được dẫn sang bể sinh học anoxic.

Bể anoxic

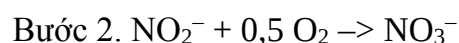
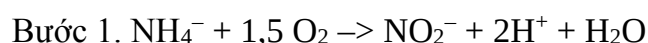
Bể anoxic có tác dụng loại bỏ nitơ trong nước thải dưới tác dụng của vi sinh vật thiếu khí. Tại đây nitrat trong nước thải được chuyển hóa thành nitơ không khí và thoát ra ngoài.

Bể anoxic là bể quan trọng trong quá trình xử lý nitơ trong nước thải bằng phương pháp sinh học. Công nghệ khử nitơ trong nước thải bằng phương pháp sinh học phổ biến nhất hiện nay là: Nitrat hóa và khử Nitrat, diễn biến của quá trình này như sau:

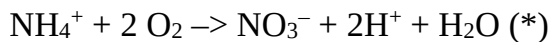
Nitrat hóa

Nitrat hoá là một quá trình tự dưỡng (năng lượng cho sự phát triển của vi khuẩn được lấy từ các hợp chất oxy hoá của Nitơ, chủ yếu là Amôni. Ngược với các vi sinh vật dị dưỡng các vi khuẩn nitrat hoá sử dụng CO₂ (dạng vô cơ) hơn là các nguồn các bon hữu cơ để tổng hợp sinh khối mới. Sinh khối của các vi khuẩn nitrat hoá tạo thành trên một đơn vị của quá trình trao đổi chất nhỏ hơn nhiều lần so với sinh khối tạo thành của quá trình dị dưỡng.

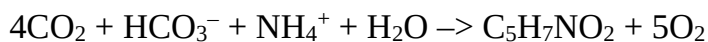
Quá trình Nitrat hoá từ Nitơ Amoni được chia làm hai bước và có liên quan tới hai loại vi sinh vật, đó là vi khuẩn Nitrosomonas và Vi khuẩn Nitrobacter. Ở giai đoạn đầu tiên amôni được chuyển thành nitrit và ở bước thứ hai nitrit được chuyển thành nitrat:



Các vi khuẩn Nitrosomonas và vi khuẩn Nitrobacter sử dụng năng lượng lấy từ các phản ứng trên để duy trì hoạt động sống và tổng hợp sinh khối. Có thể tổng hợp quá trình bằng phương trình sau:



Cùng với quá trình thu năng lượng, một số ion amoni được đồng hoá vận chuyển vào trong các mô tế bào. Quá trình tổng hợp sinh khối có thể biểu diễn bằng phương trình sau:



Sau khi qua bể anoxic, nước thải tiếp tục được chuyển sang bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính, tại đây các tạp chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan còn lại sau quá trình xử lý sinh học kỵ khí tiếp tục được xử lý và chuyển hóa thành bông bùn sinh học.

- Bể Aerotank

Bể Aerotank có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải. Trong bể Aerotank diễn ra quá trình oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan và dạng keo trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể Aerotank có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ khoảng 2500 - 4000 mg/l; do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại vào bể Aerotank để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể.

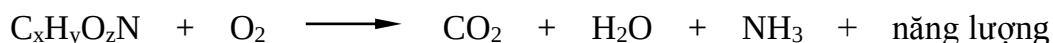
Tại đây, nước thải được phân hủy hiếu khí. Bùn hoạt tính lơ lửng cùng với hệ thống thổi khí oxy được phân phối đồng đều làm tăng khả năng xáo trộn và tiếp xúc giữa bùn, nước thải và oxy. Nhờ vậy, hiệu quả xử lý cao hơn.

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý. Nồng độ oxy hòa tan của nước thải trong bể sinh học cần được luôn luôn duy trì ở giá trị lớn hơn 2 mg/l bằng các đĩa phân phối khí tinh được bố trí đều dưới đáy bể, với các bọt khí li ti sẽ đem Oxy đi đến toàn bộ thể tích bể. Vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa chất hữu cơ thành biomass, CO_2 , H_2O và các dạng vật chất khác.

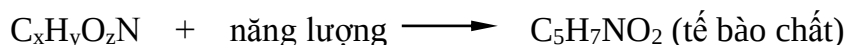
Một phần bùn hoạt tính trong bể lắng được tuần hoàn trở lại bể Sục khí nhằm duy trì nồng độ bùn cần thiết trong bể sinh học hiếu khí nên hiệu quả xử lý không bị giảm.

Quá trình phân hủy chất hữu cơ trong bể sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

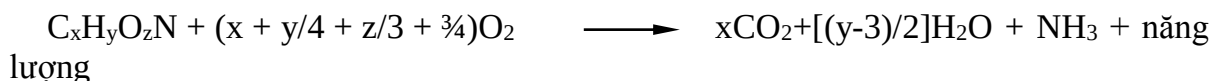
- Đồng hóa:



- Dị hóa:



- Tự phân hủy:

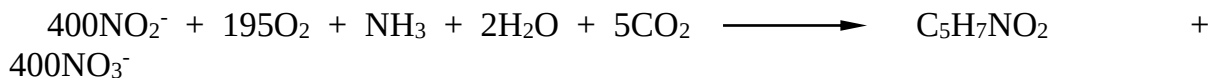


Quá trình phân hủy Nitơ trong bể sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

Nitrosomonas



Nitrobacter



Quá trình phân hủy lưu huỳnh trong bể sinh học hiếu khí diễn ra như sau:



Nước sau khi ra khỏi bể Arotank sẽ tự chảy theo sự chênh lệch áp sang bể lắng để tiếp tục quá trình xử lý.

- Bể lắng sinh học

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực, bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi thiết bị lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến 60%. Bùn lắng ở đáy ngăn sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng.

Nước sau xử lý sinh học được dẫn vào ống trung tâm của bể lắng 2, ống trung được thiết kế sao cho vận tốc của nước đi từ dưới lên là chậm nhất nhằm tránh hiện tượng xáo trộn bùn tại rốn bể.

Bể lắng sinh học được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000 mg/L, một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể sinh học (25-75% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3000 mg/L. Độ ẩm bùn dao động trong khoảng 98,5 – 99,5%.

Do bùn sinh học khó lắng hơn bùn hóa lý nên bể lắng bùn sinh học sẽ có kích thước lớn hơn so với bể lắng bùn hóa lý. Hệ thống gạt bùn hoạt động quay quanh bể nhờ motor giảm tốc, bùn sinh học lắng dưới đáy bể sẽ tập trung tại rốn bể sẽ được thu gom và bơm tuần hoàn bùn về bể Arotank, lượng bùn dư sẽ được bơm đến bể nén bùn, nước thải trên bề mặt bể được thu gom bởi máng chảy tràn và sẽ tự chảy sang bể khử trùng.

Bể khử trùng

Nước thải sau xử lý còn chứa nhiều vi khuẩn và hầu hết các loại vi khuẩn trong nước thải sau xử lý không phải là vi khuẩn gây bệnh nhưng không loại trừ khả năng tồn tại một số loại vi khuẩn gây bệnh nào đó. Vì vậy, trước khi xả ra môi trường, nước thải từ bể lắng hóa lý 2 sẽ tự chảy vào bể khử trùng. Chlorine, hoá chất khử trùng thông dụng trong xử lý nước được đề xuất để tiêu diệt các loại vi khuẩn trong dòng nước ra. Quá trình khử trùng nước xảy ra qua 2 giai đoạn: đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,1$) sẽ được xả ra suối Đồng Cò rồi chảy ra suối Bến Ván.

Xử lý bùn

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn.

Ngoài lượng bùn vi sinh phát sinh trong quá trình xử lý sinh học, quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp keo tụ cũng phát sinh một lượng bùn đáng kể. (còn gọi là bùn hóa lý). Lượng bùn này được thu gom và đưa về bể nén bùn để đưa qua máy ép bùn trước khi vận chuyển đi xử lý.

Tại bể nén bùn, sau một thời gian nén ổn định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn. Máy ép bùn khung bản được vận hành dạng mẻ, sử dụng sự khác biệt về áp suất để tách nước trong hỗn hợp bùn. Ưu điểm của máy ép bùn khung bản là sinh ra bánh bùn khô hơn so với những loại máy ép bùn khác. Máy ép khung bản có chi phí vận hành thấp, ít tiêu tốn điện năng. Chi phí bảo dưỡng, thay thế linh kiện thấp vì sản phẩm sẵn có, phổ biến.

Phần nước tách pha từ máy ép bùn sẽ chảy về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Phần bùn sau ép được lưu trữ tại nhà chứa bùn với diện tích 5m² (bố trí trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải), sau đó định kỳ sẽ được xe thu gom vận chuyển định kỳ 01 lần/tuần đến nơi xử lý theo quy định.

❖ Hồ sự cố 190m³

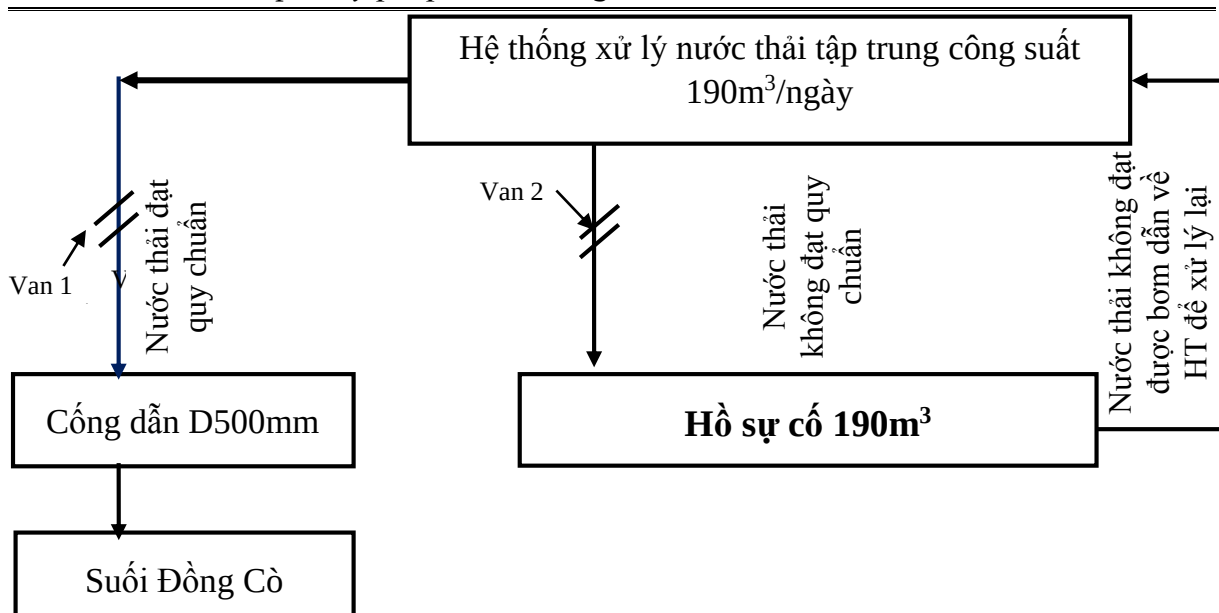
- Phương án sử dụng hồ ứng phó sự cố

Trong trường hợp có sự cố, nước thải sau khi qua bể khử trùng không đáp ứng được tiêu chuẩn xả thải sẽ được đưa vào hồ sự cố. Từ đây, nước thải sẽ được đưa quay ngược trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Căn cứ mục số 19 về bổ sung khoản 6b của Điều 37 trong nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, trường hợp nước thải theo thiết kế từ 50m³/ngày (24giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ) phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu là 01 ngày. Do đó 01 hồ sự cố của Công ty được thiết kế có thể tích 190m³ đảm bảo thời gian lưu nước thải tối đa là 01 ngày (24 giờ) trong trường hợp hệ thống gặp sự cố.

Hồ sự cố luôn không chứa nước khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường. Hồ sự cố chỉ được sử dụng khi hệ thống gặp sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q= 0,9, k_f=1,1). Khi nước thải không đạt tiêu chuẩn theo quy định thì đường ống xả nước thải từ bồn lọc áp lực dẫn vào hồ sự cố của Công ty sẽ được mở tự động để tiếp nhận lượng nước thải này nhằm đưa nước thải quay lại bể điều hòa sau đó xử lý tiếp, đảm bảo nước thải đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài.

- Quy trình vận hành hồ sự cố



Hình 0.1. Quy trình vận hành hồ sự cố của Công ty

Ghi chú :

+ Van số 1 luôn mở khi hệ thống XLNT tập trung hoạt động bình thường và sẽ được đóng lại khi hệ thống gặp sự cố.

+ Van số 2 luôn luôn đóng trong điều kiện hệ thống XLNT tập trung hoạt động bình thường. Van số 2 chỉ mở trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn được bơm dẫn vào hồ sự cố, đồng thời van số 1 được đóng lại.

- Phương án bảo trì hồ sự cố.

Hồ sự cố của Công ty được xây dựng bằng bê tông cốt thép với độ dày thành bể, đáy là $\geq 25\text{cm}$ và được xây dựng tại vị trí kế bên hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê. Định kỳ 06 tháng/lần hồ sự cố sẽ được kiểm tra, bảo trì, chống thấm. Kỹ thuật chống thấm khi xây dựng hồ sự cố là dùng phụ gia chống thấm dạng dung dịch (dung dịch sika) trộn vào vữa xi măng cát vàng rồi trát một lớp dày 3cm, sau đó quét một lớp hồ dầu (xi măng + dung dịch sika + nước) trong lòng thành và đáy hồ để tăng hiệu quả chống thấm. Dung dịch sika là một loại nhũ tương Styrene Butadien được trộn với xi măng hoặc xi măng cát nhằm tăng tính kết dính và khả năng chống thấm.

➤ **Chế độ vận hành**

+ Đơn vị thiết kế và xây dựng: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Nam Việt
+ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng với nước thải sau xử lý: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($Kq=0,9$; $Kf=1,2$).

+ Chế độ vận hành: vận hành liên tục, 8h/ngày.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, H_2SO_4 , PAC, Polymer, Clorine

+ Định mức tiêu hao hóa chất (tối đa): 37,95 kg/ngày

➤ **Thông số kỹ thuật của hệ thống:**

- Hệ thống bể xử lý:

Bảng 3.2. Thông tin về hệ thống bể xử lý nước thải

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Kích thước bể	Thể tích	Thời gian lưu (giờ)
1	Bể thu gom TK01	m ³	LxWxH= 1,26m x 4,125m x 3,95m	20,5	2,5
2	Bể điều hòa TK02	m ³	LxWxH= 3,8m x 4,125m x 3,95m	61,9	7,8
3	Bể keo tụ và tạo bông TK03	m ³	LxWxH= 0,78m x 4,125m x 3,95m	12,7	1 6
4	Bể lắng hóa lý TK04	m ³	LxWxH= 3,8m x 4,125m x 3,95m	61,9	7,8
5	Bể anoxic TK05	m ³	LxWxH= 3,8m x 4,125m x 3,95m	61,9	7,8
6	Bể aerotank TK06	m ³	LxWxH= 3,8m x 4,125m x 3,95m	61,9	7,8
7	Bể lắng sinh học TK07	m ³	LxWxH= 4,5m x 4,125m x 3,95m	73,3	9,28
8	Bể khử trùng K08	m ³	LxWxH= 1,26m x 4,125m x 3,95m	20,5	2,5
9	Bể chứa bùn TK09	m ³	LxWxH= 1,26m x 4,125m x 3,95m	20,5	2,5
10	Nhà điều hành H01	m ²	LxW= 9,1m x 4,35m	49,5	--
12	Hồ sục cở TK 10	m ³	LxWxH= 8,5m x 6,8m x 3,95m	190	1 ngày

Nguồn: Công ty TNHH Nông súc Trục Điện, 2024

- Hệ thống thiết bị xử lý đi theo bể xử lý nước thải

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật máy móc thiết bị của hệ thống XLNT

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
A	PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ				
I	BỂ GOM NƯỚC THẢI				
1	Lưới chắn rác tinh	Khe lưới 5mm Vật liệu inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Taiwan	Cái	1
2	Bơm nước thải	Dạng nhúng chìm - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 18-25m ³ /h. + Cột áp: 7m. + Công suất động cơ: 380V/3phase/50Hz. + Bộ phận liên kết nhanh (autocoupling).	Taiwan	Bộ	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
		- Chế độ hoạt động: hoạt động theo mức nước			
3	Thiết bị đo mức	Kiểu phao, ON/OFF Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải.	Matic - Italia	Bộ	1
II	BỂ ĐIỀU HÒA				
1	Bơm nước thải	Dạng nhúng chìm - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 15-18m ³ /h. + Cột áp: 7m. + Công suất động cơ: 380V/3phase/50Hz. + Bộ phận liên kết nhanh (autocoupling). - Chế độ hoạt động: hoạt động theo mức nước	Taiwan	Cái	2
2	Thiết bị đo mức	Kiểu phao, ON/OFF Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải.	Matic - Italia	Bộ	1
3	Hệ thống sục khí thô	Đầu phân phối khí dạng đĩa Hệ thống đường ống âm uPVC, đường ống dương STK	Taiwan Việt Nam	HT	1
4	Đầu đo PH online	Bao gồm transmitter và sensor Chuyên dùng cho công nghiệp, đã nhiệt đới hoá. - Khoảng đo: 0 - 14pH - Độ chính xác: 0.01 pH - Tín hiệu 4-20mA	Đài Loan	Bộ	1
5	Bơm định lượng axit và xút	Bơm màng, chịu hóa chất - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 150/h + Cột áp max: 10 bar - Điện áp: 380V/3phase/50Hz - IP5, class F - Điều chỉnh: 0 - 100%; - Nhiệt độ dung dịch max: 45°C	OBL- ITALIA	Bộ	4

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
6	Bồn chứa & pha chế hóa chất	Bồn nhựa, Dung tích: 1m ³ . Vật liệu; PVC	Việt Nam	Cái	2
III	BỂ KEO TỤ-TẠO BÔNG				
1	Motor khuấy trộn nhanh	Loại motor giảm tốc- Công suất : 0,75Kw- Tốc độ : 80 - 120 rpm- Điện áp: 380V/3phase/50Hz.	Taiwan	Cái	1
2	Motor khuấy trộn chậm	Loại motor giảm tốc - Công suất : 0,75Kw - Tốc độ : 30 - 60 rpm - Điện áp: 380V/3phase/50Hz.	Taiwan	Cái	1
3	Thiết bị khuấy bể keo tụ	Vật liệu: Inox SUS304 - Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Lô	1
4	Thiết bị khuấy bể tạo bông	Vật liệu: Inox SUS304 - Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Lô	1
5	Bơm định lượng phen	Bơm màng, chịu hóa chất - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 150/h + Cột áp max: 10 bar - Điện áp: 380V/3phase/50Hz - IP5, class F - Điều chỉnh: 0 - 100%; - Nhiệt độ dung dịch max: 45°C	OBL-ITALIA	bộ	2
6	Bơm định lượng polymer	Bơm màng, chịu hóa chất - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 250/h + Cột áp max: 7 bar - Điện áp: 380V/3phase/50Hz - IP5, class F - Điều chỉnh: 0 - 100%; - Nhiệt độ dung dịch max: 45°C	OBL-ITALIA	bộ	2
7	Motor máy khuấy pha	Loại motor giảm tốc - Công suất : 0,75Kw - Tốc độ : 100- 300 rpm	Taiwan	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
	chế polymer và phèn	- Điện áp: 380V/3phase/50Hz.			
8	Thiết bị khuấy hóa chất phèn và polymer	Vật liệu: Inox SUS304 - Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Lô	2
9	Bồn chứa & pha chế hóa chất	Bồn nhựa, Dung tích: 1m ³ . Vật liệu: PVC	Việt Nam	Lô	2
VI	BỂ LẮNG HÓA LÝ				
1	Motor thiết bị gạt bùn bể lắng	Loại motor giảm tốc - Công suất : 0,4Kw - Vận tốc motor: 0,1 – 0,5rpm - Điện áp: 380V/3phase/50Hz.	Taiwan	Bộ	1
2	Thiết bị gạt bùn	Đường kính 3,5m, vật liệu inox 304, Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1
3	Ống trung tâm	Sản xuất theo thiết kế, dùng để thu váng nổi trên bề mặt bể. Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Cái	1
4	Máng thu nước răng cưa, tấm chắn bọt và thu váng nổi	Sản xuất theo thiết kế, dùng để thu nước và váng nổi trên bề mặt bể. Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Lô	1
5	Bơm bùn đến bể nén bùn	Dạng Trục ngang - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 10m ³ /h. + Cột áp: 12m. + Công suất động cơ: 380V/3phase/50Hz. - Chế độ hoạt động: hoạt động theo mức nước	Taiwan	Cái	2
VII	BỂ SINH HỌC ANOXIC				
1	Máy khuấy trộn chìm	Dạng khuấy trộn chìm + Motor: 0,75KW/3pha/50Hz/380V+	Taiwan	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
		Tốc độ vòng 950rpm+Cột áp 6m			
2	Thanh trượt và xích kéo máy khuấy trộn chìm	Kiểu: thanh trượt + xích kéo Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2
VIII	BỂ SINH HỌC AEROTANK				
1	Hệ thống phân phối khí	Cấp khí bọt mịn, kiểu đĩa Đường ống phân phối khí đáy bể uPVC	Taiwan Việt Nam	HT	1
2	Máy thổi khí	Dạng Root - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 5m ³ /phút. + Cột áp: 50kPa + Tốc độ vòng : 1450rpm + Điện áp: 380V/3phase/50Hz - Linh kèm kèm theo: + Giảm thanh đầu vào + Van an toàn + Đồng hồ đo áp suất + Bộ chân đế, Pully, V – belt, belt cover + Bao gồm motor	Taiwan	Bộ	2
3	Bơm nước thải tuần hoàn	Dạng nhúng chìm - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 15-18m ³ /h. + Cột áp: 7m. + Công suất động cơ: 380V/3phase/50Hz. + Bộ phận liên kết nhanh (autocoupling). - Chế độ hoạt động: hoạt động theo mức nước	Taiwan	bộ	2
IX	BỂ LẮNG SINH HỌC				
1	Motor thiết bị gạt bùn bể lắng	Loại motor giảm tốc - Công suất : 0,4Kw - Vận tốc motor: 0,1 – 0,5 rpm - Điện áp: 380V/3phase/50Hz.	Taiwan	Bộ	1

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
2	Thiết bị gạt bùn	Đường kính 5m, vật liệu inox 304, Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1
3	Ống trung tâm	Sản xuất theo thiết kế, dùng để thu váng nổi trên bề mặt bể. Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Cái	1
4	Máng thu nước răng cưa, tấm chắn bọt và thu váng nổi	Sản xuất theo thiết kế, dùng để thu nước và váng nổi trên bề mặt bể. Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Lô	1
5	Bơm hồi lưu bùn	Dạng Trục ngang - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 12m ³ /h. + Cột áp: 12m. + Công suất động cơ: 380V/3phase/50Hz. - Chế độ hoạt động: hoạt động luân phiên và theo logic của bơm điều hòa	Taiwan	Cái	2
X	BỂ KHỬ TRÙNG				
1	Bơm định lượng Javel	Bơm màng, chịu hóa chất - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 150/h + Cột áp max: 10 bar- Điện áp: 380V/3phase/50Hz- IP5, class F- Điều chỉnh: 0 - 100%; - Nhiệt độ dung dịch max: 45°C	OBL-ITALIA	bộ	2
2	Bồn chứa & pha chế hóa chất	Bồn nhựa, Dung tích: 1m ³ . Vật liệu; PVC	Việt Nam	Lô	1
XI	BỂ CHỨA BÙN				
1	Hệ thống sục khí thô	Đầu phân phối khí dạng đĩa Hệ thống đường ống âm Upvc, đường ống dương STK	Taiwan Việt Nam	HT	1
B	ĐƯỜNG ỐNG VÀ HỆ THỐNG PHỤ TRỢ				

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	Nguồn gốc	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống đường ống công nghệ	Lắp đặt cho toàn bộ HTXL, vật liệu thép/PVC/HDPE Lắp đặt nội bộ trong HTXL	Việt Nam	Lô	1
2	Hệ thống van và giá đỡ	Bao gồm các loại van, phụ kiện đường ống, giá đỡ	Việt Nam	Lô	1
C	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC & ĐIỀU KHIỂN				
1	Hệ thống điều khiển Logo bao gồm phần mềm	Đã nhiệt đới hóa phù hợp với điều kiện Việt Nam, cấu trúc module linh hoạt, khả năng mở rộng tốt, tốc độ xử lý cao, bộ nhớ lớn, có khả năng lưu trữ dữ liệu khi mất điện, có khả năng chuẩn đoán và bảo vệ hệ thống.	Đài Loan, Hàn Quốc	Lô	1
2	Tủ điều khiển và tủ động lực	Bao gồm tủ: vật liệu vỏ bằng thép, sơn tĩnh điện và các thiết bị lắp đặt trong tủ để điều khiển các thiết bị như rơ le, attomat, CB, ...	Việt Nam	Lô	1
3	Vật tư thiết bị cấp cho tủ động lực và điều khiển. Dây cáp các loại và thang máng cáp	Bao gồm: dây cáp và các phụ kiện các loại đủ để lắp đặt toàn bộ các thiết bị điện động lực. (không bao gồm cáp động lực từ trạm hạ áp dẫn đến tủ điện động lực hệ thống)	Vật tư: Nhật, Hàn Quốc, Việt Nam, Trung quốc...	Lô	1

Nguồn: Công ty TNHH Nông súc Trục Điện, 2024

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công ty TNHH Nông súc Trục Điện đầu tư cụm nhà xưởng và hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện sau đó cho thuê, không thực hiện sản xuất nên không phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải sinh hoạt

Khối lượng phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của 20 nhân viên làm việc tại văn phòng điều hành của Cụm nhà xưởng cho thuê bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa...*), rác thải vô cơ (*bao bì, vỏ đồ hộp,...*) và các loại chất thải rắn khác, khối lượng khoảng 20 kg/ngày.

Thu gom: Bố trí các thùng rác PVC dung tích 10-20 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng, để thu gom chất thải sinh hoạt. Cuối ngày (hoặc khi rác đầy) công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt ra tại khu chứa để đơn vị thu gom tới thu gom.

Lưu trữ: Sử dụng thùng rác PVC dung tích 200 lít có nắp đậy để lưu trữ chất thải sinh hoạt để chờ đơn vị có chức năng đến thu gom.

Xử lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

Chất thải công nghiệp thông thường

Khối lượng phát sinh: hoạt động của Công ty là cho thuê nhà xưởng, không tiến hành sản xuất do đó trong quá trình hoạt động hầu như không phát sinh chất thải. Chất thải thông thường chủ yếu là bùn thải phát sinh từ bể tự hoại với lưu lượng ước tính như sau:

Thể tích bùn phát sinh từ bể tự hoại:

$$W_c = [a \times N \times t \times (100 - P_1) \times b \times c] : [(100 - P_2) \times 1.000]$$

Trong đó:

- a: Tiêu chuẩn cần lắng cho một người, a = 0,4 - 0,5 lít/ngày.đêm, chọn a = 0,5 lít/ngày.đêm
- N: Số người mà bể phục vụ, N = 473 (trong đó của nhân viên làm việc tại văn phòng điều hành là 20 người, công nhân của đơn vị thuê nhà xưởng 453 người)
- t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 - 360 ngày, chọn t = 180 ngày
- b: Hệ số tính đến 30% cặn đã phân hủy khi lên men, lấy b = 0,7
- c: Hệ số tính đến 20% cặn còn lại trong bể tự hoại, lấy c = 1,2
- P₁ : Độ ẩm của cặn tươi, P₁ = 95%
- P₂ : Độ ẩm của cặn trong bể tự hoại khi lên men, P₂ = 90%

$$\Rightarrow W_c = [0,5 \times 473 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2] : [(100 - 90) \times 1.000] = 17,87 \text{ m}^3$$

Như vậy bùn phát sinh từ bể tự hoại 17,87 m³/6 tháng tương đương 35,740 tấn/năm

Thu gom và lưu trữ: Chủ đầu tư không trang bị khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường do bùn phát sinh từ bể tự hoại được lưu chứa tại bể tự hoại (xây dựng khép kín, bố trí âm dưới đất, có nắp thao tác), định kỳ 6 tháng/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

Xử lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng phát sinh: chất thải nguy hại chủ yếu phát sinh từ hoạt động của nhà điều hành, bao bì chứa hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải và bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải với khối lượng ước tính như sau:

- + Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt, hóa chất từ hoạt động bảo trì hệ thống xử lý nước thải: ước tính khoảng 2 kg/tháng ~ 24 kg/năm.
- + Bóng đèn huỳnh quang thải: 5 cái/năm tương đương 2,5 kg/năm (ước tính 1 năm hư hỏng khoảng 5 bóng đèn).
- + Hộp mực in dùng cho khối văn phòng thải: ước tính 1,2 kg/năm.
- + Pin, ắc quy chì thải: ước tính 1,2 kg/năm.
- + Dầu nhớt thải từ quá trình bảo dưỡng: ước tính 15 kg/năm
- + Bao bì nhựa chứa hóa chất xử lý nước thải khoảng 182,4 kg/năm (tổng khối lượng hóa chất lỏng sử dụng là 11,38 tấn/năm tương đương 456 thùng - loại thùng nhựa 25L, khối lượng 01 thùng chứa khoảng 0,4kg $\Rightarrow$ khối lượng thùng nhựa thải = $456 \times 0,4 = 182,4$ kg/năm.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:

Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải gồm bùn thải từ quá trình xử lý sinh học và bùn thải từ quá trình xử lý hóa lý được tính như sau:

Tính toán lượng bùn sinh học:

- $\in (5 - 15)$ ngày Hàm lượng BOD đầu vào: 359 mg/l
- $\theta_c = 10$ ngày Thời gian lưu bùn

Chọn

- Hệ số sản lượng (0,4 – 0,8 mgVSS/mgBOD₅). Chọn $Y = 0,6$ mgVSS/mgBOD₅.
- Hệ số phân hủy nội bào: $K_d = 0,06$ ngày⁻¹ đối với nước thải sinh hoạt.
- Hàm lượng BOD trong nước thải cần đạt sau xử lý: 45 mg/l.
- Hàm lượng chất lơ lửng cần đạt sau xử lý: 90 mg/l. Giả sử, chất lơ lửng trong đầu ra là chất rắn sinh học (bùn hoạt tính), trong đó có 80% là chất dễ gây bay hơi và 60% là chất có thể phân hủy sinh học.
- $Q_{\text{thải max}} = 190$ m³/ngày.đêm

Nồng độ BOD đầu vào và đầu ra bể sinh học:

- $BOD_{5(\text{vào})} = BOD_{20(\text{vào})} \times 0,68 = 359 \times 0,68 = 244$ mg/l
- $BOD_{5(\text{ra})} = BOD_{20(\text{ra})} \times 0,68 = 45 \times 0,68 = 30,6$ mg/l.

Nồng độ BOD₅ hòa tan trong nước ở đầu ra được xác định trong mối quan hệ sau:

- $BOD_{5(\text{ra})} = BOD_5 \text{ hòa tan trong nước đầu ra} + BOD_5 \text{ của chất lơ lửng trong đầu ra}$

BOD_5 của chất lơ lửng trong đầu ra:

- Phần có khả năng phân hủy sinh học của chất rắn sinh học ở đầu ra là: $0,6 \times 90$ mg/l = 54 mg/l.

- BOD hoàn toàn của chất rắn có khả năng phân hủy sinh học ở đầu ra là: $0,6 \times 45\text{mg/l} \times 1,42 \text{ mg tiêu thụ/mg tế bào bị oxy hóa} = 38,34 \text{ mg/l}$.
- BOD_5 của chất rắn lơ lửng ở đầu ra = $38,34 \text{ mg/l} \times 0,68 = 26,07 \text{ mg/l}$.
- BOD_5 hòa tan trong nước: $30,6 \text{ mg/l} = \text{BOD}_5^{\text{ht}} + 26,07 \text{ mg/l}$

$$\Leftrightarrow \text{BOD}_5^{\text{ht}} = 30,6 - 26,07 = 4,53 \text{ mg/l}$$

Lượng bùn dư thải bỏ mỗi ngày:

Hệ số sản lượng quan sát tính theo công thức:

$$Y_{obs} = \frac{Y}{1 + Y_d \cdot \theta_c} = \frac{0,6}{1 + 0,06 \times 10} = 0,375$$

Lượng sinh khối gia tăng mỗi ngày tính theo MLSS là:

$$P_x = \frac{Y_{obs} \times Q \times (\text{BOD}_{5(\text{vào})} - \text{BOD}_5^{\text{ht}})}{10^3} = \frac{0,375 \times 190 \times (244 - 4,53)}{10^3} = 17,1 \text{ kg/ngày}$$

Lượng tăng sinh khối tổng cộng tính theo MLSS là:

$$P_{x(ss)} = \frac{P_x}{0,85} = \frac{17,1}{0,85} \approx 20,04 \text{ kg/ngày}$$

Vậy $M_{\text{bùn thải bỏ}}$ = lượng tăng sinh khối tổng cộng tính theo MLSS - hàm lượng chất lơ lửng còn lại trong dòng ra = $20,04 - (190 \times 45 \times 10^{-3}) = 11,49 \text{ kg/ngày}$, tương đương 3,45 tấn/năm.

Tính toán lượng bùn hóa lý:

Bùn sinh ra do các loại hóa chất đưa vào xử lý tương đối lớn do hàm lượng hóa chất sử dụng xử lý nước thải tương đối nhiều. Theo kinh nghiệm xử lý nước thải của các chuyên gia đầu ngành về công nghệ xử lý nước thải thì hàm lượng bùn tạo ra do tác nhân polymer, PAC chiếm từ 90% hóa chất sử dụng (đối với hóa chất H_2SO_4 , NaOH mục đích trung hòa pH nước thải sẽ không sinh ra bùn. Căn cứ vào tổng lượng hóa chất sử dụng khoảng 19,76 tấn/năm (xem bảng 1.3 – chương 1) thì lượng bùn hóa lý sinh ra khoảng 17,78 tấn/năm.

→ Lượng bùn sinh ra từ hệ thống XLNT: 3,45 tấn/năm bùn sinh học + 17,78 tấn/năm bùn hóa lý = 21,23 tấn/năm.

Bảng 3.4. Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	21.230
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 03	Lỏng	NH	15
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm CTNH	18 01 03	Rắn	KS	182,4
4	Giẻ lau nhiễm CTNH	18 02 01	Rắn	KS	24
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	1,2
6	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	NH	1,2
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 076	Rắn	NH	2,5
	TỔNG	-	-	-	21.456,3

Nguồn: Công ty Cổ phần Phố Xanh tổng hợp, 2024

Thu gom: Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày được thu gom để đưa về nhà lưu giữ chất thải nguy hại (bố trí bên trong nhà văn phòng điều hành của Công ty).

Lưu trữ: Kho chứa CTNH có diện tích 5 m² được xây gạch, có mái che, nền bê tông xi măng chống thấm, có gờ chống tràn, thiết bị PCCC và các thiết bị ứng cứu sự cố tràn đổ: giẻ lau, cát khô, bao tay, ủng, dụng cụ quét và hút rác. Trong nhà chứa bố trí thùng PVC 240 lít, có dán nhãn mã số CTNH.

Xử lý: Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Đánh giá khả năng đáp ứng của kho chứa CTNH:

Chủ đầu tư dự kiến tần suất thu gom 6 tháng/lần tương đương 2 lần/năm.

Căn cứ vào tần suất thu gom, khu vực chứa chất thải nguy hại của dự án sẽ phải đáp ứng sức chứa bao gồm 6 thùng CTNH 240L bao gồm 1 thùng chứa giẻ lau dính chất thải nguy hại, 1 thùng chứa bóng đèn huỳnh quang thải, 1 thùng chứa hộp mực của máy in/máy fax thải, 1 thùng chứa pin, ắc quy chì thải. 1 thùng chứa dầu động cơ, hộp số và bôi trơn, 1 thùng chứa bao bì cứng thải bằng nhựa (đối với bùn thải từ HTXL nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn).

+ Đối với 6 thùng CTNH 240L:

Thông số của mỗi thùng W = 59,2 cm; L = 72,4 cm; H = 108,6 cm. Như vậy, diện tích của 1 thùng rác 240 l là $S = W \times L = 0,465 \text{ m}^2$. Như vậy, diện tích tối thiểu để chứa 6 thùng chất thải nguy hại là: $6 \times 0,465 / 0,7 = 3,98 \text{ m}^2$ (Với 0,7 là mật độ diện tích chứa rác trong phòng).

Căn cứ vào diện tích tính toán, Chủ đầu tư cần bố trí phòng chứa chất thải nguy hại có tổng diện tích 3,98 m². Như vậy Chủ đầu tư dự kiến bố trí khu vực chứa CTNH với diện tích 5 m² hoàn toàn đáp ứng được khả năng chứa toàn bộ CTNH phát sinh.

➤ **Thông số thiết kế của kho lưu giữ chất thải nguy hại như sau:**

- + Diện tích kho lưu giữ: 5 m² (D x R = 2,5 m x 2 m, chiều cao 3 m).
- + Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, sơn nước; mái lợp tole, nền đổ bê tông.
- + Tầng cao: 01 tầng, cao 3 m
- + Kho chứa dán bảng hiệu cảnh báo được chỉ dẫn rõ ràng.
- + Hệ thống thông gió của kho được thông gió trên mái đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió.
- + Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu giữ chất thải.
- + Kho lưu giữ có mái che để nước mưa không xâm nhập.
- + Kho lưu giữ có rãnh thu gom, xây gờ chống tràn bao quanh, sàn không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và không có khe nứt để chứa nước rò rỉ, chất lỏng bị đổ tràn.

Công ty sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Cụ thể cụ thể như sau:

- + Phân loại chất thải nguy hại và lưu giữ trong các thiết bị riêng biệt, bên ngoài có dán nhãn (tên chất thải, mã chất thải nguy hại, đặc tính,...);
- + Tất cả CTNH sau đó được đưa về kho lưu trữ CTNH với diện tích 5 m² (D x R = 2,5 m x 2 m, chiều cao 3 m), có nền bằng bê tông, có mái che để nước mưa không xâm nhập, có dán biển cảnh báo và xây gờ chống tràn.
- + Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định; tần suất thu gom 6 tháng/lần. Trong quá trình hoạt động, tùy thuộc vào thực tế phát sinh chất thải nguy hại tại nhà máy mà tần suất thu gom có thể thay đổi. Nhân viên vệ sinh phải thường xuyên kiểm tra thùng chứa, kho chứa, trong trường hợp thùng chứa sắp đầy sẽ liên hệ với đơn vị thu gom để chuyển giao theo đúng quy định, cam kết không để xảy ra tình trạng rác tập trung quá tải tại các thùng chứa, kho chứa.
- + Lưu giữ các chứng từ, nộp chứng từ và lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành

a. Ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

Nhà máy đầu tư 01 Hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 190 m³/ngày.đêm. Trong trường hợp chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Chủ đầu tư sẽ cho dừng hoạt động sản xuất để tiến hành sửa chữa hệ thống, khi sự cố được khắc phục hoàn toàn Công ty mới cho vận hành sản xuất lại bình thường.

- Công ty đã trang bị các loại máy móc dự phòng như máy bơm nước thải, máy thổi khí, máy định lượng hóa chất,... để thay thế ngay sau khi các máy móc bị hỏng, giúp cho hệ thống xử lý luôn hoạt động.
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được Công ty tuyển chọn là kỹ sư đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận

hành hệ thống xử lý nước thải ngành giấy.

- Hàng năm công ty tổ chức chương trình đào tạo cán bộ môi trường để theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ nhân viên.
- Nhân viên quản lý môi trường tại Công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.

Công ty sẽ ký hợp đồng với những đơn vị có kinh nghiệm trong xây dựng và lắp đặt HTXL nước thải, đồng thời thuê đơn vị bảo trì hệ thống thường xuyên, nhằm kịp thời thay thế khắc phục sự cố xảy ra giúp hệ thống xử lý nước thải luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

Bảng 3.5. Các sự cố về máy móc, thiết bị thường gặp và biện pháp khắc phục

Stt	Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bơm chìm nước thải không hoạt động	Chưa cấp điện cho bơm Nước trong bể quá ít Van máy bơm chưa mở Bơm bị chèn vật lạ hay bị sự cố	Đóng tất cả thiết bị điện điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở bơm tại tủ điện). Chờ nước đầy Mở van và điều chỉnh van ở vị trí thích hợp. Kiểm tra bơm để tìm cách khắc phục Bố trí dự phòng 02 bộ, 02 bộ này được hoạt động luân phiên (01 bộ hoạt động, 01 bộ nghỉ phòng trường hợp bị hư)
2	Máy ép bùn không thể hoạt động	Mạch điện rò rỉ hoặc bị trục trặc Áp suất không khí thấp hơn giá trị thiết lập của công tắc áp suất hoặc công tắc áp suất bị trục trặc Van an toàn bị đóng Động cơ bị quá tải Dây đai bị lệch hướng Cầu chì bị cháy	Kiểm tra thay thế bộ phận bị lỗi Chờ đợi đến khi áp suất đạt đến giá trị cài đặt hoặc thay thế công tắc áp suất Mở van an toàn đến giá trị cài đặt Chỉnh lại dây và thay thế các phần bị lỗi Thay thế cầu chì
3	Bánh bùn không thể được tách hoàn toàn khỏi dây đai	Tám gạt bùn bị biến dạng hoặc bị mòn Lò xo kết nối các tám gạt bùn mất tính đàn hồi Dây đai bị uốn cong	Sửa chữa hoặc thay thế Điều chỉnh hoặc thay thế lò xo để có tính đàn hồi tốt Điều chỉnh hoặc thay thế dây đai mới

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

Stt	Hiện tượng	Nguyên nhân		Cách khắc phục
4	Bùn bị nghẹt trong ống dẫn bùn	Thể tích bùn vào lớn hơn công suất thiết kế Không thể làm sạch bùn tích lũy trên đường ống		Điều chỉnh khối lượng bùn đầu vào đúng thiết kế Kiểm tra định kỳ đường ống. Loại bỏ và làm sạch bùn tích lũy trên đường ống.
5	Bơm định lượng hóa chất không hoạt động	Chưa cấp điện cho bơm Có vật lạ nghẹt trong van của đầu hút và đầu đẩy Bị khí lọt vào		Đóng tất cả thiết bị điện điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở bơm tại tủ điện). Vệ sinh đầu hút và đầu đẩy Kiểm tra đệm và xả khí
6	Máy thổi khí	Quá nóng và tiếng ồn bất thường	Hết dầu	Cấp dầu vào
			Bạc đạn bị hư	Cấp dầu vào hoặc yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra
		Công suất giảm	Dây đai bị đứt hoặc hư	Điều chỉnh hoặc thay thế
			Bị nghẹt ở bộ lọc khí	Vệ sinh
Các hạng mục chính cần kiểm tra hằng ngày				
8	Van	Rò rỉ		Kiểm tra sự hư hỏng của các con vít và các bộ phận bọc bên ngoài, sửa chữa hoặc thay thế
9	Kệ, giá đỡ	Lỏng do rung động		Xiết chặt bu lông lại
10	Thiết bị trong tủ điện	Sự rung động hoặc vật lạ vướng vào công tắc từ và role hỗ trợ		Xiết chặt tiếp điểm, lấy vật lạ ra và thay thế những bộ phận nếu cần
		Nổ cầu chì		Kiểm tra công suất và tìm ra nguyên nhân
		Nhiệt độ tăng bất thường trong tủ thiết bị		Không quá 40 ⁰ C. Nếu vượt qua phải tìm hiểu nguyên nhân
		Mối nối không chặt		Xiết chặt ốc nối
11	Song chắn rác	Bị nghẹt rác		Lấy chất thải ra
12	Nhiều chất rắn lơ lửng cuốn theo ra từ bể lắng	Bùn dư không được xả hoặc chất lượng bùn kém		Kiểm tra chất lượng bùn trong bể bằng thông số MLSS rồi quyết định lượng bùn xả định kỳ mỗi ngày.

Bảng 3.6. Một số sự cố của các bể và biện pháp khắc phục

Stt	Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
01	Bể điều hòa		
	Nước thải có nhiều cặn	Song và lưới tách rác không lược được hết cặn thô	Vệ sinh song và lưới tách rác, kiểm tra có vị trí này bị hỏng hay không
	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày	Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa	Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể
02	Bể xử lý hóa lý		
	Bông bùn trong quá trình keo tụ quá nhỏ hoặc quá lớn	- Liều lượng hóa chất châm vào bể không đúng - Tốc độ khuấy quá nhanh	- Kiểm tra liều lượng hóa chất - Kiểm tra độ ph, tốc độ khuấy
	Bùn nổi	- Sự thay đổi dòng chảy nước thải - Lượng hóa chất châm vào bể sai định lượng	- Kiểm tra lượng cấp hóa chất keo tụ - Kiểm tra pH - Kiểm tra máy bơm bùn
	Chất lượng nước thải kém và bùn ít	- Tỷ lệ không khí/chất rắn có thể quá thấp - Áp lực có thể quá cao hoặc quá thấp - Bơm bùn có đang hoạt động hay không	- Tăng đầu vào không khí - Kiểm tra bơm để hoạt động cho đúng
03	Bể lắng		
	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	Bể lắng hoạt động không hiệu quả	Kiểm tra chế độ phân phối nước vào
	Bùn nổi	Quá trình khử Nitrat và phân hủy yếm khí xảy ra tại đáy bể lắng sinh ra khí N ₂ , CH ₄ , NH ₃ và sẽ bám vào các bông bùn hoạt tính và kéo theo bùn nổi lên mặt	Hút bùn tại đáy bể lắng để tránh gây ra hiện tượng phân hủy yếm khí. Điều chỉnh quá trình xử lý sinh học tại bể hiếu khí để giảm tới mức tối đa hàm lượng chất hữu cơ (BOD) vì đây là nguồn dinh dưỡng cung cấp cho quá trình khử nitrat hóa.
04	Bể khử trùng		
	Nước thải vẫn còn vi khuẩn	Tính chất nước thải đầu vào thay đổi do đó liều lượng hóa chất bình thường không đáp ứng yêu cầu xử lý	Cần phải kiểm tra để điều chỉnh lại lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào

Bảng 3.7. Chu kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý

Stt	Chu kỳ	Hạng mục	Biện pháp khắc
1	4 năm	Máy thổi khí	Thay bánh răng Thay giảm âm đầu hút/giảm âm đầu đẩy Kiểm tra/thay thế ngàm, khớp nối mềm
2	2 năm	Máy thổi khí	Thay đệm Thay ổ bi Vệ sinh vỏ máy
3	Hàng năm	Thùng, bể	Kiểm tra và sửa chữa ăn mòn, rò rỉ và hư hỏng
		Bơm	Kiểm tra tình trạng mài mòn
		Máy khuấy	Đại tu và thay thế các bộ phận nếu cần thiết
		Nền móng	Kiểm tra và sửa chữa những chỗ bị xói mòn, hư hại
		Máy thổi khí	Thay dây đai Vệ sinh bộ phận giảm âm đầu hút
		Bơm hóa chất	Kiểm tra và sửa chữa thay thế các phụ kiện hư hỏng
4	3 tháng	Tủ điện Các thiết bị điện	Kiểm tra các thiết bị điện, độ cách điện, dòng điện, các mối nối của thiết bị trong tủ điện, kiểm tra thiết bị định giờ Ngắt CB tổng, làm vệ sinh tất cả các linh kiện bên trong và bên ngoài bằng cọ khô
		Bơm định lượng	Thay nhớt hoặc mỡ tương ứng cho từng thiết bị đối với tất cả các động cơ khuấy, bơm định lượng. Sơn lại các nơi bị rỉ sét Kiểm tra các dây điện đấu vào máy
5	Hàng tháng	Máy thổi khí	Kiểm tra van an toàn Kiểm tra cách điện của motor Kiểm tra/xiết chặt các bulon/ mối nối Kiểm tra sức căng của dây đai Cấp dầu mỡ cho bánh răng, bạc đạn Thay dầu mỡ
			Vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra các cánh quạt và rò rỉ điện của bơm
6	2 tuần	Bùn nổi bề lắng	Vớt bùn nổi trên bề lắng
7	Hàng tuần	Máy thổi khí	Theo dõi mức dầu Theo dõi áp hoạt động của máy Kiểm tra cường độ dòng điện Kiểm tra tiếng ồn, rung động, nhiệt độ của máy

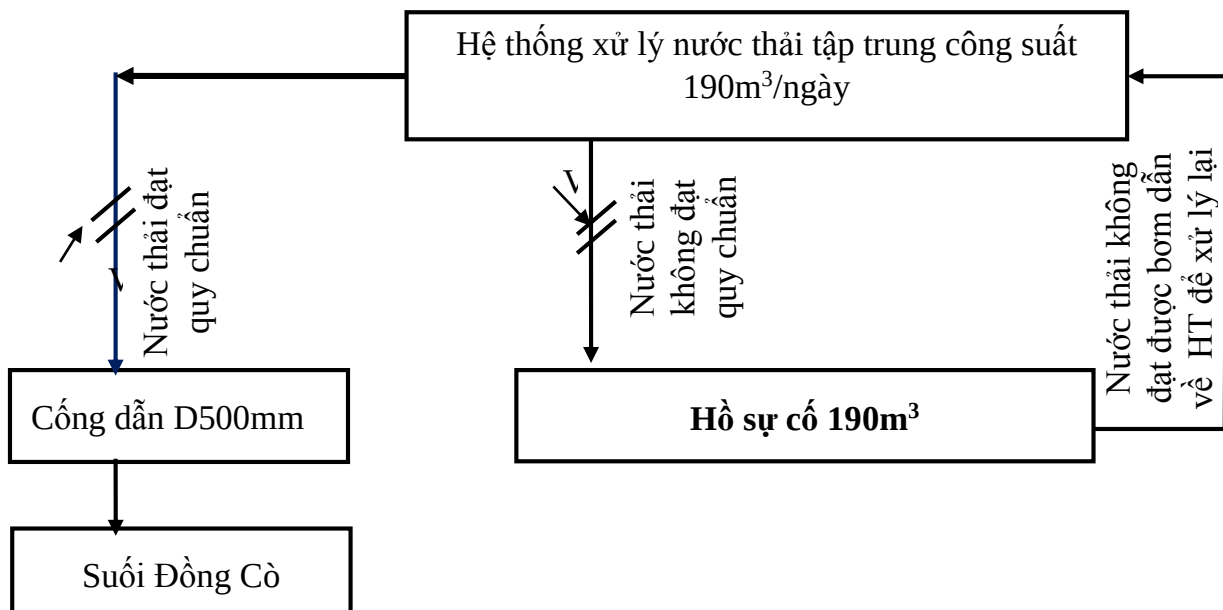
→ Trên đây là các biện pháp khắc phục khi trạm xử lý nước thải xảy ra các sự cố nhằm giảm thiểu tối đa các hư hỏng của hệ thống. Nếu công tác duy tu, bảo trì hệ thống được kiểm tra thường xuyên thì khả năng xảy ra sự cố với trạm xử lý có thể giảm thiểu được 80%. Ngoài ra, những bể trong hệ thống xử lý nước thải có sử dụng máy móc thiết bị đều được bố trí dự phòng 02 bộ, 02 bộ này được hoạt động luân phiên (01 bộ hoạt động, 01 bộ nghỉ phòng trường hợp bị hư). Với các biện pháp trên thì khi dự án xảy ra sự cố sẽ không cần phải mất quá nhiều thời gian để sửa chữa hoặc thay thế. Đồng thời Công ty bố trí hồ sự cố 190 m³ với phương thức hoạt động như sau:

Trong trường hợp có sự cố, nước thải sau khi qua bể khử trùng không đáp ứng được tiêu chuẩn xả thải sẽ được đưa vào hồ sự cố. Từ đây, nước thải sẽ được đưa quay ngược trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Căn cứ mục số 19 về bổ sung khoản 6b của Điều 37 trong nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, trường hợp nước thải theo thiết kế từ 50m³/ngày (24giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ) phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu là 01 ngày. Do đó 01 hồ sự cố của Công ty được thiết kế có thể tích 190m³ đảm bảo thời gian lưu nước thải tối đa là 01 ngày (24 giờ) trong trường hợp hệ thống gặp sự cố.

Hồ sự cố luôn không chứa nước khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường. Hồ sự cố chỉ được sử dụng khi hệ thống gặp sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$, $k_t = 1,1$). Khi nước thải không đạt tiêu chuẩn theo quy định thì đường ống xả nước thải từ bồn lọc áp lực dẫn vào hồ sự cố của Công ty sẽ được mở tự động để tiếp nhận lượng nước thải này nhằm đưa nước thải quay lại bể điều hòa sau đó xử lý tiếp, đảm bảo nước thải đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài.

- Quy trình vận hành hồ sự cố



Hình 3.4. Quy trình vận hành hồ sự cố của Công ty

Ghi chú :

+ Van số 1 luôn mở khi hệ thống XLNT tập trung hoạt động bình thường và sẽ được đóng lại khi hệ thống gặp sự cố.

+ Van số 2 luôn luôn đóng trong điều kiện hệ thống XLNT tập trung hoạt động bình thường. Van số 2 chỉ mở trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn được bơm dẫn vào hồ sự cố, đồng thời van số 1 được đóng lại.

- Phương án bảo trì hồ sự cố.

Hồ sự cố của Công ty được xây dựng bằng bê tông cốt thép với độ dày thành bể, đáy là $\geq 25\text{cm}$ và được xây dựng tại vị trí kế bên hệ thống xử lý nước thải tập trung của

Cụm nhà xưởng cho thuê. Định kỳ 06 tháng/lần hồ sự cố sẽ được kiểm tra, bảo trì, chống thấm. Kỹ thuật chống thấm khi xây dựng hồ sự cố là dùng phụ gia chống thấm dạng dung dịch (dung dịch sika) trộn vào vữa xi măng cát vàng rồi trát một lớp dày 3cm, sau đó quét một lớp hồ dầu (xi măng + dung dịch sika + nước) trong lòng thành và đáy hồ để tăng hiệu quả chống thấm. Dung dịch sika là một loại nhũ tương Styrene Butadien được trộn với xi măng hoặc xi măng cát nhằm tăng tính kết dính và khả năng chống thấm.

Đối với cán bộ vận hành trong trường hợp xảy ra sự cố, yêu cầu cần phải:

- Lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.
- Liên hệ với đơn vị thiết kế để sửa chữa hệ thống đồng thời thông báo với cơ quan quản lý nhà nước để hướng dẫn khắc phục.
- Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà vẫn chưa khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên:

1. Bảo đảm an toàn về con người.

2. An toàn tài sản.

3. An toàn công việc.

Ngoài ra đối với sự cố quá tải hoặc ngừng hệ thống nếu có phát sinh thì biện pháp khắc phục cơ bản ban đầu như sau:

- Lắp đặt dự phòng các thiết bị động lực để bị hư hỏng do nguồn điện và chế độ vận hành (các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy nén khí).
- Bố trí nhân viên bảo vệ và giám sát hệ thống nhằm đảm bảo trạm xử lý luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.
- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý, nhằm hạn chế xảy ra các sự cố như rò rỉ hoặc tràn nước ra ngoài, tắc nghẽn các đường ống dẫn,... cần phải thường xuyên làm sạch đường ống, kiểm tra mực nước trong các bồn, bể chứa, thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống dẫn và các thiết bị máy móc.

b. Ứng phó sự cố của bể tự hoại

- Để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý bụi, Công ty áp dụng các biện pháp sau:
 - + Đầu tư thiết kế lắp đặt hệ thống xử lý bụi đúng công nghệ như đề xuất. Thiết bị lắp đặt mới 100%.
 - + Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý sẽ được kiểm tra định kỳ để đảm bảo rằng hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.
 - + Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, quạt hút,... để thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.
- Khi có sự cố hệ thống xử lý khí thải xảy ra, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp khắc phục sau:
 - + Ngưng thiết bị phát sinh khí thải cục bộ.
 - + Báo cho nhà cung cấp tiến hành điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố hệ

thống xử lý khí thải.

- + Thông báo và kết hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương nhằm theo dõi và hỗ trợ xử lý kịp thời.

3.6. Những nội dung thay đổi khác so với Hồ sơ môi trường đã được phê duyệt

Ngày 19/03/2021, Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp quyết định số 268/QĐ-STNMT về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m²” tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Cho tới nay do nhu cầu của thị trường thay đổi do đó Công ty có một số điều chỉnh so với nội dung đã được phê duyệt như sau:

(1). Thay đổi về mục tiêu dự án

Hạng mục thay đổi	Nội dung trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (quyết định số 268/QĐ - STNMT ngày 19 tháng 03 năm 2021)	Nội dung điều chỉnh mới
Mục tiêu Dự án	- Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp: công suất 100.000 sản phẩm/năm (3.000 tấn/năm) - Cho thuê nhà xưởng: diện tích cho thuê là 56.816 m²	- Không đầu tư sản xuất sản phẩm thiết bị chăn nuôi công nghiệp. - Tăng diện tích nhà xưởng cho thuê: tổng diện tích nhà xưởng cho thuê 59.036 m² (tăng 2.200 m² từ diện tích dự kiến làm nhà xưởng sản xuất của Công ty)

Chi tiết các hạng mục xây dựng được chuyển đổi công năng:

STT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Theo ĐTM	Xin điều chỉnh
A	Hạng mục công trình nhà xưởng			
1	Xưởng 1 (2 tầng)	14.204,0	Cho thuê	Giữ nguyên
2	Xưởng 2 (2 tầng)	14.204,0	Cho thuê	Giữ nguyên
3	Xưởng 3 (2 tầng)	14.204,0	Cho thuê	Giữ nguyên
4	Xưởng 4 (2 tầng)	14.204,0	Cho thuê	Giữ nguyên
5	Nhà kho (1 tầng)	2.220	Phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty	Cho thuê – mục đích làm kho chứa hàng
Tổng A		59.036	--	--
B	Hạng mục văn phòng			
1	Văn phòng 1 (3 tầng)	150	Văn phòng đại diện	Giữ nguyên
2	Văn phòng 2 (3 tầng)	450	Cho thuê	Giữ nguyên
3	Văn phòng 3 (3 tầng)	450	Cho thuê	Giữ nguyên

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Theo ĐTM	Xin điều chỉnh
Tổng B		1.050	--	--
C	Hạng mục công trình phụ trợ			
1	Đường nội bộ, sân bãi	21.174	Sử dụng chung	Giữ nguyên
2	Cây xanh	20.984,8	Sử dụng chung	Giữ nguyên
3	Nhà bảo vệ	16	Sử dụng chung	Giữ nguyên
4	Trạm điện	2,2	Sử dụng chung	Giữ nguyên
5	Bể nước PCCC thể tích 700m ³	148,5	Sử dụng chung	Giữ nguyên
6	Nhà xe (02 tầng)	150	Sử dụng chung	Giữ nguyên
7	Trạm xử lý nước thải	148,5	Sử dụng chung	Giữ nguyên
8	Khu vực đặt hệ thống xử lý khí thải, kho chứa rác, lò hơi... của đơn vị thuê nhà xưởng	170	Sử dụng chung	Giữ nguyên
TỔNG C		55.288,8	--	--
D	Đất khác			
1	Đất hành lang bảo vệ suối	371,6	--	--
2	Đất hành lang an toàn đường bộ	11.437,7	--	--
TỔNG D		11.809,3	--	--
TỔNG A + B + C + D		115.374,8	--	--

Tác động từ việc thay đổi:

- Công ty không đầu tư sản xuất sản phẩm thiết bị chăn nuôi công nghiệp sẽ không làm phát sinh nguồn ô nhiễm từ hoạt động sản xuất.
- Đối với nhà xưởng dự kiến bố trí hoạt động sản xuất có diện tích 2.200 m² hiện tại có chức năng là kho chứa, do đó đối với các đơn vị thứ cấp khi thuê lại chỉ được sử dụng làm mục đích chứa hàng. Hoạt động chứa hàng hầu như không phát sinh nước thải, khí thải gây ô nhiễm môi trường.

(2). Thay đổi về ngành nghề thu hút đầu tư

Hạng mục thay đổi	Nội dung trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (quyết định số 268/QĐ - STNMT ngày 19 tháng 03 năm 2021)	Nội dung điều chỉnh mới
Thay đổi về ngành nghề thu hút đầu tư	Thu hút đầu tư các ngành nghề bao gồm: - Công nghiệp may mặc, dệt (không có công đoạn	Bổ sung thu hút một số ngành nghề mới, bao gồm: - Dệt - Sản xuất trang phục

	nhuộm, không công đoạn giặt tẩy). - Công nghiệp sản xuất lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi. - Công nghiệp cơ khí, chế tạo máy móc (<i>không thực hiện công đoạn xi mạ, tẩy rửa bề mặt kim loại</i>) - Sản xuất dược phẩm, sản xuất thiết bị y tế. - Sản xuất lắp ráp thiết bị điện, điện tử. Sản xuất bao bì nhựa (không sản xuất từ nhựa phế liệu).	- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan - Công nghiệp chế biến, chế tạo khác - Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) - Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu - Sản xuất thiết bị điện - Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác - Sản xuất phương tiện vận tải khác - Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác - Sản xuất kim loại - Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác - Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic - Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất - Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu - Sản xuất chế biến thực phẩm - Sản xuất đồ uống - Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ - In, sao chép bản ghi các loại - Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí - Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải - Sản xuất giường tủ bàn ghế - Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện - Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy - Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học - Các ngành nghề khác có tính chất tương tự và ít ô nhiễm hơn các ngành nghề kể trên.
--	--	---

Tác động từ việc thay đổi:

Việc bổ sung các ngành nghề mới so với nội dung đã được phê duyệt phù hợp với chủ trương đầu tư số 2426/QĐ-UBND ngày 24/08/2020. Các ngành nghề bổ sung đều là ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không thu hút các ngành nghề phát sinh nhiều nước thải và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như nhuộm, tẩy, xi mạ, sản xuất giấy từ nguyên liệu thô hoặc từ giấy phế liệu, chế biến thủy hải sản, chế biến thực phẩm tươi sống, chế biến mủ cao su, ..

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải

A. Nội dung cấp phép xả thải nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ công nhân viên của các doanh nghiệp thuê xưởng với lưu lượng lớn nhất khoảng 13,35 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình rửa tay chân từ các lavabo của cán bộ công nhân viên tại các xưởng sản xuất với lưu lượng lớn nhất khoảng 13,35 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ các doanh nghiệp thuê xưởng với lưu lượng lớn nhất khoảng 118 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Đồng Cò rồi chảy vào Suối Bến Ván.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Đồng Cò, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1244364; Y = 591546 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 190 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm nhà xưởng cho thuê xả ra suối Đồng Cò tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bằng công dẫn HDPE đường kính D230mm, sau đó chảy ra suối Bến Ván ra sông Thị Tính.
- Hình thức xả: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kp=0,9; Kf=1,1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Nhiệt độ	°C	40
3	Màu	Pt/Co	50
4	pH	-	6 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27
6	COD	mg/l	67,5
7	TSS	mg/l	45
8	Asen	mg/l	0,045

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

9	Thuỷ ngân	mg/l	0045
10	Chì	mg/l	0,09
11	Cadimi	mg/l	0,045
12	Crom (VI)	mg/l	0,045
13	Crom (III)	mg/l	0,18
14	Đồng	mg/l	1,8
15	Kẽm	mg/l	2,7
16	Niken	mg/l	0,18
17	Mangan	mg/l	0,45
18	Sắt	mg/l	0,9
19	Tổng xianua	mg/l	0,063
20	Tổng phenol	mg/l	0,09
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
22	Sunfua	mg/l	0,18
23	Florua	mg/l	4,5
24	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
25	Tổng Nitơ	mg/l	18
26	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,6
27	Clorua	mg/l	450
28	Clo dư	mg/l	0,9
29	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000
30	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
32	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027

Ghi chú: Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ và tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh (nước đen) được thu gom bằng hệ thống ống HDPE D200mm dẫn về 5 bể tự hoại bố trí tại 5 nhà vệ sinh của 4 nhà xưởng và 1 nhà kho; 3 bể tự hoại tại 3 nhà văn phòng; 1 bể tự hoại tại 1 nhà

bảo vệ; nước thải từ khu vực rửa tay chân của các xưởng (nước xám) được thu gom bằng đường ống HDPE D200mm dẫn về hố gom có kích thước 0,9m x 0,9m x 1,3m được bố trí dọc theo từng dãy nhà xưởng (với tổng số 33 hố gom), sau đó theo đường ống HDPE D200-300mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ các doanh nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất được thu gom về 33 hố gom có kích thước 0,9m x 0,9m x 1,3m được bố trí dọc theo từng dãy nhà xưởng (với tổng số 33 hố gom), sau đó theo đường ống HDPE D200-300mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cúm bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (suối Đồng Cò → Suối Bến Ván → Sông Thị Tính).

Bùn từ quá trình xử lý nước thải → Bể nén bùn → Máy ép bùn → Nhà chứa bùn, diện tích 5 m² (bố trí trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải) → Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Công suất thiết kế: 190 m³/ngày.đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục 8 giờ/ngày.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H₂SO₄, PAC, Polymer, chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Bố trí hồ sự cố với thể tích khoảng 190 m³ để lưu chứa nước thải của cơ sở nếu có sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng khả năng xử lý, nước thải sẽ được dẫn về bể sự cố dung tích 190m³ với thời gian lưu nước 1 ngày để lưu chứa trong quá trình khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được bơm quay trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý (*không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).

+ Trong trường hợp không thể khắc phục ngay thì Công ty sẽ thông báo cho các doanh nghiệp thứ cấp dừng hoạt động sản xuất để tiến hành sửa chữa hệ thống, khi sự cố được khắc phục hoàn toàn mới thông báo cho vận hành sản xuất lại bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại hồ thu gom.
- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp cuối cùng trong vòng 1 tháng vận hành thử nghiệm.
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau bể khử trùng).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của khu nhà xưởng, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Hoạt động của dự án không phát sinh khí thải thuộc đối tượng đề xuất cấp phép.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (*từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm*).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung

- Nguồn phát sinh: Tọa độ X = 1248804; Y = 591542 (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰45' múi chiếu 3⁰*)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

A. Quản lý chất thải:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	21.230
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 03	Lỏng	NH	15
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm CTNH	18 01 03	Rắn	KS	182,4
4	Giẻ lau nhiễm CTNH	18 02 01	Rắn	KS	24
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	1,2
6	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	NH	1,2
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 076	Rắn	NH	2,5
	TỔNG	-	-	-	21.456,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
-	Bùn từ bể tự hoại	35.740
Tổng khối lượng		1.005,7

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
-	Rác thải sinh hoạt	6.000
Tổng khối lượng		6.000

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa có nắp đậy chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, có dán nhãn ghi tên phân loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 5 m² (D x R = ,5 m x 2 m, chiều cao 4 m).

- Vị trí: bố trí nhà chứa CTNH bên trong nhà văn phòng điều hành.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các yêu cầu sau: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, trừ các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại với dung tích lớn hơn 02 m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn;

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Công ty thực hiện lưu trữ khi đủ khối lượng Công ty sẽ ký kết với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Không bố trí do không phát sinh chất thải công nghiệp thông thường. Đối với bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa tại bể, định kỳ 6 tháng/lần đơn vị có chức năng sẽ tới thu gom và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị - Bố trí 04 thùng rác PVC dung tích 10-20 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng điều hành, để thu gom chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Điểm tập kết phải được bố trí đảm bảo kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; bố trí thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường;

- Bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt có thiết kế dễ buộc, dễ mở, bảo đảm chất thải rắn sinh hoạt không rơi vãi và thuận tiện cho việc kiểm tra;

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu chứa trong các bao bì thông thường, bảo đảm có khả năng lưu chứa và không gây ô nhiễm môi trường;

- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

5.1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm dự kiến sau 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép môi trường (sau khi nhận được Giấy phép môi trường sẽ tiến hành thu hút các doanh nghiệp thuê xưởng và bắt đầu vận hành thử nghiệm).

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

Bảng 5. 1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án

Dự kiến kế hoạch vận hành các công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Công trình xử lý nước thải sản xuất 190 m ³ /ngày	Sau 90 ngày kể từ ngày nhận GPMT	Sau 30 ngày kể từ ngày bắt đầu VHTN	50%

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

(1). Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý

 Công trình xử lý nước thải

Bảng 5.2. Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải

Dự kiến kế hoạch lấy mẫu nước thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
Hệ thống xử lý nước thải (công suất 190 m ³ /ngày)	Sau 90 ngày kể từ ngày nhận GPMT	Sau 30 ngày kể từ ngày bắt đầu VHTN	Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc vận hành thử nghiệm, Chủ dự án sẽ lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

(2). Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu của công trình xử lý nước thải

Bảng 5. 3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải của hệ thống xử lý

Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Thời gian, tần suất lấy mẫu
Bể nước thải đầu vào (bể thu gom)	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, dầu mỡ tổng, Tổng N, tổng P, Amoni, Sunfua, kim loại nặng, độ màu, tổng Coliforms	Lấy mẫu tổ hợp, thời gian và tần suất lấy mẫu cam kết thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định ➤ Đánh giá hiệu quả toàn hệ thống (giai đoạn ổn định): - 3 ngày cuối lấy 3 đợt vào 3 ngày liên tục (1 đợt/ngày, lấy mẫu đơn). - Số lượng mẫu cần lấy: (01 mẫu đầu vào x 1 đợt) + (01 mẫu đầu ra x 3 đợt) = 4 mẫu
Nước thải sau xử lý (bể khử trùng)		

(3). Tổ chức dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc

🚦 **Tên cơ quan được thuê đo đạc, phân tích về môi trường:**

✓ **Đơn vị 1:** Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Hải Âu

– Địa chỉ: số 44-46, đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố HCM.

– ĐT: 028 3816 4421 Fax: 028 3816 4437

– Website: www.moitruong.org.vn

- Các chứng chỉ kèm theo:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 117.

+ Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm: được công nhận ISO/IEC 17025:2017, số hiệu VILAS 1.0444.

✓ **Đơn vị 2:** Trung tâm quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

– Địa chỉ: số 26, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

– Điện thoại: 0274 3824 753.

– Email: quantrac.tnmt@binhduong.gov.vn.

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 075.

– Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm: VILAS 533.

5.2. Chương trình quan trắc môi trường của Dự án

Bảng 5.4. Chương trình giám sát môi trường trong thời gian thực hiện dự án

Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
Chất lượng nước thải			
Nước thải sau HTXL nước thải tập trung	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, dầu mỡ tổng, Tổng N, tổng P, Amoni, Sunfua, kim loại nặng, độ màu, tổng Coliforms	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,1)
Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các đường ống thu gom, hố ga chuyển tiếp nước thải			
Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng định kỳ các đường ống thu gom, các hố ga chuyển tiếp nước thải	Kiểm tra mỗi nối, van khóa Theo dõi tắc nghẽn đường ống, hố ga chuyển tiếp	6 tháng/lần	-

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, tuy nhiên Chủ dự án sẽ lập Báo cáo công tác Bảo vệ Môi trường định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) trước ngày 05/01 của năm tiếp theo đến Cơ quan chức năng theo hướng dẫn tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ Dự án đầu tư cam kết:

- Các thông tin, dữ liệu đưa ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường hoàn toàn trung thực và chính xác.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:
 - + Nước thải được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, Kq=0,9; Kf=1,1) trước khi thoát vào suối Đồng Cò.
 - + Phân loại, lưu giữ, hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại theo đúng quy định của nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022, thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Chủ Dự án đầu tư cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam và đền bù thiệt hại nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700363082

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 12 tháng 09 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG SÚC TRỰC ĐIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHIH TIEN FARMER LOVESTOCK CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 255, ấp Bàu Bàng, Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3590368

Email: chiltien@gmail.com

Fax: 0274.3590291

Website:

3. Vốn điều lệ : 34.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHÙNG THỊ TÂM	Việt Nam	Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	31.022.335.000	91,240	026180013685	

2	PHAN THỊ BÀ	Việt Nam	Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	2.977.665.000	8,760	040185077 777	
---	-------------	----------	---	---------------	-------	------------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN THỊ BÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040185077777

Ngày cấp: 15/05/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam



K.T. **TRƯỜNG PHÒNG**
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

Số: 2426 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 391/BC-SKHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH NÔNG SÚC TRỤC ĐIỆN, Giấy đăng ký đăng ký doanh nghiệp số 3700363082 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 7 năm 2019; địa chỉ trụ sở chính tại số 255, ấp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Đại diện bởi: Bà HSU JUI FANG; sinh ngày 02 tháng 7 năm 1974; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 306585148 cấp ngày 10 tháng 12 năm 2012 tại lãnh thổ Đài Loan; địa chỉ thường trú No.68, Lane 231, Chiahsing Rd, Kangshan, Kaohsiung Hsien, Taiwan, Trung Quốc (Đài Loan); chỗ ở hiện nay tại số 255, ấp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Chức vụ: Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: SẢN XUẤT THIẾT BỊ CHĂN NUÔI CÔNG NGHIỆP VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG.

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp.
- Cho thuê nhà xưởng để hoạt động các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường; không thu hút các ngành nghề phát sinh nhiều nước thải và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như nhuộm, tẩy, xi mạ, sản xuất giấy từ nguyên liệu thô hoặc giấy phế liệu, chế biến thủy hải sản, chế biến thực phẩm tươi sống, chế biến mủ cao su,... (chỉ được cho thuê sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai, đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản).

3. Quy mô:

- Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp: công suất 100.000 sản phẩm/năm.



- Cho thuê nhà xưởng trên phần diện tích khoảng 63.186m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: khoảng 113.330,9m² (chưa trừ diện tích thuộc hành lang an toàn đường bộ và hành lang bảo vệ đường suối).

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 110.000.000.000 (Một trăm mười tỷ) đồng Việt Nam tương đương 4.792.043 (Bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm bốn mươi ba) đô la Mỹ. Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 34.000.000.000 (Ba mươi tư tỷ) đồng Việt Nam tương đương 1.515.305 (Một triệu năm trăm mười lăm nghìn ba trăm lẻ năm) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 20% tổng vốn đầu tư:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	
1	CÔNG TY TNHH NÔNG SÚC TRỰC DIỆN	34.000.000.000	1.515.305	100

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 30 tháng 3 năm 2050 (tương đương với thời hạn hoạt động dự án hiện tại của Công ty).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư: Từ khi được chấp thuận chủ trương đến quý I/2021
- Đền bù giải phóng mặt bằng: Trong quý II/2021
- Thời gian xây dựng: Từ quý III/2021 đến quý II/2023
- Thời gian sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Từ quý III/2023.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

- *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:* Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

- *Ưu đãi về thuế nhập khẩu:* Theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

- *Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:* Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Nhà đầu tư phải thực hiện ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư năm 2014, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và đảm bảo các điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành; Trong quá trình hoạt động nếu Nhà đầu tư để xảy ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh thì chủ trương đầu tư này không còn hiệu lực thực hiện.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trước khi triển khai thực hiện dự án và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất cho Nhà nước kể từ khi hoàn thành thủ tục giao đất hoặc thuê đất đối với diện tích đất sử dụng tại địa điểm dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư: 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký Quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản. Một bản cấp cho Nhà đầu tư. Một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh./. *g*

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như Điều 5;
- Các Sở: TC, TNMT, XD, CT, CA tỉnh;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- LĐVP (Lg, Th), Tạo, Tiến, TH;
- Lưu: VT *sa*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

100

100

100

Số: 268 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Nông súc Trực Điền

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Nông súc Trực Điền tại Tờ trình số .../TTr-CCBVM ngày ... tháng ... năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH Nông súc Trục Điện;

Xét đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Nông súc Trục Điện (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *đ*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Sở Xây dựng, Sở KH&CN;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa8.



Ngô Quang Sự

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ CHĂN NUÔI CÔNG
NGHIỆP, CÔNG SUẤT 100.000 SẢN PHẨM/NĂM (TƯƠNG ĐƯƠNG
3.000 TẤN/NĂM) VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VỚI DIỆN TÍCH
56.816 M² TRÊN TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 115.374,8 M²
TẠI THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG
CỦA CÔNG TY TNHH NÔNG SÚC TRỰC ĐIỆN

(Kèm theo Quyết định số 268 /QĐ-STNMT ngày 19 tháng 7 năm 2021
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m²

1.2 Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nông súc Trục Điện

1.3. Địa điểm, địa chỉ: thị trấn Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất: sản xuất thiết bị chăn nuôi, công suất 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 3.000 tấn/năm) và cho thuê nhà xưởng, diện tích 56.816 m² trên tổng diện tích đất 115.374,8 m².

1.5. Công nghệ sản xuất của dự án

1.5.1. Nhà máy sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp của Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện: Nguyên liệu (ống, thanh và tấm inox 304) → Cắt/khoan/uốn/dập tạo hình → Hàn lắp ráp → Mài, đánh bóng mỗi hàn → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

1.5.2. Ngành nghề tiếp nhận cho thuê nhà xưởng: thu hút các ngành nghề sạch, ít gây tác động tới môi trường như: may mặc, dệt (không có công đoạn nhuộm, không công đoạn giặt tẩy); sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi; cơ khí, chế tạo máy móc (không thực hiện công đoạn xi mạ, tẩy rửa bề mặt kim loại); sản xuất dược phẩm, sản xuất thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị điện tử; sản xuất bao bì nhựa (không sản xuất từ nhựa phế liệu).

1.6. Các hạng mục công trình của dự án

1.6.1 Các hạng mục công trình chính: 60.086 m²

- Nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH Nông súc Trục Điện: 2.220,0 m² (gồm 2 tầng);

- Nhà xưởng cho thuê: 56.816 m² (gồm 04 nhà xưởng với diện tích mỗi xưởng là 14.205 m², mỗi nhà xưởng gồm 2 tầng).



- Nhà văn phòng: 1.050 m².

1.6.2 Các hạng mục công trình phụ trợ: 55.288,8 m²

- Trạm điện: 2,2 m².

- Nhà xe: 1.000 m².

- Hạng mục phụ trợ: 170 m².

- Đường giao thông, bến bãi: 21.174 m².

- Phòng cháy chữa cháy: 148,5 m² (bố trí tại phần đất cây xanh).

- Cây xanh: 20.984,8 m².

- Đất hành lang bảo vệ suối: 371,6 m².

- Đất hành lang an toàn đường bộ: 11.437,7 m².

1.6.3 Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 223,5 m²

- Trạm xử lý nước thải: 148,5 m².

- Kho chứa chất thải: 75 m² (chất thải nguy hại 25 m², chất thải rắn thông thường 50 m²) bố trí trong nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH Nông súc Trục Điện.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn thi công

- Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂) và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, vận chuyển vật liệu xây dựng, thi công đào đắp và xây lắp hạ tầng kỹ thuật, công trình.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 4,5 m³/ngày; nước thải từ quá trình rửa phương tiện, dụng cụ xây dựng khoảng 2 m³/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân khoảng 50kg/ngày; phế thải vật liệu xây dựng (sắt thép vụn, bao xi măng, gạch, đá, bao bì carton...) khoảng 11.293 tấn; đất từ quá trình đào (đào móng xưởng, bể nước PCCC, cống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải...) khoảng 43.127,7 m³ (tương đương khoảng 4.692 tấn), chất thải nguy hại khoảng 293kg.

2.2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn hoạt động

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Nông súc Trục Điện với lưu lượng khoảng 1,35 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật.

- Nước thải sản xuất và sinh hoạt từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng với lưu lượng khoảng $140,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật, kim loại nặng.

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ công đoạn gia công kim loại (*cắt/khoan/mài đánh bóng*) với tải lượng ô nhiễm là $30,52 \text{ kg/năm}$ (*khoảng $0,102 \text{ kg/ngày}$*); khí hàn phát sinh từ công đoạn hàn với tải lượng ô nhiễm là $1,4 \text{ g/ngày}$.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy, thành phần ô nhiễm chính là bụi tổng, SO_2 , NO_2 , CO và VOC_s .

- Mùi hôi và sol khí từ hệ thống thu gom nước thải, từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, từ khu vực lưu giữ chất thải rắn, thành phần ô nhiễm chủ yếu chủ yếu NH_3 , H_2S ,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn thông thường phải xử lý như: thực phẩm dư thừa, vỏ hộp, lon nước, túi nilon, các loại khác... với khối lượng khoảng $19,5 \text{ kg/ngày}$.

- Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế: bao bì, thùng carton, ống, thanh inox thải... với khối lượng phát sinh khoảng $60,85 \text{ tấn/năm}$.

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chủ yếu bao bì dính chất thải nguy hại, bóng đèn thải; giẻ lau, găng tay dính chất thải nguy hại; pin, ắc quy thải; hộp mực in thải; dầu nhớt thải; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,... với khối lượng phát sinh khoảng 15.292 kg/năm .

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (*nước thải từ bể xí, cầu tiêu sau xử lý bằng bể tự hoại + nước rửa tay, lavabo*) và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng → Thu gom bằng hệ thống đường ống PVC, đường kính $200-300 \text{ mm}$ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $190 \text{ m}^3/\text{ngày}$ → Cổng thoát nước bằng BTCT đường kính 500 mm → Nguồn tiếp nhận (*Suối Đồng Cò → Suối Bến Ván → Sông Thị Tinh*). Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$.

- Quy trình xử lý nước thải tập trung:

+ Nước thải → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể keo tụ- tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (*Suối Đồng Cò → Suối Bến Ván → Sông Thị Tinh*).

+ Bùn từ quá trình xử lý nước thải → Bể nén bùn → Máy ép bùn → Nhà chứa bùn, diện tích 5 m² (*bố trí trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải*) → Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Chủ đầu tư phải thực hiện cải tạo, xây dựng bờ kè dọc suối Đồng Cò (*nhánh suối Bến Ván*) đoạn qua đất dự án với chiều dài 165,18m để đảm bảo tiêu thoát nước, chống sạt lở bờ suối theo như phương án đã được thống nhất của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng tại Văn bản số 426/UBND-KT ngày 08 tháng 02 năm 2021.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Bố trí máy hút bụi di động để thu gom bụi kim loại phát sinh từ công đoạn công đoạn gia công cơ khí (*cắt/khoan/mài đánh bóng*).

- Tạo khoảng cách cách ly đối với cụm nhà xưởng sản xuất và trạm xử lý nước thải tập trung; trồng cây xanh cách ly xung quanh các khu vực nhà xưởng và các khu vực phát sinh mùi hôi.

- Thường xuyên nạo vét các đường cống thoát nước mưa, hồ gas, tránh tình trạng lắng đọng lâu ngày gây mùi hôi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn thông thường phải xử lý → Phân loại → Thùng chứa → Kho chứa rác tập trung diện tích 10 m² → Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom để tái chế, tái sử dụng đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế → Phân loại → Thùng rác → Kho chứa rác tập trung diện tích 50 m² → Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đúng quy định.

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ trong nhà kho có diện tích 25 m² (có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che, có dán các bảng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Xây dựng, bố trí hồ sự cố dung tích 190 m³ để lưu nước trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố về môi trường.

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất (như NaOH, H₂SO₄, PAC, Polymer...) theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực môi trường; trang bị các bơm nước thải dự phòng trong trường hợp các bơm nước đang hoạt động gặp sự cố.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy; an toàn khi bảo quản, sử dụng các loại nhiên liệu, hóa chất; an toàn trong lưu trữ, vận chuyển thải bỏ hóa chất, chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động; an toàn lao động, phòng ngừa và ứng phó sự cố, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh dự án, các nhà xưởng sản xuất, đường giao thông để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa → Hệ thống cống BTCT D600, D1000 → Suối Đồng Cò → Suối Bến Ván → Sông Thị Tính.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 190 m³/ngày.

- Bể phòng ngừa sự cố 190 m³.

- Khu vực lưu giữ công nghiệp diện tích: 75m² (chất thải sinh hoạt: 25 m², chất thải công nghiệp: 50 m²).

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 25 m²; khu vực lưu giữ bùn thải, diện tích 5 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: sau hệ thống xử lý nước thải.
- Chi tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ động thực vật, coliform, Amoni (theo N), kim loại nặng (*tùy theo ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp thuê xưởng*), độ màu.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9; K_f = 1,1).

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: tại các nhà chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần chất thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; các nghĩa vụ tài chính đối với việc thuê đất theo quy định.
- Có trách nhiệm giám sát, yêu cầu các doanh nghiệp thuê lại xưởng thực hiện đầy đủ các hồ sơ môi trường trước khi đi vào hoạt động; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo các chất thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- Chỉ tiếp nhận các dự án thuộc những ngành nghề đăng ký được nêu tại mục 1.5.2 của Phụ lục này và chỉ được phép tiếp nhận các dự án đầu tư vào khu nhà xưởng sau khi hoàn thành việc xây dựng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định. Lưu ý, không thu hút ngành nghề phát sinh nhiều nước thải như nhuộm, tẩy, xi mạ, sản xuất giấy từ nguyên liệu thô hoặc giấy phế liệu, chế biến thủy hải sản, chế biến thực phẩm tươi sống, chế biến mù cưa,....
- Thỏa thuận về yêu cầu đầu nối nước thải với các dự án đầu tư vào khu nhà xưởng trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện.
- Lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 16b và Điều 17

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Thống kê, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định sau khi dự án đi vào hoạt động.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG SỨC TRỰC DIỆN.

GPĐT số: 461023000432. Chứng nhận lần đầu, ngày 30/06/2008;

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1, ngày 01/06/2010.

Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ: xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



BA 163837

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

a) Thửa đất số: 41 tờ bản đồ số: 42
b) Địa chỉ: Xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
c) Diện tích: 3.208m² (Ba ngàn hai trăm linh tám mét vuông).
d) Hình thức sử dụng: riêng: 3.208 m² chung: không
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (SKC);
Đất HLATĐB; Đất HLBV đường suối.
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 30/03/2050.
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. **Cây lâu năm:** Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

* Tổng diện tích khu đất: 3.208 m² . Trong đó:

- Diện tích sử dụng: 2.521,3m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh (SKC).

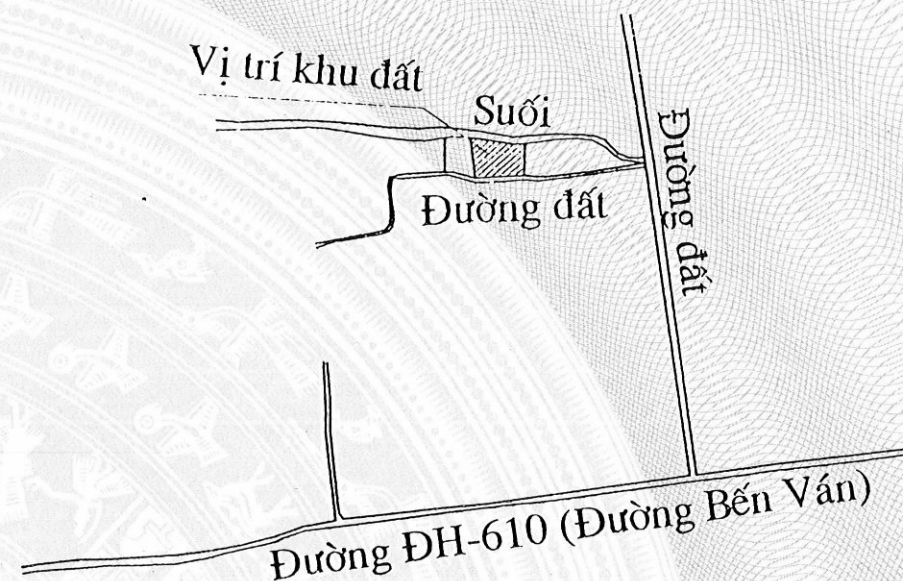
- Diện tích hành lang an toàn đường bộ: 325,4m² chỉ cho phép khai thác, sử dụng mang tính tạm thời và không được ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông. Khi nhà nước có yêu cầu sử dụng thì tổ chức sử dụng hành lang đường bộ phải di dời công trình trong thời hạn cho phép và tự chịu kinh phí. Đồng thời thực hiện theo Quyết định số: 272/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Diện tích hành lang bảo vệ đường suối: 361,3m² thực hiện theo Quyết định số 102/2003/QĐ-UBND ngày 14/03/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định tạm thời hành lang bảo vệ các kênh rạch thoát nước (không có lưu thông thủy) và hành lang bảo vệ các công trình suối trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Thủ Dầu Một, ngày 25.. tháng.. 11. năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Danh



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Số vào sổ cấp GCN: CT00833

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

[illegible]

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số M 934766

Lao-Minh-Hue

Số: 3789 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng thuộc thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2017 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 07: 2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4654/TTr-SXD ngày 26/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng thuộc thị trấn Lai Uyên, tỉnh Bình Dương, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, giới hạn và quy mô:

- Khu đất lập quy hoạch có vị trí tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và được giới hạn bởi tứ cận như sau:

- + Phía Bắc: giáp suối Bến Ván;
 - + Phía Nam: giáp đường ĐH 610;
 - + Phía Đông: giáp công ty CP Tiến Phát;
 - + Phía Tây: giáp nhánh suối Bến Ván.
- Tổng diện tích khu đất: 115.374,8m² (~11,54ha).

2. Tính chất: Là dự án sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp; cho thuê nhà xưởng để hoạt động các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không thu hút ngành nghề phát sinh nhiều nước thải như nhuộm, tẩy, xỉ, mạ, giấy.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính của đồ án:

a) Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Tổng diện tích khu đất : 115.374,8m² (~11,54ha).
- Mật độ xây dựng thuần (net-tô) toàn khu : ≤ 59,3%;
- Tỷ lệ đất cây xanh : ≥ 20%.
- Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 03 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa các công trình : ≤ 16 m.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu : ≤ 1,3 lần.

b) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước: theo nhu cầu công nghệ sản xuất, dự kiến nước sinh hoạt cho một người trong ca làm việc q= 30 lít/người/ca.; cấp nước tưới cây: 3 lít/m²; cấp nước rửa đường: 0,5 lít/m²; cấp nước chữa cháy 15 lít/s.

- Chỉ tiêu thoát nước thải: ≥ 80 % lượng nước cấp và 100% xử lý.

- Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất 200 ÷ 250 kW/ha.

- Chỉ tiêu chất thải rắn công nghiệp: 0,5 tấn/ngày/ha.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1kg/người/ngày.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích(m ²)	Tỷ lệ(%)	QCXDVN 01-2019/BXD	
A	Đất quy hoạch				
I	Đất công trình	61.406,7	59,3	≤ 60	Mục 2.5.3 - Lô đất xây dựng nhà xưởng > 5 sàn sử dụng sản xuất thì mật độ xây dựng thuần ≤ 60%
1	Đất nhà máy - kho tàng	59.036,0	57,0	-	
2	Đất các khu kỹ thuật	1.320,7	1,3	-	
3	Đất hành chính - dịch vụ	1.050,0	1,0	-	
II	Đất cây xanh	20.984,8	20,3	≥ 20%	Mục 2.6.5 - Bảng 2.11
III	Đất giao thông, bến bãi	21.174,0	20,4	-	-
IV	TỔNG	103.565,5	100,0		
B	Đất khác	11.809,3			
1	Đất hành lang bảo vệ suối	371,6			
2	Đất hành lang an toàn đường bộ	11.437,7			
TỔNG		115.374,8		-	-

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Nhà máy được quy hoạch với các khu chức năng chính là: Đất xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng, công trình phụ trợ, ...); Đất cây xanh; Đất giao thông.

- Các công trình nhà xưởng, kho lựa chọn hình thức kiến trúc công nghiệp, kết cấu bê tông cốt thép và khung thép tiền chế. Tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng; chiều cao xây dựng tối đa: 16m.

- Các khối công trình hành chính dịch vụ được bố trí mặt tiền đường gần các lối tiếp cận để thuận tiện cho giao thông và kết hợp với các mảng xanh tại khu vực này để tạo không gian mở nhằm đảm bảo sức khỏe cho nhân viên nhà máy. Tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng; chiều cao xây dựng tối đa 16m.

- Các công trình kỹ thuật chọn hình thức kiến trúc công nghiệp, kết cấu bê tông cốt thép và khung thép tiền chế. Tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng; chiều cao xây dựng tối đa: 16m.

- Cây xanh phân tán bố trí tiếp giáp với các công trình nhà xưởng, công trình hành chính, dịch vụ và trồng dọc trục đường tiếp giáp ranh đất bên ngoài.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1 Quy hoạch san nền:

- San nền bám theo địa hình tự nhiên để giảm khối lượng đào đắp. san lấp bề mặt tương đối bằng phẳng chuẩn bị cho công tác thi công các hạng mục công trình, tạo độ dốc đường giao thông thuận lợi cho công tác thiết kế hệ thống thoát nước.

- Khu cây xanh ven ranh quy hoạch được san lấp bám sát cao độ tự nhiên, đồng thời phù hợp với cao độ khu đất xây dựng công trình, tránh trường hợp đọng nước tại các khu vực này.

- Đối với suối phía Tây dự án, để bảo vệ bờ suối tránh hiện tượng sạt lở cũng như đảm bảo mỹ quan cho dự án đề xuất xây kè đá hộc dọc bờ suối, phạm vi xây kè nằm trong hành lang bảo vệ suối.

6.2 Quy hoạch hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Định hướng tổ chức giao thông dựa trên các phân khu chức năng và tuyến đường giao thông hiện hữu, hệ thống giao thông đối ngoại gồm trục đường Số 2 kết nối với đường ĐH 610 về phía Nam của dự án.

b) Giao thông đối nội:

Mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch là mạng lưới giao thông nội bộ. Mạng lưới đường nội bộ, sân bãi được thiết kế đảm bảo đáp ứng lưu lượng giao thông, xuất nhập hàng hóa, cũng như tiếp cận đến các nhà máy, tách riêng đường xuất nhập hàng hóa và đường xe nhân viên.

Đối với đường giao thông nội bộ không tổ chức vỉa hè, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi dưới lòng đường hoặc trong phần đất cây xanh thâm cỏ, phần đi ngầm dưới lòng được thiết kế chịu lực phù hợp theo quy định.

Bảng thống kê đường giao thông nội bộ



STT	Tên đường	Mặt cắt	Mặt đường (m)	Khoảng lùi XD	
				Trái(m)	Phải(m)
I	Giao thông đối ngoại				
1	Đường số 2	1-1	20,0	0,0	0,0
II	Giao thông đối nội				
1	Đường số 1	2-2	6,0	0,0	0,0
2	Đường số 3	3-3	8,0	0,0	0,0
3	Đường số 4	4-4	8,0	0,0	0,0
4	Đường số 5	3-3	8,0	0,0	0,0
5	Đường số 7	3-3	8,0	0,0	0,0
6	Đường số 9	3-3	8,0	0,0	0,0
		3A-3A	8,0	0,0	0,0

6.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Nguồn tiếp nhận: Mạng lưới thoát nước của khu vực là thoát nước riêng. Nước mưa sau khi thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa đường kính D500mm, D600mm, D800mm, D1000mm. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ thoát vào tuyến cống chính D1000mm trên đường số 2, thoát về suối hiện hữu ở phía Bắc khu quy hoạch thông qua 2 cửa xả thoát nước mưa D600mm và D1000mm.

- Thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước mưa và nước thải chảy trong hai hệ thống cống riêng.

- Toàn bộ hệ thống thoát nước bám theo hướng dốc thoát nước của nền thiết kế.

- Bố trí hệ thống hệ thống cống D500mm, D600mm, D800mm, D1000mm, thu nước dọc theo các trục đường giao thông trong khu quy hoạch.

- Tại các vị trí băng đường và lối vào kho bố trí cống ngầm chịu lực H30 để đảm bảo thoát nước an toàn.

- Độ sâu chôn cống tối thiểu $H=0,7$ m;

- Độ dốc cống tối thiểu $i_m = 1/D$, D- đường kính cống thiết kế (mm);

6.4. Quy hoạch hệ thống thoát cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước khu quy hoạch: 305,6m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Hệ thống cấp nước của khu quy hoạch được cấp nước từ đường ống cấp nước hiện hữu D200 trên đường Lai Uyên 84 cách khu quy hoạch khoảng 263m đi theo đường Số 5 thuộc dự án Cụm nhà xưởng cho thuê về phía Bắc.

- Mạng lưới đường ống:

+ Mạng lưới ống bố trí mạng lưới vòng, cấp nước sinh hoạt và chữa cháy được bố trí mạng lưới riêng, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc cấp nước;

+ Nước từ đường ống cấp nước bên ngoài được cấp vào bể nước chữa cháy bố trí tại vị trí trong khu vực quy hoạch, nước từ bể chữa cháy sẽ được cấp đến hệ

thông kho thông hệ thống bơm tăng áp và mạng lưới đường ống bằng thép mạ để cấp nước chữa cháy cho xưởng khi có sự cố.

+ Những nơi ống đi qua đường được đi ngầm và lắp đặt ống lồng bên ngoài (HDPE hoặc uPVC) và đệm cát trên lưng cũng như dưới đáy ống.

+ Tại vị trí nhà xưởng ngoài hệ thống ống chữa cháy bên ngoài xưởng, sẽ bố trí các hệ thống chữa cháy bên trong và sẽ được thiết kế chi tiết khi triển khai xây dựng hệ thống nhà xưởng.

+ Ống cấp nước vào bể dùng ống đường kính D200mm, D150mm, D100mm.

+ Đường ống cấp nước chữa cháy được bố trí dọc theo hệ thống vách của nhà xưởng.

+ Bố trí 30 trụ chữa cháy D150mm trên các tuyến ống cấp nước khoảng cách 2 trụ không quá 120m.

+ Phụ tùng thiết bị dùng phụ tùng gang và thép mạ kẽm;

6.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải: Tổng lưu lượng nước thải trong khu vực thiết kế: 192,4 m³/ngày.đêm.

a) Nguyên tắc thoát nước thải

Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (nước mưa được thu gom theo hệ thống riêng).

Các tuyến cống thu gom nước thải cũng được đặt theo các tuyến đường, nhằm thu gom được toàn bộ lượng nước thải trong khu quy hoạch. Các tuyến thu gom nước thải phải đảm bảo đặt gần công trình nhất, có chiều dài cống ngắn nhất. Một cách tổng quát, tuyến cống thu gom nước thải sẽ được đặt phía bên trong và song song với tuyến cống thu nước mưa.

b) Nguồn xả nước thải

Nguồn tiếp nhận: nước thải sau khi được thu gom vào các cống HDPE đường kính D200~300 mm. Sau khi thu gom vào hệ thống cống thoát nước quy hoạch mới sẽ được thu gom về bể xử thải phía Bắc sau đạt chuẩn A (QCVN 40: 2011/BTNMT) trước khi thoát ra ngoài môi trường

c) Giải pháp thoát nước thải:

Nước thải trong khu vực nghiên cứu sau khi đi qua bể tự hoại xử lý cục bộ tại các công trình được thoát ra hệ thống thoát nước thải riêng biệt ở bên ngoài có kích thước cống: D200 mm. Chiều sâu chôn cống điểm đầu tối thiểu là 0,70m; chiều sâu chôn cống tối đa là 4m.

Hệ thống đường cống thoát nước bao gồm cỡ đường kính D200mm độ dốc tối thiểu 0.50%. Các đoạn đường có độ dốc lớn, độ dốc cống bám sát với độ dốc đường giao thông và địa hình khu vực.

d) Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

Giải pháp thu gom: Các thùng đựng rác thải, chất thải rắn sẽ được phân bố đều, đảm bảo bán kính phục vụ. Các thiết bị chứa và vận chuyển rác được thiết kế cho phù hợp với thẩm mỹ chung. Rác thải được công ty vệ sinh đô thị thu gom trực tiếp, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn chung của khu vực.

6.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:



- Tổng công suất yêu cầu cấp cho khu quy hoạch: 2.000 kVA.
- Nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch được cấp điện từ tuyến dây trung thế 22kV nằm trên đường Số 8 thuộc dự án Cụm nhà xưởng cho thuê hiện hữu phía Bắc của dự án.
- Xây dựng tổng công 02 trạm biến áp 22/0,4kV có công suất từ 1.000 kVA với tổng công suất là 2.000 kVA.
- Nhận nguồn từ trạm biến áp xây dựng mới.
- Đường dây 0,4kV 3P-N được thiết kế theo tiêu chuẩn lưới điện hạ thế đi ngầm trên vỉa hè, lòng đường hoặc trên phần đất cây xanh.
- Cấp hạ thế: Dùng cáp đồng bọc PVC/XLPE/PVC-ABC 4x120mm² để cấp nguồn cho các hộp domino dùng cáp đồng bọc CV 25mm² để đấu nối.
- Đấu nối nhánh rẽ branchement dùng Domino 6 cực và MCB 32^a.
- Sử dụng tụ bù hạ thế 3 pha để bù công suất phản kháng cho lưới điện
- * Lưới chiếu sáng:
 - Mạng lưới chiếu sáng: Chọn phương án thiết kế chiếu sáng đi ngầm chiếu sáng ngoài trời kết hợp đèn gắn trên đường ngoài các công trình.
 - Các tuyến đường sử dụng trụ đèn STK cao từ 7m-12m tùy thuộc vào bề rộng của lòng đường. Sử dụng cáp đồng bọc C/XLPE/PVC 0,6/1KV luồn trong ống PVC D60 mm cho những đoạn cáp trên vỉa hè và ống STK D60 mm cho những đoạn ống băng đường.
 - Các đường cảnh quan cần sử dụng bộ đèn có độ thẩm mỹ cao và chiếu sáng vỉa hè tại các khu vực có nhiều người đi bộ.

6.7. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp thông tin cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống thông tin hiện hữu đi nổi trên đường Số 8 hiện hữu phía Bắc của dự án.
- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đi ngầm trong hệ thống cống bể. Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn để đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông như thuê bao điện thoại cố định, internet, truyền hình kỹ thuật số...

6.8. Quy hoạch thu gom chất thải rắn:

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.
- Thu gom rác tại các khu vực chức năng và đổ rác vào thùng rác gần nhất. Sau đó được các công nhân vệ sinh thu gom vào các xe vận chuyển rác.
- Vận chuyển rác: dùng xe chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác từ các thùng rác công cộng đến khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh. Việc thu gom và vận chuyển rác từ khu vực đến nơi xử lý do đơn vị chuyên trách thực hiện.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Giải pháp về kỹ thuật:

Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên.

Khai thác sử dụng đất đai: phải thực hiện sử dụng đúng mục đích, quy mô và tiêu chí đã đề ra trong quy hoạch.

Khai thác các nguồn lực tự nhiên: khai thác nguồn lực tự nhiên thông qua đầu tư, phát triển phải thực hiện đồng bộ, tập trung đúng theo quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ chặt chẽ theo quy trình kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp bảo vệ môi trường.

b) Giải pháp về quản lý:

Quản lý các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động khai thác; sử dụng đất đai; các nguồn tự nhiên; quản lý khai thác nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm; quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải; quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh phát ra tiếng ồn và ô nhiễm không khí.

Tổ chức bộ máy quản lý: giáo dục và nâng cao nhận thức, tham gia bảo vệ và gìn giữ môi trường trong cộng đồng người lao động.

c) Biện pháp chống ồn và xử lý khí thải:

Trồng cây xanh, sân vườn để ngăn cản gió bụi và điều hoà nhiệt độ không khí, làm sạch đẹp đô thị.

Phân luồng, tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt hệ thống biển báo an toàn giao thông, giảm tiếng ồn và giảm lượng khí thải.

8. Thành phần hồ sơ:

- Thuyết minh tổng hợp, bản vẽ A3 thu nhỏ; phụ lục kèm theo thuyết minh (Các giải trình, Giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; Bản vẽ minh họa; Các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

- Thành phần bản vẽ:

- + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/5.000.
- + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500.
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, bản vẽ A3 thu nhỏ kèm theo.
- Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
- Đĩa CD lưu trữ.

Điều 2. Công ty Công ty TNHH Nông súc Trục Điện là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung như sau:

- Liên hệ với UBND huyện Bàu Bàng để thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện dự án, đánh giá tác động môi trường, thỏa thuận phòng cháy chữa cháy và triển khai các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về cung cấp các nội dung, văn bản, số liệu không trung thực, sai lệch làm ảnh hưởng đến kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật của dự án này.

- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự và quy định pháp luật. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng; Công ty TNHH Nông sản Trục Điền và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT & các PCT
- Như Điều 3;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 3980/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Nông súc Trục Điền..

Địa chỉ: Số 255 ấp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng.

- Tổng số công trình: 09 công trình và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật.
- Do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Kiến Xanh lập.
- Chủ nhiệm thiết kế: Kiến trúc sư Nguyễn Phi Hùng.
- Chủ trì thiết kế: Kiến trúc sư Phạm Quang Nhật
- Chủ trì thiết kế kết cấu: Kỹ sư Nguyễn Hữu Danh.
- Đơn vị thẩm tra: TNHH Thiết kế Xây dựng Hy An.
- Chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Kts. Lê Thành Nam.
- Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Ks. Nguyễn Văn Khoáng.
- Đơn vị thẩm định: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng dịch vụ Nam Việt.
- Gồm các nội dung sau đây:

+ Địa điểm xây dựng: Thửa đất số 41 và thửa 1080; tờ bản đồ số 42; thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Văn phòng đăng ký đất đai xác lập ngày 18/9/2020).

+ Diện tích đất sử dụng dự án: 103.565,5m².

+ Diện tích đất xây dựng công trình: 61.401,7 m².

+ Mật độ xây dựng: 59,3%, hệ số sử dụng đất: 0,6 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ: 30m tính từ tim đường ĐH-610 (đường Bến Ván); 3m tính từ tim đường số 1; 10m tính từ tim đường số 2; 4m tính từ tim đường số 3; 4m tính từ tim đường số 4; 4m tính từ tim đường số 5; 4m tính từ tim đường số 7; 4m tính từ tim đường số 9.

+ Chỉ giới xây dựng: 30m tính từ tim đường ĐH-610 (đường Bến Ván); 3m tính từ tim đường số 1; 10m tính từ tim đường số 2; 4m tính từ tim đường số 3; 4m tính từ tim đường số 4; 4m tính từ tim đường số 5; 4m tính từ tim đường số 7; 4m tính từ tim đường số 9.

2.1. 04 Công trình Nhà xưởng 01, 02, 03 và 04 (giống nhau về quy mô, kiến trúc, kết cấu) (01 xưởng: 14.204 m²):

- + Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.
- + Loại công trình: Công trình công nghiệp, cấp II.
- + Số tầng: 01 tầng.

- + Cốt nền xây dựng công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 0,2m.
- + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 14,209m.
- + Tổng diện tích sàn xây dựng (01 nhà xưởng): 14.204 m².
- + Tổng diện tích sàn xây dựng (04 nhà xưởng) : 56.816m².

2.2. Nhà kho (2.220m²):

- + Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.
- + Loại công trình: Công trình công nghiệp, cấp II.
- + Số tầng: 01 tầng.
- + Cốt nền xây dựng công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 0,2m.
- + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 14,209m.
- + Tổng diện tích sàn xây dựng : 2.220m².

2.3. Nhà văn phòng 01 (150m²) :

- + Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.
- + Loại công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- + Số tầng: 03 tầng.
- + Cốt nền xây dựng công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 0,47m.
- + Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt sân đặt công trình): +4,47m.
- + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 14,92m.
- + Diện tích xây dựng: 150 m².
- + Tổng diện tích sàn xây dựng : 489,4m². Trong đó: Tầng 01: 150m². Tầng 02: 169,68m². Tầng 03: 169,68m².

2.4. Nhà văn phòng 02 (450m²) :

- + Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.
- + Loại công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- + Số tầng: 03 tầng.
- + Cốt nền xây dựng công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 0,47m.
- + Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt sân đặt công trình): +4,47m.
- + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 14,92m.
- + Diện tích xây dựng: 450m².
- + Tổng diện tích sàn xây dựng : 1.379,5m². Trong đó: Tầng 01: 450m². Tầng 02: 464,76m². Tầng 03: 464,76m².

2.5. Nhà văn phòng 03 (450m²) :

- + Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.
- + Loại công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- + Số tầng: 03 tầng.
- + Cốt nền xây dựng công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 0,47m.
- + Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt sân đặt công trình): +4,47m.
- + Chiều cao công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 14,92m.
- + Diện tích xây dựng: 450 m².

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 1.379,5,4m². Trong đó: Tầng 01: 450m². Tầng 02: 464,76m². Tầng 03: 464,76m².

2.6. Nhà xe (1.165 m²):

+ Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

+ Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

+ Số tầng: 01 tầng

+ Cốt nền xây dựng công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 0,1m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sân đặt công trình): + 5,1m.

+ Diện tích xây dựng: 150 m².

+ Tổng diện tích sàn xây dựng : 489,4m². Trong đó: Tầng 01: 150m². Tầng 02: 169,68m². Tầng 03: 169,68m².

2.7. Các nội dung khác: Dự án có bố trí bể nước PCCC; Trạm điện; khu xử lý nước; hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, PCCC và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M 934766 (sổ và sổ cấp GCN 573 QSDĐ/2000) ngày 30/8/2000 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nông súc Trục Điền.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163837 (sổ và sổ cấp GCN: CT00833) ngày 25/11/2010 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nông súc Trục Điền.

- Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Nông súc Trục Điền điều chỉnh diện tích, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển hình thức sử dụng đất đối với khu đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND H Bàu Bàng (p/h);
- Thanh tra Sở XD (p/h);
- Lưu: VT, P.KTKT; Hn, H.Mean *Zhan*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bổ Kỹ Thuật

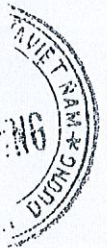
CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC



Số: 93 /GPXD

Bàu Bàng, ngày 14 tháng 5 năm 2021

GIẤY PHÉP THI CÔNG

**Công trình: Hạ tầng kỹ thuật dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi
công nghiệp và cho thuê nhà xưởng tại thị trấn Lai Uyên,
huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương**

Căn cứ Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét Đơn đề nghị cấp phép thi công của Công ty TNHH nông súc Trục Điền và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Công ty phê duyệt.

1. Cấp cho: Công ty TNHH nông súc Trục Điền.

- Địa chỉ: Số 255, ấp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 02743 3590 368.

2. Được phép thi công công trình: Hạ tầng kỹ thuật dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số 20/QĐ-TĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Công ty TNHH nông súc Trục Điền, gồm các nội dung chính sau:

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, Cấp III.
- Quy mô công trình:
- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm các hạng mục:
- San nền (chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng);
- Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị;
- Hệ thống cây xanh đường phố;
- Hệ thống thoát nước mưa;
- Hệ thống cấp nước;
- Hệ thống thoát nước thải;



- Hệ thống cấp điện (trung hạ thế và trạm biến áp);
- Hệ thống chiếu sáng đô thị
- Hệ thống thông tin, viễn thông;
- Đơn vị thiết kế: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Nam Việt.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH xây dựng thủy bộ Hòa Bình.
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Gồm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt, cụ thể gồm các nội dung sau:

a) San nền:

Cao độ san lấp mặt bằng hoàn thiện là cao độ của mép ngoài vỉa hè của tất cả các tuyến đường trong khu thiết kế.

Hướng dốc san nền chính của khu vực quy hoạch là hướng Nam tới Bắc, độ dốc và từ Tây sang Đông, theo hướng dốc chủ đạo của địa hình tự nhiên. Cao độ thiết kế cao nhất là +37,88m và thấp nhất là +32,61m.

Độ dốc trung bình 0,2 - 1,1%; Khối lượng đào là -28.146,11m³, khối lượng đắp là 31.507,64m³.

Tường chắn đất: Kết cấu tường bê tông cốt thép đá 1x2M300 chiều cao từ 1 đến 4 m, bề dày chân tường 45cm, bề dày đỉnh tường 25cm tại các vị trí giáp ranh khu đất.

b) Hệ thống giao thông:

Các tuyến đường giao thông của dự án sẽ được bố trí như sau: Các trục giao thông chính như tuyến (đường số 2, đường số 3, đường số 5, đường số 7) sẽ được trải nhựa, các tuyến còn lại sẽ được làm bê tông.

- Đường số 1: Mặt đường 6m, lộ giới 6m
- Đường số 2: Mặt đường 20m, lộ giới 24 m, vỉa hè mỗi bên 2m.
- Đường số 3; 5; 7: Mặt đường 8m, lộ giới 14 m vỉa hè mỗi bên rộng 3m.
- Đường số 4: Mặt đường 8m, lộ giới 18 m vỉa hè 1 bên rộng 3m; 1 bên rộng 7m.

- Đường số 9: Mặt đường 8m, lộ giới 14 -16m vỉa hè 1 bên rộng 3m; 1 bên rộng 3-5m.

- Kết cấu Nền đường: Sau khi thi công xong phần nền hạ, nền đường được đắp lớp sỏi đỏ để tăng cường độ nền đường đồng thời hạn chế mao dẫn trước khi xây dựng kết cấu mặt đường. Lớp sỏi đỏ dày 30 cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$; $E_0 = 60,0$ Mpa.

- Kết cấu áo đường:

Loại 1: Bê tông nhựa (từ dưới lên trên) đường số 2, số 3, số 5 và số 7: Kết cấu mặt đường có $E_{yc}=155$ Mpa; Lớp cấp phối đá 0x4 dày 40cm, $K=0,98$; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{ kg/m}^2$; Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 5cm, $K \geq 0,98$; Tưới nhựa dính bám CSS-1H, tiêu chuẩn $0,5 \text{ kg/m}^2$; Lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày 3cm, $K \geq 0,98$.

Loại 2: Bê xi măng (từ dưới lên trên) đường số 1, số 4 và số 9: Lớp cấp phối đá 0x4 dày 25cm, $K=0,98$; Lớp nilong chống mất nước; Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250, dày 22cm.

Kết cấu vỉa hè bó vỉa: Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M200, dày 10cm trên lớp nilon chống thấm. Đất nền đầm chặt $K \geq 0,95$.

Kết cấu Bó Vỉa: Bó vỉa được đúc bằng bê tông đá 1x2 M250, bê tông lót đá 1x2 M150.

Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo giao thông vạch sơn đảm bảo theo QCVN 41:2019/BGTVT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

c) Cây xanh:

Hố trồng cây có kích thước $1,0 \times 1,0 \text{ m}$; đúc bằng khuôn bê tông M200 có bề rộng 100mm. Hố trồng cây cách 8-10m;

Cây trồng trên đường phố có đường kính cổ rễ $\geq 10 \text{ cm}$, cao 3m và phải được chống giữ chắc chắn ngay thẳng. Chúng loại cây trồng: cây viết, cây sao đen,... kết hợp với trồng cỏ.

d) Hệ thống thoát nước mưa:

Toàn bộ nước mưa của khu vực quy hoạch sẽ được thu gom theo các tuyến cống nước mưa trên các trục đường, sau đó theo tuyến cống chính D1000 và D600 trên đường số 2, thoát về suối Đồng Cò (đoạn nhánh suối Bến Ván) hiện hữu ở phía Bắc khu quy hoạch thông qua 2 cửa xả thoát nước mưa D1000.

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được tách riêng với hệ thống thoát nước thải. thu gom bằng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép ly tâm D600 – D1000. Các đoạn cống bằng đường sử dụng cống bê tông ly tâm H30.

Cống thoát nước mưa được bố trí hai bên đường dọc theo các tuyến cống thoát nước bố trí hố ga thu nước mưa, khoảng cách trung bình giữa các hố ga khoảng 30m. Các hố ga thu nước bố trí song chắn rác.

Hệ thống cống thoát nước mưa được đặt dưới vỉa hè, riêng các đoạn cống bằng đường cống được đặt dưới lòng đường. Độ sâu chôn cống tối thiểu với vỉa hè là 0,5m, đối với cống bằng đường là 0,7.

Bố trí hố ga tại các vị trí đổi hướng và tại các vị trí đầu nối. Hố ga được xây dựng bằng BTCT có nhiệm vụ thu nước mặt và đầu nối với hệ thống thoát nước mưa bên trong công trình.

e) Hệ thống cấp nước và Phòng cháy chữa cháy:



Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước hiện hữu ở D200 trên đường ĐH 610 hiện hữu phía Nam của dự án.

Mạng lưới cấp nước cho dự án, được thiết kế dạng mạng vòng. Tuyến ống cấp nước chính của dự án có đường kính D150mm. Các tuyến ống nhánh cấp nước của khu vực dự án được đầu nối với tuyến ống chính cấp nước này.

Đường ống cấp nước sử dụng ống uPVC đường kính D150. Bố trí ống cấp nước hai bên đường đối những tuyến đường có hai mặt tiếp giáp công trình.

Tại các nút mạng lưới bố trí van 2 chiều tại các giao lộ giữa để tiện cho công tác sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết. Van xả cần được bố trí vị trí cuối tuyến.

Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0,7m (tính đến đáy ống), tại những vị trí ống băng đường do phải chịu tải trọng của các loại xe lưu thông bên trên nên phải lắp đặt ống lồng bên ngoài (ống STK D168).

Toàn khu vực bố trí 30 trụ cứu hỏa D150mm, các trụ được đặt trên vỉa hè cách mép đường 1,5m và lắp đặt trực tiếp trên đường ống cấp nước sinh hoạt.

f) Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải trước khi hệ thống công gom phải được xử lý cục bộ trong từng công trình. Tất cả các khu vệ sinh đều có bể tự hoại 3 ngăn xây đúng quy cách.

Hệ thống thoát nước thải thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải của khu quy hoạch được thu gom về trạm xử lý nước thải bằng đường ống tròn HDPE, có đường kính D200-300. Trạm XLNT công suất 192,4m³/ngày đêm. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cột A sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

Các hố ga đặt trên vỉa hè xây dựng bằng bê tông cốt thép khoảng cách trung bình giữa hai hố 30m/cái. Nối cống theo nguyên tắc nối ngang đỉnh cống. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m.

Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 192,4m³/ngày đêm gồm:

Cụm bể xử lý hợp khối dài 16,5m, rộng 9m, cao 4,5m (phần âm dưới đất 3,0m) gồm bể thu gom, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể trung hòa – keo tụ – tạo bông, bể lắng hóa lý, bể thiếu khí, bể lắng sinh học, bể khử trùng, bể chứa bùn, hồ sục cạo; kết cấu chịu lực chính (đáy, thành, nắp) bằng bê tông cốt thép đá 10x20 Mác 250, quét chống thấm Sika mặt trên của đáy cụm bể, các vách ngăn, thành cụm bể, nền gia cố cọc bê tông cốt thép.

Nhà điều hành: Rộng 8,95m; dài 3,10m; cao 3,3m xây dựng trên nắp cụm bể xử lý; kết cấu chịu lực là hệ khung bê tông cốt thép, tường thu hồi mái tôn.

g) Hệ thống cấp điện

Nguồn cấp điện: Đầu nối từ đường dây trung thế trên tuyến đường ĐH610 hiện hữu cấp nguồn cho 04 trạm biến áp 4x560kVA. Tổng công suất thiết kế dự

án là 2.240kVA.

Hệ thống cấp điện trung thế của dự án đi nổi, đầu nối từ tuyến trung thế 22kV trên đường ĐH610 cấp điện cho các trạm biến áp.

Tuyến cáp chính trung thế thiết kế dạng dây đi nổi từ vị trí đầu nối đến các trạm biến áp; Sử dụng cáp Cáp 3xACX- 240mm²/As-120mm², ruột dẫn đồng có giáp bảo vệ, tiết diện cáp trung thế là 120mm².

Trạm biến áp: Bố trí 04 trạm biến áp chung cho khu vực dự án. Tổng công suất trạm biến áp 2.240kVA.

Tuyến hạ thế:

- Hệ thống hạ thế đi ngầm. Cáp hạ thế từ trạm biến áp đi đến các tủ điện phân phối rẽ nhánh cấp điện cho các công trình bố trí đi ngầm.

- Cáp hạ thế: CXV 0,6/1kV 3x150+95mm² được luồn trong ống HDPE Ø130/100mm.

- Tủ điện xây mới bố trí tại vị trí đầu các khu vực nhà xưởng, sử dụng loại chuyên dụng cho các nhà xưởng và loại tủ composite thông thường. Bên trong cáo các MCCB để đóng cắt. Mạng lưới hạ thế của từng công trình thiết kế và đầu tư sau khi có thiết kế chi tiết công trình.

h) Hệ thống chiếu sáng

- Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng lấy từ các trạm biến áp. Toàn bộ khu quy hoạch bố trí 01 tủ chiếu sáng. Hệ thống chiếu sáng của khu nhà ở đi ngầm và bố trí một bên đường. Riêng đường số 2 bố trí hai bên đường.

- Hệ thống chiếu sáng giao thông sử dụng trụ sắt tráng kẽm STK, cao 8m, cần đèn đơn. Cần đèn cao áp làm bằng ống sắt tráng kẽm Ø60mm, dài 3m, tầm với 2,5m, bán kính uốn cong R700mm, góc nghiêng so với mặt phẳng ngang là 15°.

- Lưới điện chiếu sáng sử dụng cáp CXV-4x25mm², tiết diện cáp chiếu sáng là 25mm². Đèn chiếu sáng giao thông sử dụng đèn Led cao áp 100W-220V, ánh sáng màu vàng cam.

i) Thông tin liên lạc

Nguồn cấp: Nguồn tín hiệu viễn thông được đầu nối với tuyến thông tin liên lạc hiện hữu tại ranh dự án.

Mạng thông tin đi ngầm, sử dụng cáp ngầm đi trong ống PVC D110, bề cáp và hồ kỹ thuật khu vực sử dụng loại bê tông có 01 nắp đan 1 lớp ống, khoảng cách các bề cáp không quá 100m. Kích thước: (1340x840x1260)mm.

3. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của chủ sở hữu liên kề.

Phải thực hiện đúng các quy định pháp luật về đất đai về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng.

Phải thông báo cho cơ quan cấp phép đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải..)

Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

4. Thời hạn thi công

- Giấy phép thi công này có thời hạn 12 tháng từ ngày được cấp phép.
- Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./

Nơi nhận:

- Tổ TTXD huyện Bàu Bàng;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng QLĐT;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- CTy TNHH nông sản Trục Điền;
- Lưu: VT, *VT*

KS. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thương

Số: 48 /GPXD

Bàu Bàng, ngày 02 tháng 4 năm 2021

GIẤY PHÉP THI CÔNG

**Công trình: Đấu nối giao thông, thoát nước mưa dự án sản xuất
thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng tại
thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương**

Căn cứ Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chiếu sáng đô thị, thoát nước, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét Đơn đề nghị cấp phép thi công của Công ty TNHH nông súc Trục Điền và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Công ty phê duyệt.

1. Cấp cho: Công ty TNHH nông súc Trục Điền.

- Địa chỉ: Số 255, ấp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 02743 3590 368.

2. Được phép thi công công trình: Đấu nối giao thông, thoát nước mưa dự án sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số 10/2021/QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH nông súc Trục Điền, gồm các nội dung chính sau:

a) Loại, cấp công trình: Công trình giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật, Cấp IV.

b) Đấu nối giao thông:

Đấu nối giao thông đường số 2 vào đường ĐH 610, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương được thiết kế nút giao đơn giản cùng mức dạng ngã ba.

Bố trí biển báo an toàn giao thông, đèn tín hiệu chớp vàng đường ĐH 610, sơn vạch, điều hướng, vạch sơn gờ giảm tốc, vạch cho người đi bộ.

Đầu nổi thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa dự án được thum gom ra tuyến cống chính D1000 trên đường số 2 thoát về suối hiện hữu được nâng cấp thành cống hộp 2,5x2,5m qua 2 cửa xả thoát nước mưa D1000.

- Bố trí các hố thu nước dọc 2 bên tuyến đường số 2 khoảng cách trung bình giữa các hố 30m.

Trong quá trình thi công và sử dụng khi tuyến đường ĐH 610 được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Công ty TNHH nông súc Trục Điền phải thực hiện cải tạo nút giao cho phù hợp tuyến đường ĐH 610 để đảm bảo an toàn giao thông bằng nguồn kinh phí của Công ty.

Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn phải có giải pháp thiết kế tổ chức đảm bảo an toàn xây dựng, trong quá trình khai thác nếu thấy có dấu hiệu mất an toàn đề nghị chủ đầu tư phối hợp cùng cơ quan quản lý xem xét xử lý.

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình

- Mang Giấy phép thi công này đến UBND thị trấn Lai Uyên và các hộ dân liên quan (nếu có) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành các biện pháp đảm bảo an toàn xây dựng theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn khi thi công.

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn xây dựng, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý và cơ quan có thẩm quyền khác.

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho UBND thị trấn Lai Uyên quản lý.

- Trong quá trình thi công và nghiệm thu phải đảm bảo thoát nước mặt đường và khu vực (trong quá trình đưa vào sử dụng nếu để ngập cục bộ khu vực đề nghị chủ đầu tư phải khắc phục) nhằm đảm bảo thoát nước cho khu vực.

4. Thời hạn thi công

- Giấy phép thi công này có thời hạn 12 tháng từ ngày được cấp phép.

- Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn. /*MB*

Nơi nhận:

- Tổ TTXD huyện Bàu Bàng;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng QLĐT;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- CTy TNHH nông súc Trục Điền;
- Lưu: VT *MB*

CHỦ TỊCH



Võ Thành Giàu

Số: 16 /TB-QLĐT

Bàu Bàng, ngày 06 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
Công trình: Đầu nối giao thông, thoát nước mưa Dự án Sản xuất thiết bị
chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng.

Kính gửi: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 28/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 48/GPXD ngày 02 tháng 4 năm 2021 do Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng cấp cho Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện;

Thực hiện Phiếu chuyển số 30/PC-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc nghiệm thu đầu nối giao thông, thoát nước mưa Dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng;

Xét Văn bản số 01/2024/TĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện về việc nghiệm thu đầu nối giao thông, thoát nước mưa Dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng;

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày 29 tháng 01 năm 2024 (kèm theo biên bản làm việc).

Phòng Quản lý đô thị chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình: Đầu nối giao thông, thoát nước mưa Dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng.

b) Tên chủ đầu tư: Công ty Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện.

b) Địa điểm xây dựng: Đường ĐH 610, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng.

c) Loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

d) Nội dung và quy mô đầu tư:

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Đầu nối giao thông đường số 2 vào đường ĐH 610, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương được thể kế nút giao đơn giản cùng mức dạng ngã ba.

- Bố trí biển báo an toàn giao thông, đèn tín hiệu chớp vàng đường ĐH 610, sơn vạch, điều hướng, vạch sơn gờ giảm tốc, vạch cho người đi bộ.

- Hệ thống thoát nước mưa dự án được thu gom ra tuyến cống chính D1000 trên đường số 2 thoát về suối hiện hữu được nâng cấp thành cống hộp 2,5x2,5m qua 2 cửa xả thoát nước mưa D1000. Bố trí các hố thu nước dọc 2 bên tuyến đường số 2 khoảng cách trung bình giữa các hố 30m.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

Lưu trữ hồ sơ hoàn thành hàng mục công trình theo quy định

Quản lý, khai thác, vận hành bảo trì hạng mục công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

3. Kết luận

Qua kiểm tra hiện trạng tại công trình bằng trực quan chủ đầu tư thi công thực hiện đủ khối lượng so với hồ sơ hoàn công.

Trên đây là nội dung kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng của đơn vị./.

Nơi nhân:

- Như trên;
- UBND huyện (thay BC);
- Lưu: VT, Tn.

TRƯỞNG PHÒNG



Phan Quốc Tuấn

Bàu Bàng, ngày 29 tháng 01 năm 2024

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1/ **Công trình:** Đầu nối giao thông, thoát nước mưa Dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng.

2/ **Địa điểm:** Thị trấn Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3/ **Thành phần tham gia nghiệm thu:**

a/ **Đại diện Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Nông Súc Trục Điện.

Ông: Nguyễn Cảnh Thành..... Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

b/ **Đại diện Phòng Quản lý đô thị huyện Bầu Bàng:**

Ông: Trần Thanh Hải..... Chức vụ: Phó Trưởng phòng.....

Ông: Chức vụ:

c/ **Đại diện Phòng Kinh tế:**

Ông: Nguyễn Quang Thanh..... Chức vụ: Trưởng phòng.....

Ông: Chức vụ:

d/ **Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Uyên.**

Ông: Dương Văn Tài..... Chức vụ: Cán bộ GTNT.....

Ông: Chức vụ:

4/ **Thời gian tiến hành nghiệm thu:**

Bắt đầu: 14 giờ 00 phút ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kết thúc: 15 giờ 00 phút ngày 29 tháng 01 năm 2024

Tại công trình: Đầu nối giao thông, thoát nước mưa Dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng.

5/ **Đánh giá hạng mục công trình, công trình xây dựng:**

a/ Về tài liệu làm căn cứ kiểm tra:

- Hồ sơ, Bản vẽ hoàn công.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ Đầu Tư phê duyệt.
- Các quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu theo hồ sơ.
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.



- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ Đầu Tư và các văn bản khác có liên quan đến các đối tượng nghiệm thu.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công.

b/ Về chất lượng công việc xây dựng:

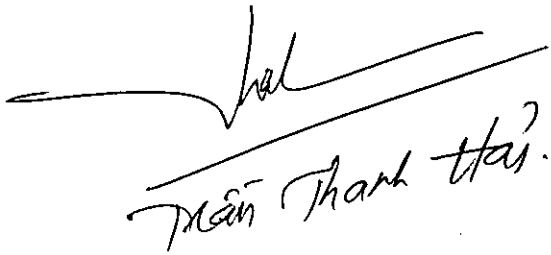
Hiện trạng công trình:

Qua kiểm tra hiện trạng tại công trình bằng
thước quan thi công thực hiện đo khối lượng
so với hồ sơ hoàn công

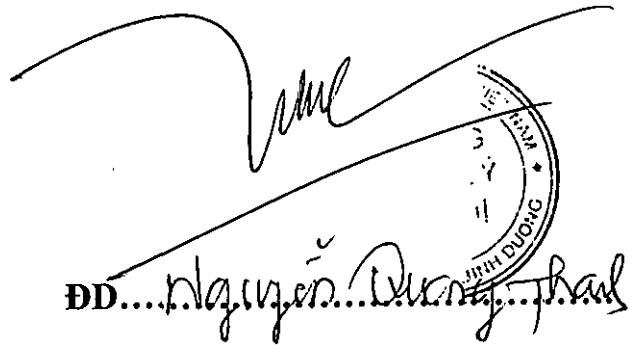
Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày được thông qua các bên cùng nghe thống nhất ký tên./.

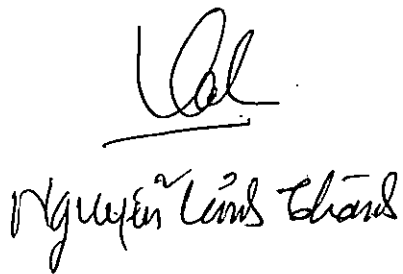
ĐD Phòng Quản lý đô thị

ĐD..phòng..kinh...tế.....

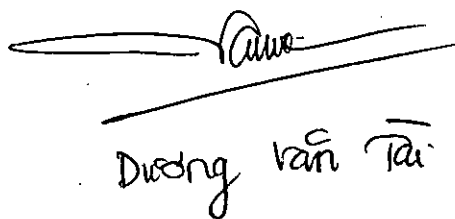

Trần Thanh Hải

ĐD Công ty TNHH Nối Sắt Thép Miền


ĐD....Nguyễn Dương Thành


Nguyễn Linh Châu

ĐD..UBND..T.T...Lai...Huyện.....


Dương Văn Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 444 /UBND-KT

Bà Rịa, ngày 10 tháng 02 năm 2024

V/v chấp thuận cho Công ty
TNHH Nông súc Trục Điền
thực hiện đấu nối thoát nước
thải sau xử lý

Kính gửi: Công ty TNHH Nông súc Trục Điền.

Qua xem xét Văn bản số 02/2024/CV-TĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH Nông súc Trục Điền về việc xin đấu nối nước thải Dự án Sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê xưởng và ý kiến tham mưu, đề xuất của Phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo số 44/BC-QLĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty TNHH Nông súc Trục Điền thực hiện đấu nối thoát nước thải sau xử lý vào cống hộp 2,5x2,5m tại phía Bắc, ngoài ranh dự án dẫn ra suối Đồng Cò do Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Uyên quản lý, như đề xuất của Phòng Quản lý đô thị.

2. Đề nghị Công ty TNHH Nông súc Trục Điền lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền để được cấp phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng QLĐT;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- Như trên;
- Lưu: VT, XL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thương

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 37 /TD-PCCC

18/01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số: 03/2021/CV ngày 15 tháng 01 năm 2021 của: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền.

Người đại diện theo pháp luật là Ông/bà: Phan Thị Bảy, Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

GHI TẠI TRANG 2

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH TM-DV Hùng Hưng Thịnh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

Quy mô dự án/công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền;
- C07, Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: PC07.

Bình dương, ngày 20 tháng 01 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 33...../TD-PCCC ngày 20/01../2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương)

ngày 20/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương)

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng Quy mô công trình: Khu sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng có diện tích khu đất: 115.374,8m ² .	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ PCCC-01 đến PCCC-02	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Số: 326 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/ĐNTD ngày 12 tháng 5 năm 2021 của: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền.

Người đại diện theo pháp luật là Ông/bà: Phan Thị Bảy; chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

**KHU SẢN XUẤT THIẾT BỊ CHĂN NUÔI CÔNG NGHIỆP
VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ**

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn & xây dựng Kiến Xanh, Công ty TNHH TM-DV Hùng Hưng Thịnh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Khoảng cách an toàn PCCC; đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Bậc chịu lửa; bố trí công năng; giải pháp thoát nạn; giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Giải pháp chống tụ khói; hệ thống điện phục vụ PCCC;
- Hệ thống chống sét;
- Trang bị phương tiện PCCC ban đầu;
- Biện pháp bảo vệ kết cấu thép: Cột, kèo, thanh giằng, liên kết chịu lực bằng thép sơn chống cháy, GHCL ≥ 90 phút.

Quy mô dự án/công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Nông Súc Trục Điền;
- C07; Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: PC07 (CTPC).

Bình dương, ngày 14 tháng 5 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

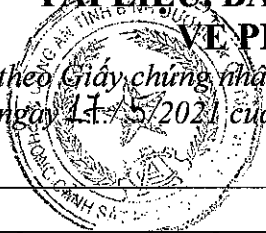
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Trưởng phòng Nguyễn Anh Tuấn

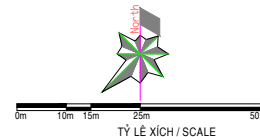
**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 38/TD-
PCCC ngày 14/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương)



TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN	
	Quy mô công trình: Khu sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng, công trình phụ trợ có diện tích khu đất: 115.374,8m², bao gồm: - Nhà xưởng 1 (67m x 212m) = 14.204m², 01 tầng; - Nhà xưởng 2 (67m x 212m) = 14.204m², 01 tầng; - Nhà xưởng 3 (67m x 212m) = 14.204m², 01 tầng; - Nhà xưởng 4 (67m x 212m) = 14.204m², 01 tầng; - Nhà kho (20m x 111m) = 2.220m², 01 tầng; - Nhà văn phòng 1 (10m x 15m) = 150m², 03 tầng; - Nhà văn phòng 2, 3 (15m x 30m) = 450m², 03 tầng; - Công trình phụ trợ (trạm điện, bể nước PCCC, khu xử lý nước, nhà xe...).	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
	Bản vẽ PCCC: PCCC-01 đến PCCC-36	
	Mặt bằng tổng thể - giao thông: KT/01 đến KT/03	
	Nhà xưởng 1: KT/01 đến KT/03; KC 02/05 đến KC 05/05	
	Nhà xưởng 2: KT/01 đến KT/03; KC 02/05 đến KC 05/05	
	Nhà xưởng 3, 4: KT/01 đến KT/03; KC 02/05 đến KC 05/05	
	Nhà kho: KT/01 đến KT/03; KC 02/04 đến KC 04/04	
	Nhà xe: KT 01/02 đến KT 02/02; KC 01/02 đến KC 02/02	
	Nhà văn phòng 1: KT 01/02 đến KT 02/02; KC 01/02 đến KC 02/02	
	Nhà văn phòng 2, 3: KT 01/05 đến KT 05/05; KC 01/04 đến KC 04/04	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.



CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT				
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)	QCNDVN 01-2019/BXD
A ĐẤT QUY HOẠCH				
I	ĐẤT CÔNG TRÌNH	61.406,7	59,3	≤ 60
1	Đất nhà máy - kho tàng	59.036,0	57,0	Mục 2.5.3 - Lô đất xây dựng nhà xưởng > 5 sản
2	Đất các khu kỹ thuật	1.320,7	1,3	sử dụng sản xuất thí mạt
3	Đất công trình hành chính - dịch vụ	1.050,0	1,0	độ xây dựng thuần ≤ 60%
II	ĐẤT CÂY XANH	20.984,8	20,3	≥ 20%
III	ĐẤT GIAO THÔNG, BẾN BÀI	21.174,0	20,4	Mục 2.6.5 - Bảng 2.11
IV	TỔNG	103.565,5	100,0	-
B ĐẤT KHÁC				
1	Đất hành lang bảo vệ suối	371,6	-	-
2	Đất hành lang an toàn đường bộ	11.437,7	-	-
TỔNG		115.374,8	-	-

BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT CÁC LÔ ĐẤT XÂY DỰNG						
STT	KÝ HIỆU LÔ	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TẦNG CAO TỐI ĐA (Tầng)	CHIỀU CAO TỐI ĐA (m)	DIỆN TÍCH SÀN XD TỐI ĐA (m ²)
I	CN	ĐẤT NHÀ MÁY KHO TÀNG	59.036,0			118.072,0
1	CN1	Kho	2.220,0	2	16,00	4.440,0
2	CN2	Xưởng 1	14.204,0	2	16,00	28.408,0
3	CN3	Xưởng 2	14.204,0	2	16,00	28.408,0
4	CN4	Xưởng 3	14.204,0	2	16,00	28.408,0
5	CN5	Xưởng 4	14.204,0	2	16,00	28.408,0
II	KT	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT	1.320,7			8.080,0
1	PCCC	Phòng cháy chữa cháy	148,5	1	5,00	700,0
2	TĐ	Trạm điện	2,2	1	5,00	1.500,0
3	NX	Nhà xe	1.170,0	2	16,00	5.880,0
4	NLNT	Xử lý nước thải	148,5			
III	DV	ĐẤT HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ	1.050,0			3.150,0
1	DV 1	Văn phòng dịch vụ 1	450,0	3	16,00	1.350,0
2	DV 2	Văn phòng dịch vụ 2	450,0	3	16,00	1.350,0
3	DV 3	Văn phòng dịch vụ 3	150,0	3	16,00	450,0
TỔNG			61.406,7			129.302,0

KÝ HIỆU:

- ĐẤT NHÀ XƯỞNG
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ
- ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT
- ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI - XE CONTAINER
- ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ
- ĐẤT HÀNH LANG SUỐI, ĐƯỜNG BỘ
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI HẠN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- TRẠM CẤP NƯỚC (PCCC)
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (NLNT)
- BẾN BÀI

CN2	KÍ HIỆU LÔ
-	TẦNG CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (TẦNG)
11,30	CHIỀU CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (M)
10.985,0m ²	DIỆN TÍCH (M ²)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

KÝ THIỆU QUYẾT ĐỊNH SỐ: _____ NGÀY: _____

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

KÝ THIỆU CÔNG VẤN SỐ: _____ NGÀY: _____

CƠ QUAN THỎA THUẬN (NẾU CÓ)
KÝ THIỆU CÔNG VẤN SỐ: _____ NGÀY: _____ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP (CHỦ ĐẦU TƯ):
CÔNG TY TNHH NÔNG SỨC TRỰC DIỆN

KÝ THIỆU TÀI TRƯNG SỐ: _____ NGÀY: _____

CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN LAI UYÊN - HUYỆN BÀU BÀNG - TỈNH BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ

KÍ HIỆU:	GHEP: 1 x A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: 11/2020
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM THÁNH CHUNG		
THIẾT KẾ			
CHỦ TRÌ			
CHỦ NHIỆM	KTS. HOÀNG BÁ DŨNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. HỒ XUÂN VINH		
GIÁM ĐỐC			

NGUYỄN TÀI ĐỨC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN KỸ THUẬT

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG TRƯỜNG TOÀN PHÁT

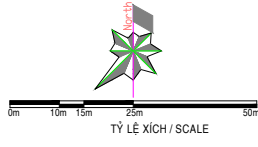
ĐỊA CHỈ: 40 ĐƯỜNG DẪN VÀO TỈNH - TỈNH 17 - KHU 4 - P. PHÚ NHƯ - TP. THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG

TEL: (0650) - 3 882198 FAX: (0650) - 3 882195

THỊ TRẤN LAI UYÊN - HUYỆN BÀU BÀNG - TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



THUYẾT MINH SƠ BỘ

I-TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ:

- QCVN 01: 2019/BXD QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.
- QCVN 07-2: 2016/BXD QUY HOẠCH KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG: CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC.
- QCVN 07-4: 2016/BXD QUY HOẠCH KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG: CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG.
- TCXDVN 104:2007 TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG VIỆT NAM: ĐƯỜNG ĐỒ THỊ: YẾU CẦU THIẾT KẾ.

II-QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA:

- NGUỒN TIẾP NHẬN:
- XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA RIÊNG, SỬ DỤNG CỐNG BTCT ĐƯỜNG KÍNH TỪ D600-D1000 CHO TOÀN BỘ KHU QUY HOẠCH.
- NƯỚC MƯA ĐƯỢC THU GOM VÀO CÁC TUYẾN CỐNG D600 CHAY DỌC THEO CÁC TRỤC ĐƯỜNG SAU ĐÓ THEO TUYẾN CỐNG CHÍNH D1000 THOÁT VỀ MƯƠNG NƯỚC HIỆN HỮU TIẾP GIÁP KHU QUY HOẠCH Ở PHÍA BẮC.
- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA ĐƯỢC BỐ TRÍ 2 BÊN ĐƯỜNG, KHOẢNG CÁCH TRUNG BÌNH CỦA 2 HỐ GÀ LÀ 30M.
- ĐỘ SÂU CHÔN CỐNG TỐI THIỂU (TÍNH TỪ MẶT ĐẤT ĐẾN ĐỈNH CỐNG) LÀ 0,5m. ĐỘ DỐC CỐNG TỐI THIỂU ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG TỰ LÀM SẠCH CỐNG LÀ 1/D (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐNG).

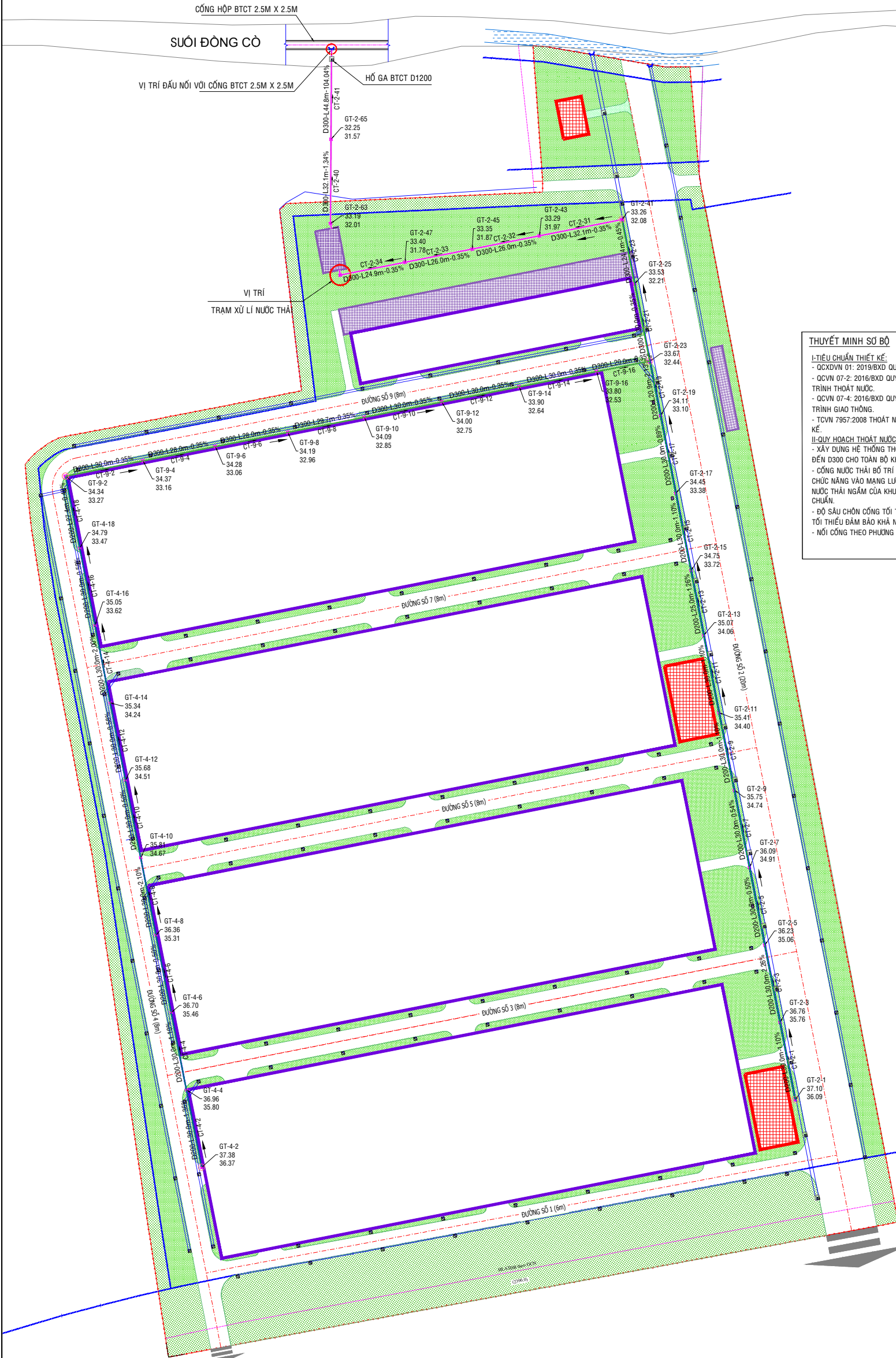
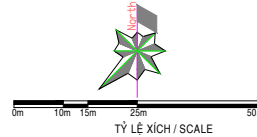
KÝ HIỆU:			
D600-L26.3-0.17%	ĐƯỜNG KÍNH (mm)-CHIỀU DÀI (m)-ĐỘ DỐC(%)	29.68	CAO ĐỘ ĐỈNH HỐ GÀ (m)
	HƯỚNG DỐC CỐNG	27.95	CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GÀ(m)
	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA D1000		HỐ THỤ NƯỚC MƯA
	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA D600		HỐ GÀ NƯỚC MƯA
	CỐNG THOÁT NGOÀI RANH ĐANG THI CÔNG D600	22.30	CAO ĐỘ THIẾT KẾ (m)
2.0%	ĐỘ DỐC ĐƯỜNG	21.97	CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)

KÝ HIỆU:	
	ĐẤT NHÀ XƯỞNG
	ĐẤT CÂY XANH
	ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ
	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT
	ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI - XE CONTAINER
	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ
	ĐẤT HÀNH LANG SUỐI, ĐƯỜNG BỘ
	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	CHỈ GIỚI HẠT
	CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
	TRẠM CẤP NƯỚC (PCCC)
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (XLNT)
	BẾN BÀI

KÍ HIỆU LỖ	
CN2	TẦNG CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (TẦNG)
1	CHIỀU CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (M)
11.30	DIỆN TÍCH (M ²)
10.985,0m ²	

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT			
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG			
Kính theo quyết định số: _____		Ngày: _____	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			
SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG			
Kính theo công văn số: _____		Ngày: _____	
CƠ QUAN THỎA THUẬN (nếu có):			
Kính theo công văn số: _____		Ngày: _____	
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP (CHỦ ĐẦU TƯ):			
CÔNG TY TNHH NÔNG SỨC TRỰC DIỆN			
Kính theo tờ trình số: _____		Ngày: _____	
SẢN XUẤT THIẾT BỊ CHẤM NÚI CÔNG NGHIỆP VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG			
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN LAI UYÊN - HUYỆN BÀU BÀNG - TỈNH BÌNH DƯƠNG			
BẢN VẼ			
KÍ HIỆU:	GHEP: 1 x A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: 11/2020
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM THÁNH CHUNG		
THIẾT KẾ			
CHỦ TRÌ			
CHỦ NHIỆM	KTS. HOÀNG BÁ DŨNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. HỒ XUÂN VINH		
GIÁM ĐOC			
NGUYỄN TÀI ĐỨC			
ĐƠN VỊ TƯ VẤN DỰ ÁN			
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG TRƯỜNG TOÀN PHÁT			
ĐỊA CHỈ: 40 ĐƯỜNG ĐK 46 - TÔ 17 - KHU 4 - P. PHÚ HẺ - TP. THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG			
TEL: (0650) - 3 882198 FAX: (0650) - 3 882195			

CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI



THUYẾT MINH SƠ BỘ

I-TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ:

- QCVN 01: 2019/BXD QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.
- QCVN 07-2: 2016/BXD QUY HOẠCH KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG: CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC.
- QCVN 07-4: 2016/BXD QUY HOẠCH KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG: CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG.
- TCVN 7957:2008 THOÁT NƯỚC - MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TRÌNH BÊN NGOÀI - TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ.

II-QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI:

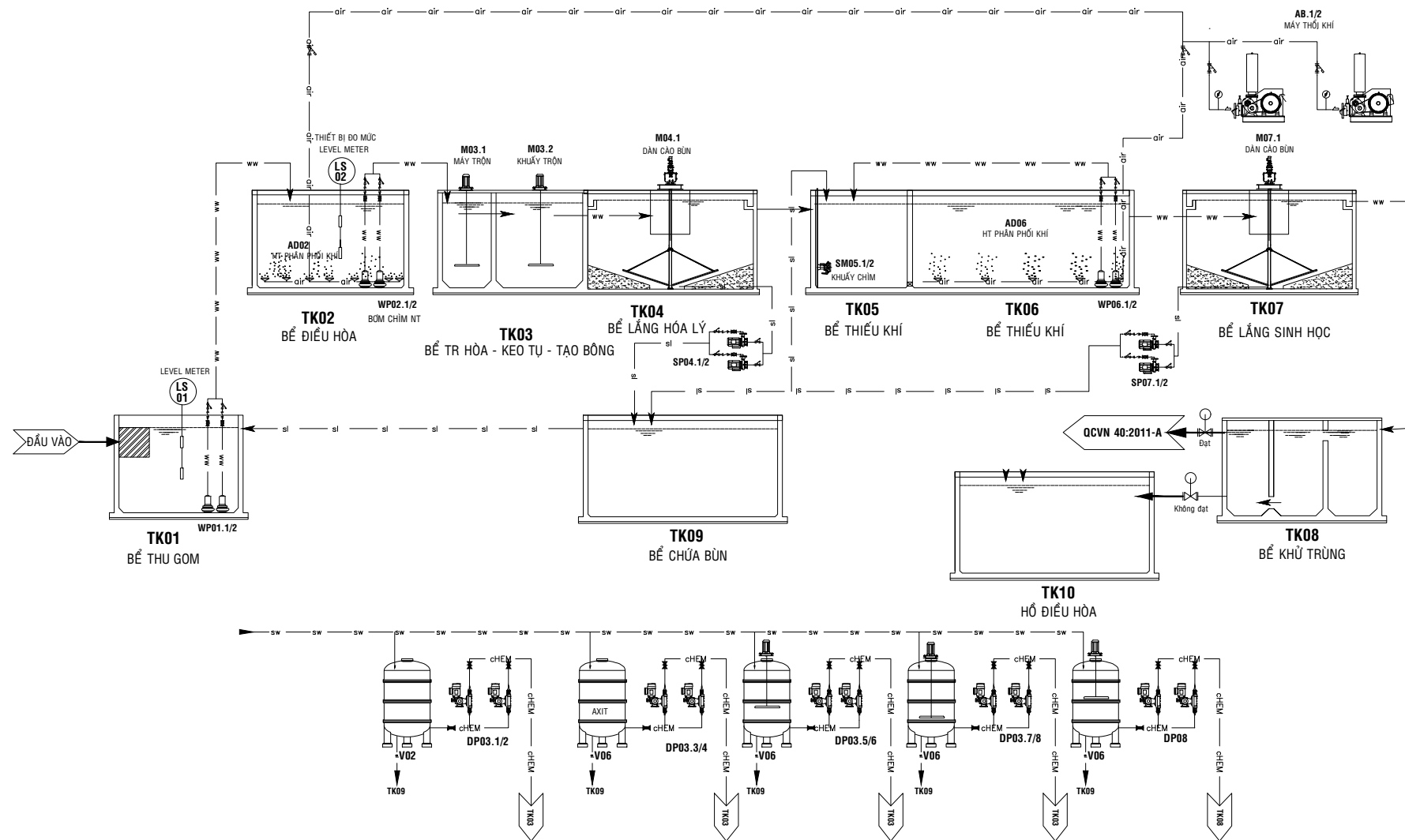
- XÂY DỰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI RIÊNG, SỬ DỤNG CỐNG CÓ ĐƯỜNG KÍNH TỪ D200 ĐẾN D300 CHO TOÀN BỘ KHU QUY HOẠCH.
- CỐNG NƯỚC THẢI BỐ TRÍ ĐỌC BÊN ĐƯỜNG, ĐẢM BẢO ĐẦU NÚT TỬ NƯỚC THẢI TỪ CÁC KHU CHỨC NĂNG VÀO MẠNG LƯỚI. TOÀN BỘ NƯỚC THẢI ĐƯỢC THU GOM SAU ĐÓ DẪN VỀ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NGẦM CỦA KHU QUY HOẠCH ĐỂ XỬ LÝ. NƯỚC THẢI SAU KHÍ ĐƯỢC XỬ LÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN.
- ĐỘ SÂU CHÔN CỐNG TỐI THIỂU (TÍNH TỪ MẶT ĐẤT ĐẾN ĐỈNH CỐNG) LÀ 0.5m. ĐỘ ĐỐC CỐNG TỐI THIỂU ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG TỰ LÀM SẠCH CỐNG LÀ 1/Đ (Đ LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐNG).
- NỐI CỐNG THEO PHƯƠNG PHÁP NỐI NGANG ĐÌNH.

KÝ HIỆU:	
D200-L26.7-0.5%	ĐƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI - ĐỘ ĐỐC
	CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI THIẾT KẾ D200
	CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI THIẾT KẾ D300
	CAO ĐỘ ĐỈNH HỐ GA (m)
	CAO ĐỘ ĐÁY GA (m)
	HỐ GA THU NƯỚC THẢI
	CAO ĐỘ THIẾT KẾ (m)
	CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)

KÝ HIỆU:	
	ĐẤT NHÀ XƯỞNG
	ĐẤT CÂY XANH
	ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH - DỊCH VỤ
	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT
	ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI - XE CONTAINER
	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ
	ĐẤT HÀNH LANG SƯỜI, ĐƯỜNG BỘ
	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	CHỈ GIỚI HẠT
	CHỈ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
	TRẠM CẤP NƯỚC (PCCC)
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI (XLNT)
	BÈN BÀ

KÍ HIỆU LỖ	
CN2	TẦNG CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (TẦNG)
1	CHIỀU CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (M)
11,30	DIỆN TÍCH (M ²)
10,985,0m ²	

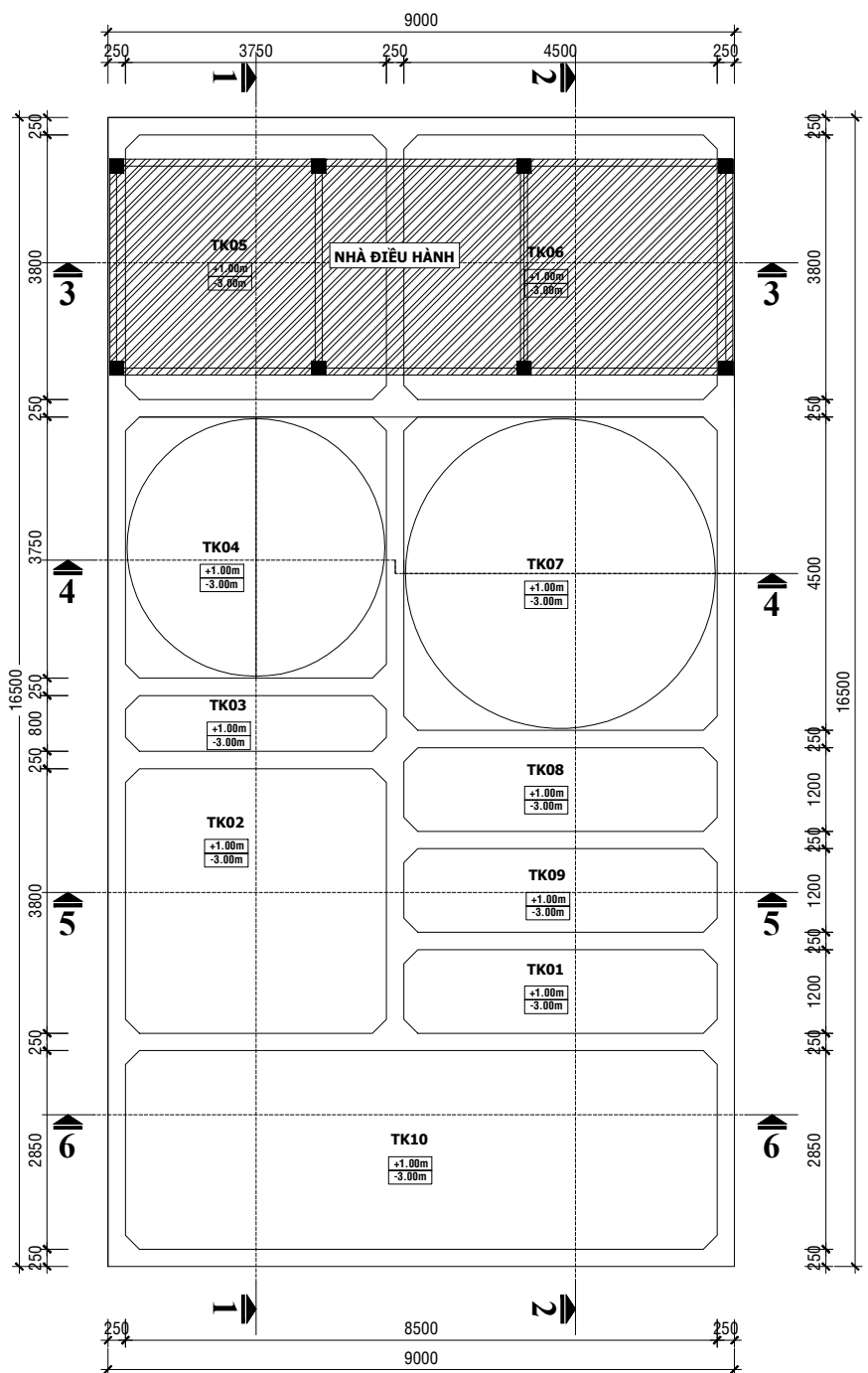
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT			
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG			
HỌ TÊN QUẢN LÝ: _____ NGÀY: _____			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH			
SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG			
HỌ TÊN QUẢN LÝ: _____ NGÀY: _____			
CƠ QUAN THỎA THUẬN (NEU CÓ)			
HỌ TÊN QUẢN LÝ: _____ NGÀY: _____			
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP (CHỦ ĐẦU TƯ):			
CÔNG TY TNHH NÔNG SỨC TRỰC DIỆN			
HỌ TÊN QUẢN LÝ: _____ NGÀY: _____			
SẢN XUẤT THIẾT BỊ CHẤM NÚT CÔNG NGHIỆP VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG			
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN LAI UYÊN - HUYỆN BÀU BÀNG - TỈNH BÌNH DƯƠNG			
BẢN VẼ			
KÍ HIỆU:	GHEP: 1 x A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: 11/2020
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM THÁNH CHUNG		
THIẾT KẾ			
CHỦ TRÌ			
CHỦ NHIỆM	KTS. HOÀNG BÁ DŨNG		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. HỒ XUÂN VINH		
GIÁM ĐỐC			
NGUYỄN TÀI ĐỨC			
ĐƠN VỊ TỰ VẤN DUY ANH			
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG TRƯỜNG TOÀN PHÁT			
ĐỊA CHỈ: 40 ĐƯỜNG ĐK 46 - T.Đ 17 - KH. 4 - P. PHÚ NH - TP. TH. ĐAU MỘT - BÌNH DƯƠNG			
TEL: (0650) - 3 882198 FAX: (0650) - 3 882195			



GHI CHÚ

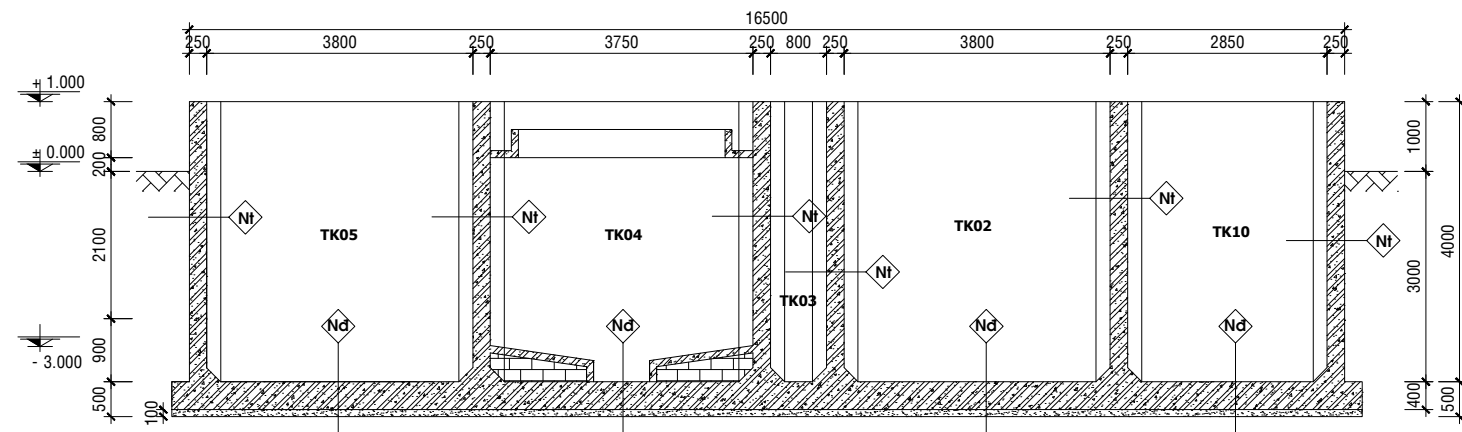
— ww — ww — ww — ww — ww —	ĐƯỜNG NƯỚC		BƠM TRỤC VÍT		BƠM ĐỊNH LƯỢNG		VAN
— air — air — air — air — air —	ĐƯỜNG KHÍ		BƠM TRỤC NGANG		BƠM CHÌM		MÁY KHUẤY TRỘN CHÌM
— sl — sl — sl — sl — sl —	ĐƯỜNG Bùn		MÁY ÉP Bùn		MOTOR		THIẾT BỊ ĐO MỨC
— cHEM — cHEM — cHEM — cHEM —	ĐƯỜNG HÓA CHẤT						
— SW — SW — SW — SW — SW —	NƯỚC CẤP						

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☒
HIỆU CHỈNH	☐
CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME	
CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ	
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR	
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG SỨC TRỰC DIỆN	
GIÁM ĐỐC: PHAN THỊ BẦY	
ĐỊA ĐIỂM: LOCATION	
THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
HẠNG MỤC: ITEM	
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 190M3/NGÀY ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
BẢN VẼ: TXL-01	NGÀY HOÀN THÀNH 04/2021
THIẾT KẾ DESIGNER	KS. NGUYỄN VĂN PHONG
CHỦ TRÌ PRESIDER	KS. NGUYỄN VĂN PHONG
CHỦ NHIỆM MANAGER	KS. THUẬN DUY NHỰT
Q.L KỸ THUẬT TECHN. MANAGER	KS. LÊ VĂN QUÝ
PHÓ GIÁM ĐỐC: VICE DIRECTOR	
VŨ VĂN LỊCH	
	CÔNG TY CPĐT XÂY DỰNG DỊCH VỤ NAM VIỆT 156, ĐƯỜNG 11, P.LINH XUÂN, TP.THỦ ĐỨC, TP.HCM ĐT: 0283 7245963; FAX: 0283 7245962;

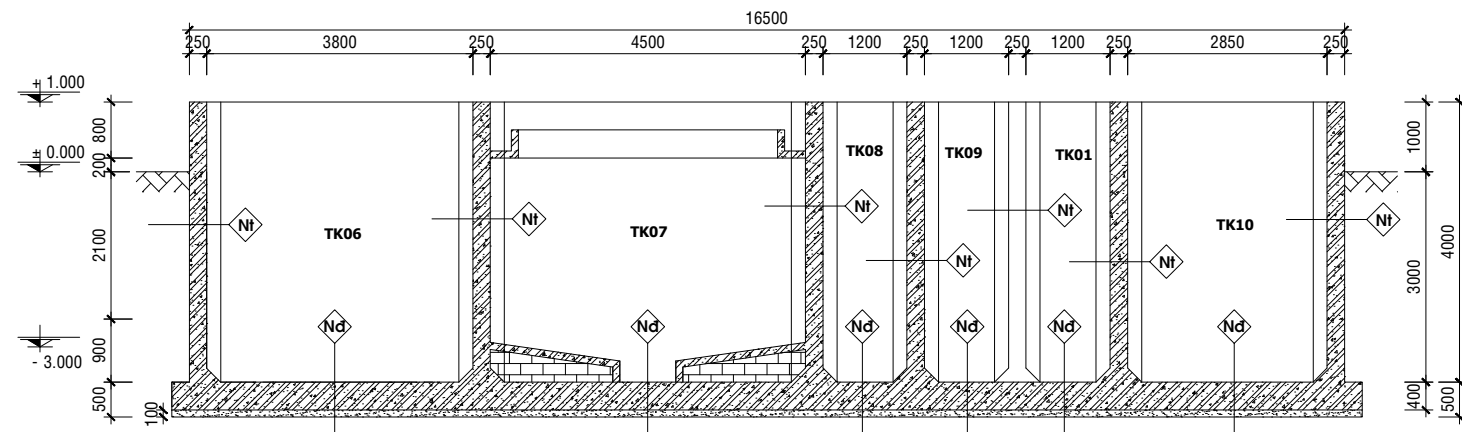


KÝ HIỆU	TÊN BỂ
TK01	BỂ THU GOM
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA
TK03	BỂ TRUNG HÒA - KEO TỤ - TẠO BÔNG
TK04	BỂ LẮNG HÓA LÝ
TK05	BỂ THIẾU KHÍ (MODUL 1)
TK06	BỂ THIẾU KHÍ (MODUL 2)
TK07	BỂ LẮNG SINH HỌC
TK08	BỂ KHỬ TRÙNG
TK09	BỂ CHỨA BÙN
TK10	HỒ SỰ CỐ

THIẾT KẾ CƠ SỞ			☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT			☐
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			☒
HIỆU CHỈNH			☐
CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ			
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG SỨC TRỰC DIỆN			
GIÁM ĐỐC:			PHAN THỊ BẦY
ĐỊA ĐIỂM: LOCATION			THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG
HANG MỤC: ITEM			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 190M3/NGÀY ĐÊM
TÊN BẢN VẼ: DRAWING			MẶT BẰNG CỤM BỂ
BẢN VẼ: TXL-03	NGÀY HOÀN THÀNH	04/2021	
THIẾT KẾ DESIGNER	KS. NGUYỄN VĂN PHÚC		
CHỦ TRÌ PRESIDER	KS. NGUYỄN VĂN PHÚC		
CHỦ NHIỆM MANAGER	KS. THUẬN DUY NHỰT		
Q.L KỸ THUẬT TECHN. MANAGER	KS. LÊ VĂN QUÝ		
PHÓ GIÁM ĐỐC: VICE DIRECTOR			VŨ VĂN LỊCH
		CÔNG TY CPĐT XÂY DỰNG DỊCH VỤ NAM VIỆT 156, ĐƯỜNG 11, P.LINH XUÂN, TP.THỦ ĐỨC, TP.HCM ĐT: 0283 7245963; FAX: 0283 7245962;	



MẶT CẮT 1 - 1



MẶT CẮT 2 - 2

GHI CHÚ CẤU TẠO:

Nt THÀNH BỂ

- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- THÀNH BTCT -ĐÁ 10x20 M250 (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- 2 LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX

Nd ĐÁY BỂ

- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- BT ĐÁ 10x20 D400 M250
- BT LÓT ĐÁ 40x60 M100
- ĐẤT TỰ NHIÊN SAN PHẪNG DỌN SẠCH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☒
HIỆU CHỈNH	☐

CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG SỨC TRỰC DIỄN

GIÁM ĐỐC:
PHAN THỊ BẦY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION
THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

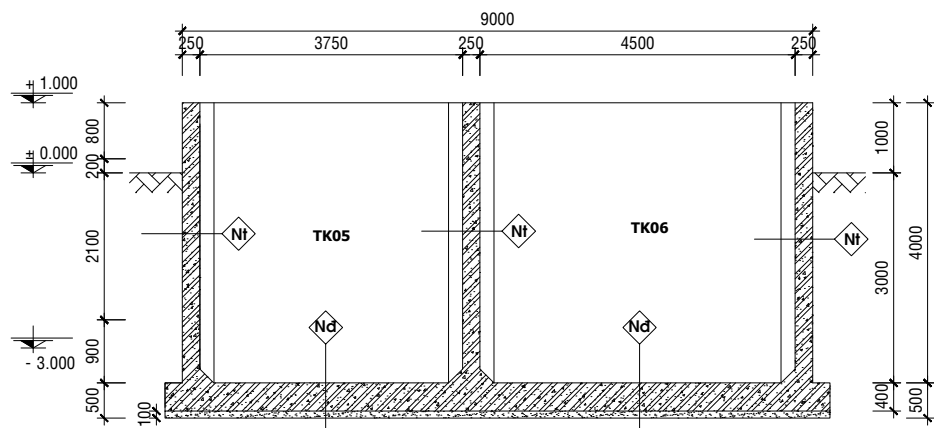
HANG MỤC:
ITEM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 190M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING
MẶT CẮT KIẾN TRÚC CỤM BỂ

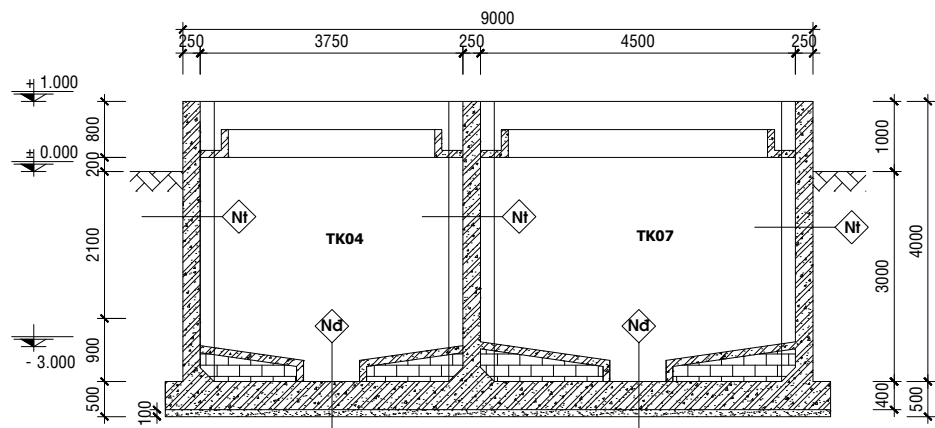
BẢN VẼ: TXL-04	NGÀY HOÀN THÀNH	04/2021
THIẾT KẾ DESIGNER	KS. NGUYỄN VĂN PHÚC	
CHỦ TRÌ PRESIDER	KS. NGUYỄN VĂN PHÚC	
CHỦ NHIỆM MANAGER	KS. THUẬN DUY NHỰT	
Q.L KỸ THUẬT TECHN. MANAGER	KS. LÊ VĂN QUÝ	

PHÓ GIÁM ĐỐC:
VICE DIRECTOR

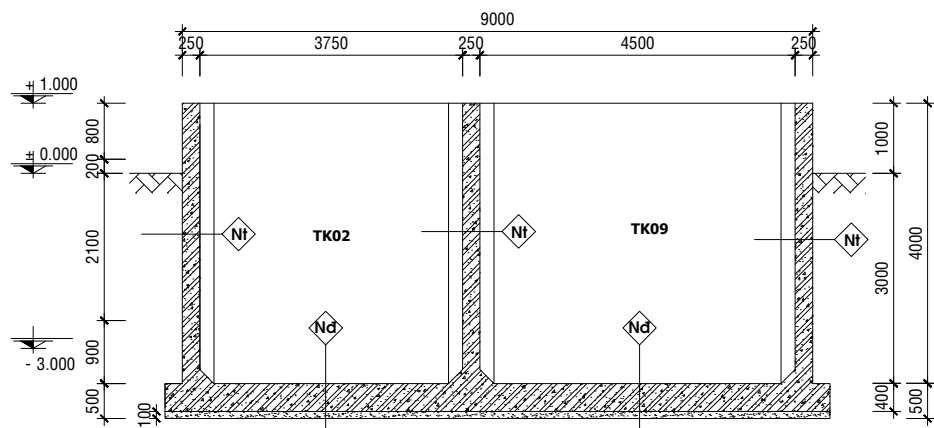
VŨ VĂN LỊCH



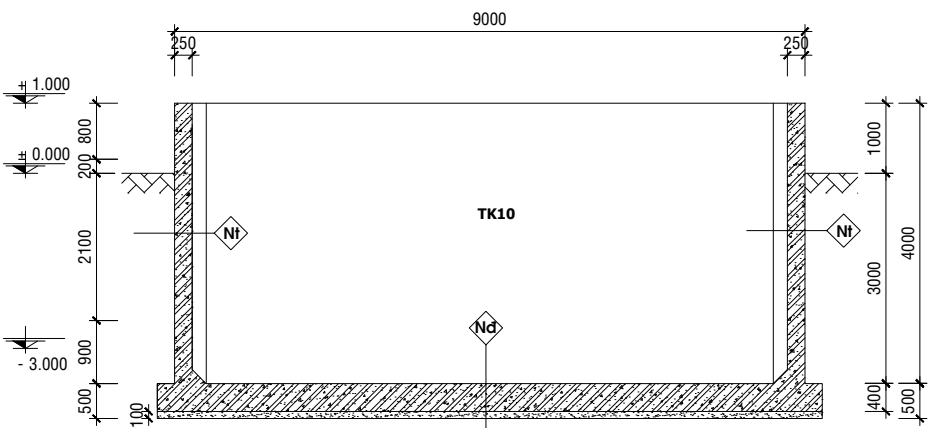
MẶT CẮT 3 - 3



MẶT CẮT 4 - 4



MẶT CẮT 5 - 5



MẶT CẮT 6 - 6

GHI CHÚ CẤU TẠO:



THÀNH BỂ

- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX
- THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- THÀNH BTCT - ĐÁ 10x20 M250 (XEM BẢN VẼ KẾT CẤU)
- 2 LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX



ĐÁY BỂ

- LỚP CHỐNG THẤM BẰNG SIKALATEX
- THEO QUY TRÌNH NHÀ SẢN XUẤT
- BT ĐÁ 10x20 D400 M250
- BT LÓT ĐÁ 40x60 M100
- ĐẤT TỰ NHIÊN SAN PHẪNG DỌN SẠCH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☒
HIỆU CHỈNH	☐

CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NÔNG SỨC TRỰC DIỆN

GIÁM ĐỐC:
PHAN THỊ BẦY

ĐỊA ĐIỂM:
LOCATION
THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HANG MỤC:
ITEM
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 190M3/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING
MẶT CẮT KIẾN TRÚC CỤM BỂ

BẢN VẼ: TXL-05	NGÀY HOÀN THÀNH	04/2021
THIẾT KẾ DESIGNER	KS. NGUYỄN VĂN PHÚC	
CHỦ TRÌ PRESIDER	KS. NGUYỄN VĂN PHÚC	
CHỦ NHIỆM MANAGER	KS. THUẬN DUY NHỰT	
Q.L KỸ THUẬT TECHN. MANAGER	KS. LÊ VĂN QUÝ	

PHÓ GIÁM ĐỐC:
VICE DIRECTOR

VŨ VĂN LỊCH